

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

Hà Lập Ninh

PHÒNG NGỪA TÌNH HÌNH TỘI
SỬ DỤNG MẠNG MÁY TÍNH, MẠNG VIỄN THÔNG,
MẠNG INTERNET HOẶC THIẾT BỊ SỐ THỰC HIỆN
HÀNH VI CHIẾM ĐOẠT TÀI SẢN
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2018

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

Hà Lập Ninh

**PHÒNG NGỪA TÌNH HÌNH TỘI
SỬ DỤNG MẠNG MÁY TÍNH, MẠNG VIỄN THÔNG,
MẠNG INTERNET HOẶC THIẾT BỊ SỐ THỰC HIỆN
HÀNH VI CHIẾM ĐOẠT TÀI SẢN
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Chuyên ngành: Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm

Mã số: 8 38 01 05

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC
TS. NGUYỄN THANH DƯƠNG

HÀ NỘI - 2018

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHÒNG NGỪA TÌNH HÌNH TỘI SỬ DỤNG MẠNG MÁY TÍNH, MẠNG VIỄN THÔNG, MẠNG INTERNET HOẶC THIẾT BỊ SỐ THỰC HIỆN HÀNH VI CHIẾM ĐOẠT TÀI SẢN.....	8
1.1. Khái niệm, ý nghĩa của phòng ngừa tình hình tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản	8
1.2. Mục đích, các nguyên tắc phòng ngừa tình hình tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản	14
1.3. Các chủ thể phòng ngừa tình hình tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản	19
1.4. Nội dung và các biện pháp phòng ngừa tình hình tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản	24
Chương 2: THỰC TRẠNG PHÒNG NGỪA TÌNH HÌNH TỘI SỬ DỤNG MẠNG MÁY TÍNH, MẠNG VIỄN THÔNG, MẠNG INTERNET HOẶC THIẾT BỊ SỐ THỰC HIỆN HÀNH VI CHIẾM ĐOẠT TÀI SẢN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.....	28
2.1. Thực trạng nhận thức về phòng ngừa tình hình tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	28
2.2. Thực trạng về tình hình tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2013 – 2017.....	31
2.3. Thực trạng về tổ chức các chủ thể phòng ngừa tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	41

2.4. Thực trạng các biện pháp phòng ngừa tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.....	46
--	----

Chương 3: DỰ BÁO TÌNH HÌNH VÀ GIẢI PHÁP PHÒNG NGỪA TÌNH HÌNH TỘI SỬ DỤNG MẠNG MÁY TÍNH, MẠNG VIỄN THÔNG, MẠNG INTERNET HOẶC THIẾT BỊ SỐ THỰC HIỆN HÀNH VI CHIẾM ĐOẠT TÀI SẢN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH55

3.1. Dự báo tình hình tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản trên địa bàn Thành Phố Hồ Chí Minh	55
--	----

3.2. Tăng cường nhận thức trong phòng ngừa tình hình tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	59
---	----

3.3. Tăng cường phòng ngừa tình hình tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	60
---	----

KẾT LUẬN	78
-----------------------	-----------

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ANTT	: An ninh thông tin
ATTT	: An toàn thông tin
BLHS	: Bộ luật hình sự
CAND	: Công an nhân dân
CĐTS	: Chiếm đoạt tài sản
CSĐT	: Cảnh sát điều tra
CSKT	: Cảnh sát kinh tế
MMT	: Mạng máy tính
MVT	: Mạng viễn thông
TAND	: Tòa án nhân dân
TBS	: Thiết bị số
TNXH	: Tệ nạn xã hội
TP.HCM	: Thành phố Hồ Chí Minh
TPSDCNC	: Tội phạm sử dụng công nghệ cao
TTATXH	: Trật tự an toàn xã hội
UBND	: Ủy ban nhân dân
VKSND	: Viện kiểm sát nhân dân

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1: Bảng thống kê mức độ tương quan tình hình tội phạm sử dụng công nghệ cao và tình hình tội theo điều 226b trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (2013-2017).

Bảng 2.2. Thống kê cơ cấu tội phạm điều 226b với tội phạm sử dụng công nghệ cao (Điều 224, 225, 226, 226a, 226b) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2013 đến năm 2017.

Bảng 2.3: Diễn biến tội phạm theo điều 226b trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2013 - 2017.

Bảng 2.4: Thống kê mức độ hậu quả tội phạm theo điều 226b trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2013 - 2017.

Bảng 2.5: Thống kê công tác tiếp nhận xử lý tố giác, tin báo TPSPDCNC và tội phạm điều 226b của Lực lượng CSKT công an TP.HCM từ năm 2013 đến 2017.

Bảng 2.6: Thống kê giải quyết các vụ án tội phạm sử dụng công nghệ cao trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm 2017.

Bảng 2.7: Đặc điểm nhân thân của các bị cáo phạm tội theo điều 226b trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2013 - 2017.

Bảng 2.8 Thống kê tình hình biên chế của lực lượng Cảnh sát kinh tế - Công an Thành phố Hồ Chí Minh, tính đến tháng 12/2017.

Bảng 2.9: Thống kê trình độ, độ tuổi của lực lượng Cảnh sát kinh tế - Công an Thành phố Hồ Chí Minh, tính đến tháng 12/2017.

Bảng 2.10: Thống kê tình hình thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2013 - 2017.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong những năm vừa qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam, công cuộc đổi mới toàn diện của đất nước ta đã thu được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa quan trọng, tạo tiền đề tích cực cho sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đặc biệt, sự xuất hiện và phát triển mạnh mẽ của mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng internet, thiết bị số đang được sử dụng phổ biến và đóng một vai trò hết sức quan trọng, đã làm biến đổi sâu sắc đời sống xã hội, thúc đẩy sự phát triển mọi mặt của đất nước. Cũng như bất kỳ một thành tựu khoa học nào của nhân loại, khi mà các thành tựu càng được ứng dụng rộng rãi trong đời sống xã hội thì càng dễ bị lợi dụng, sử dụng hoặc là mục tiêu của các đối tượng phạm tội. MMT, MVT, mạng internet, TBS cũng không nằm ngoài quy luật đó. Bên cạnh những thuận lợi mang lại, nó cũng đã được các đối tượng triệt để lợi dụng thực hiện hành vi phạm tội, đặc biệt là hành vi chiếm đoạt tài sản. Năm 2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS đã bổ sung thêm Điều 226b quy định tội “Sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS”.

TP.HCM là trung tâm kinh tế - văn hóa xã hội của cả nước, dưới tác động của kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế sâu rộng, trong những năm vừa qua tốc độ phát triển của thành phố ngày càng tăng nhanh, thành phố có vị trí đặc biệt quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế, xã hội của vùng và của cả nước. Với vị trí đó, TP.HCM là nơi hội tụ số lượng lớn lao động đổ về TP.HCM tìm kiếm việc làm do vậy dân số của TP.HCM ngày càng tăng cao. TP.HCM còn là trung tâm tài chính, ngân hàng lớn nhất dẫn đầu cả nước về số lượng ngân hàng và doanh số giao dịch quan hệ tài chính. Cùng với đó, người dân TP.HCM thực hiện việc giao tiếp, giao dịch thông qua các sản phẩm, dịch vụ, tiện ích công nghệ thông tin, viễn thông, và ứng dụng nhanh các thành tựu của công nghệ thông tin vào trong cuộc sống. Từ những đặc điểm trên cho thấy TP.HCM là địa bàn chứa đựng nhiều yếu tố môi trường thuận lợi cho TPSDCNC nói chung ngày càng gia tăng phát triển nhanh chóng, trong đó chủ yếu là tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực

hiện hành vi CĐTTS. Loại tội phạm này không chỉ gây thiệt hại lớn về kinh tế, cản trở sự hoạt động bình thường của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, cá nhân mà còn tác động trực tiếp đến tình hình an toàn, an ninh mạng, ANTT, an ninh trên lĩnh vực tài chính, tiền tệ.

Từ năm 2013 đến 2017, TAND TP.HCM đã đưa ra xét xử tổng cộng 48 vụ án TPSDCNC với 150 bị cáo trong đó có 44 vụ án sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS (chiếm tỉ lệ 91,66%) với 135 bị cáo, tổng tài sản thiệt hại Khoảng 90,381 tỷ đồng, điều này cho thấy tình hình tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS trên địa bàn TP.HCM diễn ra hết sức phức tạp. Các cấp Ủy Đảng chính quyền Thành phố đã chỉ đạo các ban ngành tổ chức xã hội và công dân tăng cường công tác phòng ngừa tình hình tội phạm này trên cả hai phương diện đấu tranh chống tội phạm và phòng ngừa ngăn chặn tội phạm. Tuy nhiên so với yêu cầu thực tế trước diễn biến tình hình tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS như hiện nay vẫn còn bộc lộ những thiếu sót, hạn chế nhất định dẫn đến loại tội này luôn có chiều hướng gia tăng, số lượng người bị bắt đưa ra xét xử lớn, hậu quả của loại tội phạm này rất lớn gây thiệt hại cho nhà nước, tổ chức và công dân làm ảnh hưởng đến tâm lý lo lắng cho xã hội. Những vụ án đã được phát hiện, điều tra và đưa ra xét xử như trên cũng chưa phản ánh hết thực trạng của tội phạm này trong thực tiễn do nhiều nguyên nhân trong đó có nguyên nhân cơ bản là cấp Ủy Đảng chính quyền Thành phố và nhân dân chưa quan tâm đúng mức đến công tác phòng ngừa tình hình tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS. Cơ quan CSĐT, VKSND, TAND là những cơ quan trực tiếp phòng ngừa tình hình tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS nhưng chưa quản lý được tình hình tội phạm, chạy theo vụ việc, một số cán bộ còn coi nhẹ công tác phòng ngừa và tuyên truyền, trình độ năng lực chuyên môn còn hạn chế, chưa chủ động đề xuất, tham mưu kịp thời các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm này cho cấp ủy Đảng, chính quyền thành phố một cách có hiệu quả.

Trước thực trạng trên, để đánh giá một cách đúng đắn thực trạng tình hình tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS trên địa bàn

TP.HCM chúng ta cần phải đi sâu phân tích làm rõ các hệ thống các giải pháp đấu tranh phòng ngừa loại tội phạm này trong thời gian qua, từ đó đề ra các hệ thống giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội này trên địa bàn TP.HCM. Do vậy, việc chọn đề tài “Phòng ngừa tình hình tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” trên địa bàn TP.HCM để làm luận văn thạc sỹ luật học là đáp ứng yêu cầu khách quan, cấp thiết hiện nay.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Trong thời gian qua đã có một số công trình nghiên cứu có liên quan đến công tác đấu tranh phòng, chống TPSPDCNC ở nhiều góc độ khác nhau như:

- Nguyễn Ngọc Minh (2008), *“Đặc điểm hình sự tội phạm sử dụng công nghệ cao và giải pháp nâng cao hiệu quả điều tra”*. Luận văn thạc sỹ, Học viện Cảnh sát nhân dân.

- Nguyễn Hòa Bình (2008), *“Tội phạm sử dụng công nghệ cao ở Việt Nam, thực trạng và giải pháp phòng ngừa, đấu tranh của lực lượng cảnh sát”*. Đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ. Cơ quan chủ trì: Vụ nghiên cứu chiến lược CAND.

- Phan Đình Khánh - Nguyễn Văn Tùng (2013), *“Đấu tranh, phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao tại Thành phố Hồ Chí Minh - thực trạng và giải pháp”*. Đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ. Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ - UBND TP.HCM và Hội Luật gia TP.HCM.

- Nguyễn Thành Trung (2013), *“Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản trên địa bàn Thành Phố Hồ Chí Minh: Tình hình, nguyên nhân và giải pháp”*. Luận văn thạc sỹ luật học, Học viện khoa học xã hội - TP.HCM.

- Trần Thanh Bình (2015), *“Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản trên địa bàn Tỉnh Bình Dương: Tình hình, nguyên nhân và giải pháp”*. Luận văn thạc sỹ luật học, Học viện khoa học xã hội - TP.HCM.

- Trần Văn Yên (2015), *“Tội phạm có sử dụng công nghệ cao trên địa bàn*

Thành Phố Hồ Chí Minh: Tình hình, nguyên nhân và giải pháp”. Luận văn thạc sĩ luật học, Học viện khoa học xã hội - TP.HCM.

Ngoài ra, còn một số công trình, bài viết đăng trên các báo, tạp chí, mạng internet. Tuy nhiên, chưa có công trình khoa học nào nghiên cứu về phòng ngừa tình hình tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CDTS trên địa bàn TP.HCM. Vì vậy, việc nghiên cứu phòng ngừa tình hình tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CDTS nhằm đề ra các giải pháp góp phần tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội này trên địa bàn TP.HCM. Đề tài này không trùng với bất kỳ công trình khoa học nào đã công bố.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở đánh giá thực trạng phòng ngừa tình hình tội Sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CDTS trên địa bàn TP.HCM, từ đó luận văn hướng đến đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả phòng ngừa tình hình tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CDTS trên địa bàn TP.HCM.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục tiêu trên, Luận văn cần giải quyết tốt các nhiệm vụ cơ bản:

- Phân tích để làm rõ những vấn đề lý luận về phòng ngừa tình hình tội Sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CDTS.
- Khảo sát thực trạng hoạt động phòng ngừa tình hình tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CDTS trên địa bàn TP.HCM.
- Làm rõ những hạn chế, nguyên nhân của các mặt trong hoạt động phòng ngừa tình hình tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CDTS trên địa bàn TP.HCM một cách toàn diện trên cơ sở khoa học và thực tiễn.
- Nghiên cứu đưa ra các dự báo, giải pháp để nâng cao hiệu quả hoạt động phòng ngừa tình hình tội Sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CDTS trên địa bàn TP.HCM.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu:

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của Luận văn là những vấn đề lý luận và thực tiễn phòng ngừa tình hình tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS trên địa bàn TP.HCM.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi về nội dung: phòng ngừa tình hình tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS trên địa bàn TP.HCM.

- Phạm vi về không gian: khảo sát công tác phòng ngừa tình hình tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS trên địa bàn TP.HCM.

- Phạm vi về thời gian: Khảo sát từ năm 2013 đến năm 2017.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Luận văn được nghiên cứu dựa trên cơ sở phương pháp luận biện chứng duy vật của chủ nghĩa Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phòng ngừa tình hình tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Để hoàn thành việc nghiên cứu, tác giả đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể như:

- Phương pháp nghiên cứu tài liệu: Tác giả sưu tầm, hệ thống, nghiên cứu các văn bản pháp luật, các tài liệu, công trình nghiên cứu liên quan đến phòng ngừa tình hình tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS.

- Phương pháp phân tích, tổng hợp: thông qua nghiên cứu các hồ sơ, tài liệu, số liệu để phân tích, đánh giá, tổng hợp tìm ra nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa tình hình tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS trên địa bàn TP.HCM.

- Phương pháp thống kê, so sánh: Từ các báo cáo số liệu xét xử tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS từ năm 2013 đến năm 2017 trên địa bàn TP.HCM, tác giả xây dựng các bảng biểu theo các tiêu chí để so sánh sự gia tăng về số lượng của tội phạm này qua từng năm từ đó đánh giá các mối liên hệ giữa các bộ phận trong cơ cấu cũng như diễn biến của tình hình tội này, tìm ra các hạn chế để đề ra các giải pháp phòng ngừa phù hợp, hiệu quả.

- Phương pháp chuyên gia: Trong quá trình làm luận văn, tác giả trực tiếp gặp gỡ, trao đổi với những điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán, các giáo viên trong lĩnh vực công nghệ thông tin, các chuyên gia trong lĩnh vực an ninh mạng để nắm bắt những thuận lợi khó khăn trong phòng, chống tội phạm sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS trên địa bàn TP.HCM.

- Phương pháp nghiên cứu điển hình: Tác giả khảo sát một số vụ án sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS trên địa bàn TP.HCM nhằm làm rõ những vấn đề thực tiễn của tình hình tội phạm này.

6. Ý nghĩa lý luận và ý nghĩa thực tiễn của luận văn

6.1. Ý nghĩa lý luận của luận văn

Qua kết quả nghiên cứu của luận văn góp phần bổ sung hoàn thiện những vấn đề lý luận về phòng ngừa tình hình tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn của luận văn

Luận văn đã làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn trong phòng ngừa tình hình tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS trên địa bàn TP.HCM, từ đó đề ra các giải pháp phòng ngừa phù hợp với điều kiện thực tiễn tại địa phương. Do vậy, kết quả nghiên cứu của luận văn có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo, nghiên cứu, học tập, giảng dạy chuyên ngành tội phạm học tại các cơ sở đào tạo ở nước ta. Đồng thời góp nâng cao hiệu quả hoạt động về phòng ngừa tình hình tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS trên địa bàn TP.HCM trong thời gian tới.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phần phụ lục, luận văn được cấu trúc thành 03 chương như sau:

Chương 1: Những vấn đề lý luận về phòng ngừa tình hình tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản.

Chương 2: Thực trạng phòng ngừa tình hình tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Chương 3: Dự báo tình hình và giải pháp phòng ngừa tình hình tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHÒNG NGỪA TÌNH HÌNH TỘI SỬ DỤNG MẠNG MÁY TÍNH, MẠNG VIỄN THÔNG, MẠNG INTERNET HOẶC THIẾT BỊ SỐ THỰC HIỆN HÀNH VI CHIẾM ĐOẠT TÀI SẢN

1.1. Khái niệm, ý nghĩa của phòng ngừa tình hình tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản

1.1.1. Khái niệm phòng ngừa tình hình tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản

1.1.1.1. Khái niệm về phòng ngừa tình hình tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản

Theo GS.TS Võ Khánh Vinh: “Tình hình tội Phạm là một hiện tượng xã hội, pháp lý – hình sự được thay đổi về mặt lịch sử, mang tính giai cấp bao gồm tổng thể thống nhất (hệ thống) các tội phạm thực hiện trong xã hội (quốc gia) nhất định và trong một khoảng thời gian nhất định.” [53, tr.61].

Phòng ngừa tội phạm là mục tiêu cuối cùng của tội phạm học. Tội phạm học nghiên cứu tình hình tội phạm, nguyên nhân, điều kiện của tội phạm, nhân thân người phạm tội, cơ chế hành vi phạm tội... từ đó phát hiện ra quy luật phát sinh, tồn tại và vận động của tội phạm, tìm ra các biện pháp tác động vào quy luật đó nhằm mục đích cuối cùng là phòng ngừa tội phạm, ngăn ngừa không để tội phạm xảy ra.

Theo Tội phạm học Việt Nam một số vấn đề lý luận và thực tiễn của Viện nghiên cứu nhà nước và pháp luật [51, tr.25] thì phòng ngừa tội phạm được hiểu theo hai nghĩa khác nhau. Theo nghĩa rộng, phòng ngừa bao hàm toàn bộ những hoạt động nhằm khắc phục loại trừ nguyên nhân và điều kiện của tội phạm và các biện pháp phát hiện, ngăn chặn xử lý các tội phạm đang và đã xảy ra. Còn theo nghĩa hẹp của nó là ngừa không để tội phạm xảy ra, bảo vệ xã hội, Nhà nước và công dân khỏi sự xâm hại của tội phạm.

GS.TS Võ Khánh Vinh khẳng định: “Phòng ngừa tình hình tội phạm là hệ thống nhiều mức độ và biện pháp mang tính chất nhà nước, xã hội và nhà nước – xã

hội nhằm khắc phục các nguyên nhân và điều kiện của tội phạm hoặc làm vô hiệu hóa (làm yếu; hạn chế) chúng và bằng cách đó làm giảm và dần dần loại bỏ tình hình tội phạm” [53, tr.154].

Như vậy phòng ngừa tình hình tội phạm nhằm mục đích cuối cùng là loại trừ tình hình tội phạm ra khỏi đời sống xã hội. Do vậy nhà nước cần phải tập trung và quan tâm hơn công tác phòng ngừa tình hình tội phạm và xem đây là một công tác thường xuyên, liên tục.

Do tội phạm là hiện tượng xã hội phức tạp, đa dạng và nhiều cấp độ do vậy công tác phòng ngừa tội phạm chỉ có thể đạt được hiệu quả khi nó là một quá trình lâu dài, sử dụng nhiều biện pháp với tính chất và mức độ khác nhau. Phòng ngừa tình hình tội phạm là nhiệm vụ của toàn xã hội, bao gồm Nhà nước, các cơ quan đoàn thể, các tổ chức xã hội và mọi công dân. Để thực hiện nhiệm vụ của mình, Nhà nước và xã hội đã sử dụng nhiều loại biện pháp khác nhau với phạm vi, mức độ và tính chất khác nhau trong suốt quá trình lâu dài nhằm khắc phục, hạn chế và loại trừ nguyên nhân, điều kiện của tội phạm để ngăn chặn, hạn chế tiến tới loại bỏ tội phạm ra khỏi đời sống xã hội.

Trên cơ sở nhận thức và tiếp cận về phòng ngừa tình hình tội phạm như trên, có thể đưa ra khái niệm về phòng ngừa tình hình tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS như sau: *“phòng ngừa tình hình tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản là quá trình tiến hành, sử dụng đồng bộ các biện pháp khác nhau của nhà nước, xã hội nhằm phát hiện ngăn chặn, xóa bỏ các nguyên nhân, điều kiện làm nảy sinh tội phạm này. Đồng thời, phải phát hiện, ngăn chặn, đẩy lùi và tiến tới xóa bỏ loại tội phạm này ra khỏi đời sống xã hội”*.

1.1.1.2. Đặc điểm pháp lý tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản

Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản được quy định tại điều 226b BLHS năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 có đặc điểm pháp lý như sau:

- Chủ thể của tội phạm: là bất kỳ người nào có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đủ 16 tuổi trở lên hoặc từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi trong trường hợp phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng (phạm tội thuộc trường hợp khoản 3 và khoản 4 - Điều 226b).

- Khách thể của tội phạm: chính là an toàn công cộng, trật tự công cộng, cụ thể ở đây là hoạt động bình thường của MMT, MVT, mạng internet, môi trường giao dịch điện tử, hoạt động thương mại điện tử, kinh doanh tiền tệ, huy động vốn tín dụng, mua bán và thanh toán cổ phiếu qua mạng. Khi xem xét khách thể của tội này cũng cần phải đề cập đến đối tượng tác động của tội phạm này. Đối tượng tác động của tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS là tài sản. Một điểm cần lưu ý là việc xác định người bị hại trong các vụ án sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS không phải là yếu tố bắt buộc để buộc tội đối với người phạm tội. Vấn đề này được quy định tại Điều 4, Thông tư liên tịch số 10/2012/TTLT-BCA-BQP-BTP-BTTTT-VKSNDTC-TANDTC [11, tr.4].

- Mặt khách quan của tội phạm:

Hành vi khách quan: Tội phạm thể hiện ở một trong những dạng hành vi sau nhằm chiếm đoạt tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân:

+ Sử dụng khoa học công nghệ để trộm cắp thông tin, dữ liệu, mật khẩu của cơ quan, tổ chức, cá nhân dùng thẻ tín dụng, từ đó làm giả thẻ ngân hàng và sử dụng thẻ giả này nhập mật khẩu đã đánh cắp để chiếm đoạt tiền của chủ thẻ tín dụng trái phép, bằng các hình thức trực tiếp rút tiền qua cây ATM hoặc thanh toán khi thanh toán tiền mua hàng hóa, dịch vụ trên mạng, chuyển tiền qua tài khoản khác, trả tiền đánh bạc, cá độ bóng đá qua mạng...

+ Truy cập bất hợp pháp vào tài khoản là hành vi cố ý vượt qua cảnh báo, mã truy cập, tường lửa hoặc sử dụng mã truy cập của người khác mà không được sự cho phép của người đó để truy cập vào tài khoản không phải của mình, sau đó chiếm đoạt tiền của chủ tài khoản.

+ Lừa đảo trong thương mại điện tử, kinh doanh tiền tệ, huy động vốn tín dụng, mua bán và thanh toán cổ phiếu qua mạng là sử dụng thủ đoạn gian dối, đưa

ra thông tin sai sự thật về một sản phẩm, một vấn đề, lĩnh vực trong thương mại điện tử, kinh doanh tiền tệ huy động vốn tín dụng, mua bán và thanh toán cổ phiếu trên mạng nhằm tạo niềm tin cho người chủ, người quản lý tài sản, làm cho họ tưởng là thật và mua, bán hoặc đầu tư vào lĩnh vực đó.

+ Hành vi gửi tin nhắn lừa trúng thưởng nhưng không có giải thưởng để chiếm đoạt phí dịch vụ tin nhắn; quảng cáo bán hàng trên mạng Internet, mạng viễn thông nhưng không giao hàng hoặc giao không đúng số lượng, chủng loại, chất lượng thấp hơn hàng quảng cáo và các hành vi tương tự.

+ Sử dụng kỹ thuật số như chụp ảnh, quay Camera hoặc bằng các phương tiện nghe nhìn khác như điện thoại di động,... ghi âm, ghi hình về đời tư của cá nhân, tổ chức sau đó đưa lên môi trường mạng Internet để chiếm đoạt tiền, tài sản của cá nhân, tổ chức bị ghi hình, quay hình ảnh,...

Về Công cụ, phương tiện: Dấu hiệu bắt buộc trong mặt khách quan của tội phạm này là mọi hành vi khách quan phải hoạt động thông qua môi trường MMT, MVT, mạng Internet hoặc TBS và đối tượng phạm tội thường không có sự tiếp xúc trực tiếp với người bị hại. Nếu những hành vi khách quan tương tự nhưng không sử dụng thông qua môi trường trên hoặc thông qua môi trường trên xong đối tượng phạm tội tiếp xúc trực tiếp với người bị hại thì không phạm tội này hoặc cấu thành tội phạm khác. Đây là điểm khác biệt trong hành vi khách quan giữa loại tội phạm này với các tội phạm xâm phạm sở hữu khác.

Về Hậu quả : Hậu quả không phải là dấu hiệu bắt buộc của cấu thành cơ bản của tội phạm này. Tuy nhiên, hậu quả, thiệt hại lại là tình tiết định khung hình phạt. gây hậu quả nghiêm trọng là gây thiệt hại về vật chất có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới năm trăm triệu đồng; gây hậu quả rất nghiêm trọng là gây thiệt hại về vật chất có giá trị từ năm trăm triệu đồng đến dưới một tỷ đồng; gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng là gây thiệt hại về vật chất có giá trị từ một tỷ đồng trở lên. Khi áp dụng các tình tiết gây hậu quả như trên cần chú ý: hậu quả phải do hành vi phạm tội gây ra (có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi phạm tội và hậu quả đó). Việc xác định hậu quả là thiệt hại về tài sản để coi là yếu tố định khung hình phạt không

được căn cứ vào giá trị tài sản bị chiếm đoạt, vì giá trị tài sản này đã được quy định thành tình tiết định khung riêng biệt, hậu quả phải là thiệt hại về tài sản xảy ra ngoài giá trị tài sản bị chiếm đoạt.

- Mặt chủ quan của tội phạm: Mục đích của người phạm tội là nhằm chiếm đoạt tài sản, sử dụng MMT, MVT, mạng internet và TBS như là công cụ phạm tội. Lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý; động cơ mục đích là vụ lợi (nhằm CĐTTS).

1.1.1.3. Những sửa đổi, bổ sung về tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản theo quy định của Điều 290 BLHS năm 2015

Theo điều 290, BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 226b BLHS 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 nhận thấy, ngoài việc thay đổi tên tội danh còn có một số điểm khác nhau trong mặt khách quan của tội phạm, cụ thể như sau:

- Có sự bổ sung thêm các hành vi khách quan: Làm, tàng trữ, mua bán, sử dụng, lưu hành thẻ ngân hàng giả nhằm chiếm đoạt tài sản của chủ tài khoản, chủ thẻ hoặc thanh toán hàng hóa, dịch vụ (so với Điều 226b, BLHS năm 1999, sửa đổi, bổ sung 2009 chỉ có hành vi làm giả thẻ ngân hàng nhằm chiếm đoạt tài sản của chủ thẻ hoặc thanh toán hàng hóa, dịch vụ); Lừa đảo trong thanh toán điện tử; Thiết lập, cung cấp trái phép dịch vụ viễn thông, internet nhằm chiếm đoạt tài sản.

- Sửa đổi một số hành vi khách quan: Hành vi huy động vốn tín dụng qua mạng sửa đổi thành huy động vốn, kinh doanh đa cấp qua mạng; Hành vi mua bán và thanh toán cổ phiếu qua mạng sửa đổi thành giao dịch chứng khoán qua mạng.

- Bổ sung quy định về số lượng thẻ ngân hàng giả do người phạm tội làm, tàng trữ, mua bán, sử dụng, lưu hành làm căn cứ định khung hình phạt.

- Về xác định hậu quả, có sự quy định rõ về mức độ thiệt hại về tài sản do hành vi phạm tội gây ra để định khung hình phạt.

1.1.2. Ý nghĩa của phòng ngừa tình hình tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản

Tình hình tội phạm gây thiệt hại lớn cho các quan hệ xã hội, do đó phòng ngừa tình hình tội phạm là hoạt động mang tính tất yếu. Việc nghiên cứu phòng

ngừa tình hình tội phạm là một phương hướng có tính chiến lược, lâu dài, hỗ trợ và tạo điều kiện cho các hoạt động đấu tranh phòng chống tội phạm khác [49, tr.278].

Phòng ngừa tình hình tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS nhằm loại bỏ các tác động tiêu cực của nó đối với xã hội và hạn chế làm giảm đến mức thấp nhất xảy ra tội phạm trong xã hội, giảm thiệt hại tài sản cho công dân, cho nhà nước, xã hội. Mặt khác, phòng ngừa tốt tình hình tội phạm này góp phần thực hiện nghiêm chỉnh và đầy đủ các nghị quyết, chỉ thị, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, huy động sức mạnh tổng thể, đồng bộ trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, làm giảm sự gia tăng của tội phạm và vi phạm pháp luật, từ đó làm nâng cao sự tín nhiệm vào khả năng, hiệu quả hoạt động của cơ quan thực thi và bảo vệ pháp luật. Việc này tạo sự tham gia, ủng hộ nhiệt tình, tích cực của quần chúng nhân dân trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm tạo sự hưởng ứng tích cực của xã hội, của cộng đồng đối với những hành vi vi phạm pháp luật.

Về mặt kinh tế, phòng ngừa tốt tình hình tội phạm này góp phần hạn chế đến mức thấp nhất những thiệt hại về kinh tế do tình hình tội phạm này gây ra. tỉ lệ tội phạm này giảm sẽ kéo theo khả năng tiết kiệm ngân sách Nhà nước, tiết kiệm sức lao động, giảm chi phí cho hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, giáo dục cải tạo người phạm tội cũng như giải quyết các vấn đề có liên quan đến tội phạm.

Phòng ngừa tốt tình hình tội phạm này góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, tăng hiệu quả trong hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của cơ quan bảo vệ pháp luật, góp phần tạo ra những điều kiện thuận lợi cho các mặt công tác phòng ngừa tình hình tội phạm khác. Đặc biệt, đối với lĩnh vực điều tra, xử lý tội phạm, làm tốt công tác phòng ngừa, góp phần điều tra khám phá nhanh chóng các vụ án, đem lại hiệu quả chính xác.

Qua công tác này góp phần thực hiện tốt các chương trình quốc gia phòng chống tội phạm đã đề ra, giữ vững an ninh quốc gia, TTATXH, đồng thời tuyên truyền đường lối chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, tích cực tác động đến các nhân tố xã hội, các ban ngành đoàn thể, gia đình, và mọi người cùng tham gia phòng ngừa tình hình tội phạm.

1.2. Mục đích, các nguyên tắc phòng ngừa tình hình tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản

1.2.1. Mục đích của phòng ngừa tình hình tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản

Phòng ngừa tình hình tội phạm là một quá trình lâu dài, khó khăn, phức tạp, tuy nhiên từ những lý luận khoa học của chủ nghĩa Mác – Lênin, của Đảng ta và từ thực tiễn đấu tranh phòng chống tội phạm chúng ta có thể tin tưởng sẽ đấu tranh thắng lợi với các loại tội phạm và loại trừ nó ra khỏi đời sống xã hội trong tương lai. Hơn nữa, phòng ngừa không để xảy ra tội phạm còn là yêu cầu đòi hỏi của Nhà nước và mỗi người dân để đảm bảo cuộc sống yên vui, hạnh phúc [46, tr.415].

Trong tình hình hiện nay ở nước ta để chỉ đạo cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm, Đảng ta đã ban hành Chỉ thị số 48/CT/TW “về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đấu tranh phòng chống tội phạm trong tình hình mới” trong đó đã chỉ rõ mục đích: *“trong thời gian tới, công tác phòng chống tội phạm phải kiểm chế, làm giảm các loại tội phạm, nhất là các loại tội phạm nghiêm trọng, tội phạm mới; tạo ra môi trường lành mạnh, phục vụ có hiệu quả nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ cuộc sống hạnh phúc và bình yên của nhân dân”*. [7]. Ngày 14/4/2016, Thủ tướng chính phủ đã ra quyết định số 623/QĐ-TTg về việc Phê duyệt Chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm giai đoạn 2016 - 2025 và định hướng đến năm 2030, trong đó đã chỉ đạo: “Phòng, chống tội phạm là một trong những nhiệm vụ trọng yếu, cấp bách, thường xuyên, liên tục và lâu dài nhằm thực hiện Hiến pháp, pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành, góp phần bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của Đảng, sự quản lý, chỉ đạo Điều hành thống nhất của Nhà nước. Công tác phòng, chống tội phạm phải gắn với các nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và đối ngoại, phục vụ đắc lực sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại

hóa đất nước và hội nhập quốc tế”. [41]. Công tác phòng ngừa tình hình tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS cũng phải đáp ứng mục đích chung nêu trên. Cụ thể:

- Hạn chế hoặc dần xóa bỏ các nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS là công việc lâu dài, phức tạp và khó khăn, công việc này đòi hỏi sự tham gia tích cực của cả hệ thống cơ quan Đảng, chính quyền, tổ chức xã hội, các cấp và đến mỗi người dân, đồng thời cũng đòi hỏi có chủ trương, chính sách đúng đắn, hợp lý, toàn diện của Đảng và Nhà nước đối với từng lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội từ cấp vĩ mô đến cơ sở.

- Chủ động ngăn chặn kịp thời, không để xảy ra các hành vi phạm tội mới. Theo quan điểm của nhiều nhà tội phạm học hiện nay thì ngăn chặn, không để các hành vi phạm tội xảy ra cũng chính là nội dung của phòng ngừa tình hình tội phạm. Do vậy chủ động ngăn chặn tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS là tác động đến đối tượng trước khi thực hiện hành vi phạm tội làm cho tội phạm không xảy ra, không gây ra hậu quả, tác hại hoặc có thể tác động đến môi trường, hoàn cảnh phạm tội làm cho đối tượng phạm tội tự giác từ bỏ hoặc không thể thực hiện được hành vi phạm tội, không gây ra hậu quả cho xã hội.

- Phòng ngừa tái phạm tội là một nội dung của phòng ngừa tình hình tội phạm. Đối tượng của phòng ngừa tái phạm sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS là những con người đã có tiền án, tiền sự - những con người cụ thể đã từng phạm tội này mà vẫn còn những khả năng, điều kiện có thể dẫn đến hành vi phạm tội mới. Phương pháp tác động phòng ngừa tái phạm tội phạm này được thực hiện bằng tổng hợp các biện pháp tác động của Nhà nước, xã hội, gia đình và phòng ngừa nghiệp vụ của các cơ quan chuyên môn..., tạo công ăn việc làm thuận lợi, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, sự động viên, giáo dục của gia đình, người thân và bạn bè giúp cho đối tượng nhận thức được hành vi sai trái, từ bỏ tư tưởng lệch lạc, tái hòa nhập với cộng đồng.

1.2.2. Nguyên tắc phòng ngừa tình hình tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản

Phòng ngừa tình hình tội phạm là một loại hoạt động thực tiễn xã hội có những đặc điểm, đặc thù của mình. Cách thức tổ chức và hoạt động của hệ thống đó phải được xây dựng theo những nguyên tắc nhất định [53, tr. 157]. Vì vậy, nguyên tắc phòng ngừa tình hình tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS phải tuân thủ các nguyên tắc trong phòng ngừa tình hình tội phạm nói chung, dù ở phạm vi nào cũng cần đảm bảo các nguyên tắc sau:

1.2.2.1. Nguyên tắc pháp chế

Nguyên tắc pháp chế thể hiện ở chỗ hoạt động phòng ngừa tình hình tội phạm nói chung và việc áp dụng các biện pháp phòng ngừa phải có cơ sở pháp luật, phải phù hợp với quy định của pháp luật. Trong quá trình tiến hành các hoạt động phòng ngừa tình hình tội phạm các chủ thể tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật. [53, tr. 157].

Hoạt động phòng ngừa tình hình tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS có pháp luật điều chỉnh ở những mức độ khác nhau đều mang tính quyền lực của nhà nước, do đó cần tuân thủ nguyên tắc pháp chế. Để nguyên tắc pháp chế đảm bảo được thực hiện trên thực tế, đòi hỏi có một hệ thống pháp luật phòng ngừa tình hình tội này hoàn chỉnh (đảm bảo tính toàn diện, đồng bộ, hợp lý, tiến độ) và ý thức tuân thủ pháp luật cao từ các chủ thể phòng ngừa. Nếu nguyên tắc pháp chế được tôn trọng thì quyền con người trong hoạt động phòng ngừa tình hình tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS sẽ được bảo vệ, trách nhiệm của các chủ thể phòng ngừa tình hình tội này được tăng cường.

1.2.2.2. Nguyên tắc dân chủ

Nội dung nguyên tắc dân chủ thể hiện ở việc lôi cuốn đông đảo quần chúng nhân dân lao động, các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội, các tổ chức kinh tế thuộc mọi thành phần và toàn xã hội tham gia vào hoạt động phòng ngừa tình hình tội phạm. Nguyên tắc đó đòi phải phát huy tinh thần chủ động, tính tích cực, sáng

tạo của mọi chủ thể tham gia hoạt động phòng ngừa, để tạo ra một trong hoạt động rộng lớn của xã hội.[53, tr. 157,158]

Nguyên tắc dân chủ thể hiện bản chất của nhà nước xã hội chủ nghĩa, nó quán xuyên toàn bộ các loại hình hoạt động của nhà nước và xã hội. Phòng ngừa tình hình tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS cần tuân thủ nguyên tắc dân chủ vì nó đòi hỏi sự tham gia tích cực và có hiệu quả của tất cả các cơ quan nhà nước, các tổ chức và mọi công dân vào hoạt động phòng ngừa tình hình tội phạm này, mọi người đều có quyền phát huy sáng kiến, vai trò của mình tham gia vào việc tổ chức và hoạt động phòng ngừa đó. Mức độ tham gia tùy theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và các khả năng, lợi thế hiện có của các chủ thể, không một cơ quan tổ chức nào có khả năng độc lập giải quyết toàn bộ nhiệm vụ phòng ngừa tình hình loại tội này.

1.2.2.3. Nguyên tắc nhân đạo

Nguyên tắc nhân đạo đòi hỏi các biện pháp phòng ngừa được xây dựng và áp dụng trong thực tiễn không được hạ thấp nhân phẩm, danh dự, các quyền cơ bản của con người mà phải hướng đến việc định hướng hành vi, lối sống của họ theo hướng hòa nhập với xã hội, làm những việc có ích cho xã hội. Nguyên tắc này còn đòi hỏi hoạt động phòng ngừa tình hình tội phạm phải kết hợp hài hòa, đúng mức độ biện pháp cưỡng chế với thuyết phục theo hướng tăng cường sự thuyết phục, giáo dục. [53, tr.158].

Nhân đạo là sự thể hiện thái độ có thiện chí, sự cảm thông có tình yêu thương sâu sắc của con người đối với con người, nó là giá trị xã hội rất tiên bộ và được đề cao trong xã hội hiện đại. Hoạt động phòng ngừa tình hình tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS cần tuân thủ nguyên tắc nhân đạo vì nguyên tắc này đòi hỏi các biện pháp phòng ngừa không có tính chất làm nhục, đối xử tàn bạo hay hạ thấp danh dự nhân phẩm con người, mà hướng đến việc định hướng hành vi, lối sống, sửa chữa sai sót nhân cách con người. Hơn nữa, phòng ngừa tình hình tội này không để cho các thành viên của xã hội phải gánh chịu hậu quả do hành vi của tội phạm này gây ra. Nếu tuân thủ nguyên tắc nhân đạo

thì hoạt động phòng ngừa tình hình tội phạm này sẽ đạt được kết quả tích cực, hạn chế những tổn thương cho người phạm tội nói riêng và cho xã hội nói chung.

1.2.2.4. Nguyên tắc khoa học và tiến bộ

Nội dung nguyên tắc khoa học và tiến bộ của hoạt động phòng ngừa tình hình tội phạm thể hiện ở chỗ các biện pháp phòng ngừa, tổ chức hệ thống phòng ngừa, các chủ thể phòng ngừa phải được xây dựng có cơ sở khoa học, tức là có cơ sở lý luận và thực tiễn, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn đấu tranh với tội phạm, mang tính chất đồng bộ, có hệ thống, đạt hiệu quả cao và phù hợp với tiến trình phát triển của xã hội và xu hướng hoạt động phòng ngừa của các nước trên thế giới. [53,tr.158]

Trong hoạt động phòng ngừa tình hình tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS rất cần thiết phải ứng dụng các thành tựu của khoa học và công nghệ trong việc xây dựng các biện pháp phòng ngừa nhằm đáp ứng với yêu cầu thực tiễn của cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm một cách đồng bộ có hệ thống và đạt hiệu quả cao. Nhà nước cần có những chủ trương cụ thể cho nghiên cứu và ứng dụng khoa học về phòng ngừa tình hình tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS một cách có hiệu quả sẽ tiết kiệm sức lực, tiền bạc và hạn chế được các rủi ro, tổn thất trong hoạt động phòng ngừa tình hình tội này.

1.2.2.5. Nguyên tắc phối hợp chặt chẽ

Nguyên tắc phối hợp chặt chẽ hoạt động phòng ngừa giữa các chủ thể phòng ngừa đòi hỏi hoạt động phòng ngừa phải đặt ra trong một cơ chế phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng, có sự điều hành thống nhất giữa các cơ quan chuyên trách và không chuyên trách, giữa các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội, các tổ chức kinh tế và mọi công dân, giữa trung ương với địa phương. [53, tr.158].

Phòng ngừa tình hình tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS có nhiều chủ thể tham gia, mỗi chủ thể có vai trò, khả năng và thẩm quyền khác nhau do đó cần có sự phối hợp hoạt động một cách chặt chẽ. Sự phối hợp thể hiện ở việc cung cấp thông tin, tài liệu, xây dựng chương trình kế

hoạch, thực hiện các biện pháp – giải pháp. Để có sự phối hợp, trước hết phải có sự lãnh đạo thống nhất từ một cơ quan đầu mối chuyên trách, đồng thời có một cơ chế phối hợp được định rõ trong các chương trình, kế hoạch phòng ngừa tình hình tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS. Nếu như nguyên tắc này được tuân thủ, chắc chắn sẽ phát huy nhiều lợi thế của các chủ thể và nâng cao hiệu quả phòng ngừa tình hình tội này.

1.2.2.6. Nguyên tắc phân hóa

Những nội dung cơ bản của nguyên tắc phân hóa hoạt động phòng ngừa thể hiện ở chỗ hệ thống phòng ngừa phải được tổ chức tương ứng với các quy luật và đặc điểm của tình hình tội phạm và người phạm tội, các biện pháp phòng ngừa phải phù hợp với từng lĩnh vực phòng ngừa, đối tượng và địa điểm phòng ngừa; việc phòng ngừa cá nhân phải được tiến hành trên cơ sở hiểu biết đầy đủ về cá nhân. [53, tr.158,159]

Cơ sở của nguyên tắc này xuất phát từ tính chất đặc thù và điều kiện phòng ngừa tình hình tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS ở từng địa bàn, từng lĩnh vực hoạt động. Do vậy cần phải đảm bảo tính cụ thể, rõ ràng của các biện pháp, giải pháp sao cho phù hợp với điều kiện đặc thù về phòng, chống tội phạm của mỗi địa phương, mỗi ngành. Mức độ cụ thể chi tiết đến từng giải pháp, con người, phương tiện, mục tiêu, kinh phí, thời gian thực hiện... sẽ giúp cho hoạt động phòng ngừa tình hình tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS đạt hiệu quả cao hơn. Nguyên tắc này khắc phục tình trạng hoạt động phòng ngừa theo kiểu hình thức, phong trào kém hiệu quả.

1.3. Các chủ thể phòng ngừa tình hình tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản

Theo Quyết định số 623/QĐ-TTg, Thủ tướng chính phủ đã chỉ đạo “Phòng, chống tội phạm là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân...”[41]. Như vậy, các chủ thể phòng ngừa tình hình tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS trên địa bàn TP.HCM gồm các chủ thể sau:

1.3.1. Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh là chủ thể quan trọng

Theo Khoản 1, Điều 4 Hiến pháp năm 2013 Quy định “Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội”. Như vậy, vai trò lãnh đạo của Đảng bộ thành phố đối với công tác phòng ngừa tình hình tội phạm nói chung và tình hình tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTS nói riêng thể hiện ở đường lối, chủ trương, định hướng; Đảng bộ lãnh đạo trực tiếp, toàn diện nhiều mặt đối với cơ quan trực tiếp phòng ngừa tội phạm, kiểm tra, giám sát để kịp thời uốn nắn, nhằm khắc phục những sai sót, khuyết điểm trong hoạt động phòng ngừa tội phạm. Bên cạnh đó, hoạt động lãnh đạo của Đảng Cộng sản còn thể hiện ở sự tiên phong, gương mẫu của các đảng viên thực hiện lãnh đạo chính trị đối với hoạt động phòng ngừa của các cơ quan bảo vệ pháp luật, các tổ chức xã hội, các phương tiện thông tin đại chúng phổ biến, tuyên truyền hiểu biết pháp luật trên địa bàn thành phố đã góp phần to lớn trong hoạt động phòng ngừa tình hình tội này.

1.3.2. Hội đồng nhân dân là chủ thể quản lý về mặt quyền lực nhà nước

Theo các điều 2, 6, 119, 120 của Hiến pháp năm 2013 quy định: Quốc Hội, Hội đồng nhân dân thực hiện toàn bộ quyền lực nhà nước, đảm bảo việc tuân thủ các đạo luật, việc bảo vệ trật tự nhà nước và xã hội, các quyền lực và lợi ích hợp pháp của công dân. [53, tr.171].

Hội đồng nhân dân các cấp có thẩm quyền ra các quyết định chỉ đạo, tổ chức hoạt động phòng ngừa tình hình tội phạm nói chung và tình hình tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTS nói riêng. Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn TP.HCM ban hành các văn bản quy phạm về những vấn đề phòng ngừa tình hình tội phạm nói chung, các vi phạm pháp luật khác, kiểm tra thực hiện chúng, nghiên cứu thực trạng công tác phòng ngừa tình hình tội phạm ở tập thể, địa phương mình quản lý. Đối với việc phòng ngừa tình hình tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTS trên địa bàn TP.HCM thì Hội đồng nhân dân các cấp tham gia chính trong việc kết hợp các biện pháp dự định với các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn TP.HCM.

1.3.3. Các cơ quan quản lý hành chính và quản lý kinh tế tại Thành phố Hồ Chí Minh

Những cơ quan khác nhau của bộ máy quản lý nhà nước, các ban lãnh đạo của các nhà máy, xí nghiệp, các trường học và các cơ quan giáo dục văn hóa tham gia vào việc phòng ngừa ngừa tình hình tội phạm, trước hết ở mức độ các biện pháp xã hội chung. [53, tr.172].

Hoạt động phòng ngừa của các cơ quan quản lý chung và quản lý kinh tế, của ban lãnh đạo các nhà máy xí nghiệp trên địa bàn thành phố được thể hiện trong phòng ngừa tội phạm tại nội bộ cơ quan và tham gia vào các chương trình, hoạt động phòng, chống tội phạm của Nhà nước và của thành phố, phối hợp với các cơ quan, tổ chức xã hội trong các hoạt động phòng ngừa tình hình tội phạm trên địa bàn thành phố nói chung và phòng ngừa tình hình tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS trên địa bàn TP.HCM nói riêng.

1.3.4. Các cơ quan bảo vệ pháp luật Thành phố Hồ Chí Minh

- Cơ quan Công an Thành phố Hồ Chí Minh

Theo Luật CAND năm 2014, cơ quan Công an là lực lượng nòng cốt trong việc bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự xã hội, cơ quan Công an có vai trò tham mưu cho Đảng, Nhà nước trong việc hoạch định các chương trình phòng, chống tội phạm. Trong phạm vi thẩm quyền của mình, cơ quan Công an TP.HCM thông qua chức năng, nhiệm vụ của mình như kịp thời phát hiện, điều tra, khởi tố vụ án, khởi tố bị can... và giữ vai trò quan trọng trong việc hướng dẫn, tạo điều kiện cho các chủ thể khác, nhất là quần chúng nhân dân tham gia vào hoạt động phòng ngừa tình hình tội phạm nói chung và phòng ngừa tình hình tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS trên địa bàn TP.HCM nói riêng.

- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

Theo Luật Tổ chức VKSND năm 2014, VKSND là cơ quan thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp, có vai trò phối hợp với các chủ thể khác xây dựng, triển khai các chương trình phòng ngừa tình hình tội phạm trong đó có tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS, thực hiện

việc tuyên truyền, giáo dục pháp luật về phòng ngừa tình hình tội phạm, thống kê các tội phạm, đưa ra những kiến nghị về các biện pháp phòng ngừa tình hình tội phạm này một cách có hiệu quả. phối hợp với các cơ quan hữu quan khác làm sáng tỏ các nguyên nhân, điều kiện tình trạng phạm tội, phát hiện nhanh chóng, chính xác các tội phạm; kiểm sát hoạt động điều tra tội phạm, thực hiện chức năng truy tố và buộc tội trong hoạt động xét xử tội phạm, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật; giám sát việc tuân thủ quy định pháp luật của CQĐT, TAND, cơ quan Thi hành án các cấp trên địa bàn thành phố. Đặc biệt giám sát việc thực hiện các biện pháp và chương trình phòng ngừa tội phạm của cơ quan này.

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

Điều 2 Luật Tổ chức TAND năm 2014 quy định: “Tòa án... là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” và “bằng hoạt động của mình, Tòa án góp phần giáo dục công dân trung thành với Tổ quốc, chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, tôn trọng những quy tắc của cuộc sống xã hội, ý thức đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm, các vi phạm pháp luật khác”. Trong hoạt động phòng ngừa tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS trên địa bàn TP.HCM, TAND TP.HCM có vai trò thông qua xét xử làm rõ nguyên nhân và điều kiện tình hình các tội phạm này và yêu cầu các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội, cá nhân trên địa bàn thành phố áp dụng các biện pháp loại trừ nguyên nhân, điều kiện đó; Kiến nghị Thành ủy và UBND thành phố về phương hướng thực hiện các chính sách xã hội liên quan đến hoạt động phòng ngừa; thông qua hoạt động xét xử, tuyên truyền, giáo dục ý thức tuân thủ pháp luật của công dân; đảm bảo pháp chế xã hội chủ nghĩa trong hoạt động tư pháp.

1.3.5. Các tổ chức xã hội, các tập thể quần chúng lao động và cá nhân công dân tại Thành phố Hồ Chí Minh

Khoản 2 Điều 4 BLHS năm 1999 quy định: “các cơ quan, tổ chức có nhiệm vụ giáo dục những người thuộc quyền quản lý của mình nâng cao cảnh giác, ý thức bảo vệ pháp luật và tuân theo pháp luật, tôn trọng các quy tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa; kịp thời có các biện pháp loại trừ nguyên nhân và điều kiện gây ra tội

phạm trong cơ quan tổ chức của mình”. Khoản 2 Điều 5 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 cũng quy định: “Các tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ phát hiện, tố giác báo tin về tội phạm; tham gia đấu tranh phòng, chống tội phạm”.

Như vậy, Các tổ chức xã hội, các tập thể quần chúng lao động và cá nhân công dân thực hiện công tác phòng ngừa tình hình tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS trên địa bàn TP.HCM thông qua các hoạt động như: kiểm tra, giám sát các hoạt động của cán bộ, cơ quan; kiến nghị các biện pháp xử lý, giải quyết tiêu cực; áp dụng các biện pháp phòng ngừa tình hình tội phạm tại tổ chức, đơn vị mình phụ trách; giáo dục thành viên của tổ chức tuân thủ pháp luật; cung cấp thông tin, tài liệu cho các cơ quan chức năng. Phối hợp với các chủ thể khác thực hiện các chương trình, kế hoạch phòng ngừa tình hình tội phạm tại tổ chức, đơn vị mình phụ trách; giáo dục thành viên của tổ chức tuân thủ pháp luật; cung cấp thông tin, tài liệu có giá trị phòng ngừa tình hình tội này cho các cơ quan chức năng. Các cá nhân, công dân có thể tham gia vào hoạt động phòng ngừa tình hình tội phạm này qua việc phát hiện, tố giác tội phạm, làm chứng; ngăn chặn tội phạm; tuyên truyền, giáo dục, giúp đỡ người phạm tội tại địa phương, cộng đồng; quản lý thành viên trong gia đình, đặc biệt là người chưa thành niên.

1.3.6. Các cơ quan thuộc Bộ tư pháp

Trong hoạt động phòng ngừa tình hình tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS trên địa bàn TP.HCM, các cơ quan tư pháp thuộc Bộ tư pháp thực hiện nhiệm vụ của mình thông qua các hoạt động: Đưa ra sáng kiến lập pháp, tham gia vào việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật; Tuyên truyền, giáo dục pháp luật cho nhân dân, nhằm nâng cao ý thức pháp luật của nhân dân để họ tự giác thực hiện đúng pháp luật; Tổ chức phối hợp cùng các cơ quan bảo vệ pháp luật nghiên cứu tình hình tội phạm này cũng như những nguyên nhân và điều kiện phát sinh của nó, góp phần đặt nền tảng lý luận cho việc tổ chức, xây dựng các kế hoạch phòng ngừa tình hình tội phạm này trên địa bàn TP.HCM.

1.4. Nội dung và các biện pháp phòng ngừa tình hình tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản

1.4.1. Nội dung phòng ngừa tình hình tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản

Đây là tất cả các vấn đề, các khía cạnh cần tiến hành các hoạt động phòng ngừa tình hình tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS. Nội dung phòng ngừa tập trung vào các hoạt động sau:

Thứ nhất, tiến hành các hoạt động phòng ngừa xã hội. Đó là khắc phục các nguyên nhân và điều kiện phạm tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS bằng việc cải thiện các quan hệ xã hội, hoàn thiện hệ thống pháp luật, xóa bỏ các tình huống, hoàn cảnh phạm tội làm cho tình hình tội phạm này không có cơ sở phát sinh và tồn tại. Trước hết, các biện pháp phòng ngừa tình hình tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS tác động đến các quan hệ xã hội như quan hệ việc làm, quản lý, giáo dục, lập pháp,... làm vô hiệu hóa khả năng làm phát sinh tội phạm này. Sử dụng đồng bộ các biện pháp phòng ngừa tình hình tội phạm nhằm tác động đến con người, kết hợp giáo dục, giúp đỡ các thành viên trong cộng đồng, chủ thể của các quan hệ xã hội, đề phòng ngừa tội phạm. Phòng ngừa tình hình tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS ở khía cạnh nội dung này mang tính tích cực, chủ động và đem lại hiệu quả cao. Nó có khả năng xóa bỏ tận gốc tội phạm, do đó cần được ưu tiên nghiên cứu và áp dụng trong thực tiễn.

Thứ hai, Tiến hành các biện pháp phòng ngừa nghiệp vụ nhằm phát hiện, xử lý tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS mà trọng tâm là các hoạt động điều tra, xét xử, cải tạo người phạm tội. Thực tế, không phải lúc nào áp dụng các biện pháp phòng ngừa tình hình tội phạm cũng đem lại hiệu quả tuyệt đối. Trong trường hợp tội phạm xảy ra thì việc truy cứu trách nhiệm là rất cần thiết, nó phát huy tác dụng ngay khi áp dụng các biện pháp ngăn chặn, tiến hành đúng các thủ tục tố tụng và đặc biệt là hiệu quả răn đe tội phạm này từ

việc áp dụng các biện pháp trách nhiệm hình sự. Sự tổn thất mà tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS phải chịu đựng từ một hình phạt nghiêm khắc hơn so với những gì có được từ việc phạm tội. Hình phạt ở mức hợp lý có vai trò quan trọng nhất đối với phòng ngừa tình hình tội phạm này. Ngày nay, hình phạt không phải là biện pháp xử lý duy nhất đối với tội phạm, hơn nữa hiệu quả phòng ngừa còn phụ thuộc vào quá trình cải tạo người phạm tội.

1.4.2. Các biện pháp phòng ngừa tình hình tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản

Phòng ngừa tình hình tội phạm được tiến hành bằng hệ thống các biện pháp khác nhau. Mỗi biện pháp phòng ngừa gắn liền với chức năng, vai trò của tổ chức nhà nước xã hội nhất định.[47, tr.212]

Có nhiều cách phân loại các biện pháp phòng ngừa. Các biện pháp phòng ngừa thường được phân theo a) Nội dung; b) Khối lượng; c) Phạm vi; d) Khách thể và những người nhận được sự tác động; đ) Cơ chế tác động; e) Cường độ (sự tương quan của các yếu tố thuyết phục và cưỡng chế).[53, tr.167]

Tuy nhiên đối với phòng ngừa tình hình tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS thường áp dụng biện pháp phòng ngừa chung (Phòng ngừa xã hội) và biện pháp phòng ngừa riêng (phòng ngừa nghiệp vụ).

1.4.1. Biện pháp phòng ngừa chung

Đây là tổng hợp các biện pháp về kinh tế, chính trị, pháp luật, văn hóa, giáo dục... nhằm loại trừ nguyên nhân và điều kiện và làm hạn chế khả năng phát sinh tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS. Loại biện pháp này tác động làm giảm bớt các mâu thuẫn xã hội, xóa bỏ các hiện tượng xã hội tiêu cực Qua đó, nâng cao ý thức pháp luật, nâng cao trình độ văn hóa, đời sống tinh thần cho nhân dân.

- *Biện pháp kinh tế- xã hội*: Được coi là một trong những biện pháp hàng đầu, vì nó là cơ sở để giải quyết các vấn đề chủ yếu của xã hội. Vấn đề quan trọng nhất đối với việc phòng ngừa tội phạm là không ngừng nâng cao điều kiện sống cho người dân; giải quyết công ăn việc làm cho người lao động; mở rộng mạng lưới

dịch vụ xã hội... Cần lưu ý, nếu các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế có khuyết điểm, sai lầm sẽ mang lại hậu quả xấu không chỉ đối với xã hội mà còn làm cho tình hình tội phạm thêm trầm trọng [47, tr.214].

- *Biện pháp văn hóa - giáo dục*: Nhằm nâng cao ý thức chính trị, ý thức chấp hành pháp luật trong các cơ quan, tổ chức và công dân. Đồng thời, giáo dục, định hướng cho người dân sống có văn hóa, văn minh trong cộng đồng xã hội, hạn chế các tiêu cực nảy sinh, trong đó có tội phạm.

- *Biện pháp tổ chức quản lý*: Nhà nước quản lý xã hội thông qua các cơ quan đại diện của mình trong các lĩnh vực. Nhà nước quản lý xã hội càng chặt chẽ, khoa học và công bằng thì càng hạn chế vi phạm và tội phạm nảy sinh trong xã hội. Vấn đề đặt ra là cần quy định rõ ràng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan này, cũng như có cơ chế giám sát hoạt động chặt chẽ. Biện pháp tổ chức thể hiện ở hai mức độ đó là: hoàn thiện hệ thống chính trị, tổ chức bộ máy Nhà nước và tổ chức của các cơ quan bảo vệ pháp luật, đặc biệt là các cơ quan tư pháp [44, tr.37].

- *Biện pháp pháp luật*: Với chức năng điều chỉnh hành vi, điều chỉnh các quan hệ xã hội và tác động vào ý thức của con người, pháp luật có vai trò đặc biệt to lớn đối với phòng ngừa tội phạm. Để pháp luật có thể thực hiện được các chức năng của mình và thực sự giữ được vai trò phòng ngừa tội phạm của nó thì pháp luật phải là pháp luật tốt, hay nói như Mác: “Luật phải thích ứng với bản chất pháp lý của sự vật”, chứ không phải ngược lại. Do đó, biện pháp phòng ngừa tội phạm thông qua hệ thống pháp luật bao gồm: hoàn thiện cơ chế làm luật; hoàn thiện hệ thống pháp luật, khắc phục các hạn chế, sai sót như thiếu thống nhất, thiếu đồng bộ, kẽ hở, mức độ khả thi thấp... Hệ thống pháp luật hoàn thiện là rào cản hữu hiệu đối với tội phạm, có ý nghĩa rất lớn trong việc phòng ngừa tội phạm [44, tr.37].

1.4.1.2. Biện pháp phòng ngừa riêng

Đây là việc áp dụng các biện pháp mang tính đặc trưng, chuyên ngành của các cơ quan bảo vệ pháp luật thông qua các công tác khởi tố, điều tra, truy tố xét xử và thi hành án hình sự nhằm xử lý đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật, không để oan người vô tội và không bỏ lọt tội phạm. Ngoài ra còn có những biện

pháp nghiệp vụ của ngành công an nhằm quản lý các đối tượng hình sự, đối tượng có tiền án tiền sự, những đối tượng có biểu hiện nghi vấn phạm tội này nhằm ngăn chặn tội phạm xảy ra hay vô hiệu hóa, loại bỏ nguyên nhân, điều kiện của tình hình tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS.

Kết luận chương 1

Nội dung chương 1 của luận văn là hệ thống khái quát những vấn đề lý luận về phòng ngừa tình hình tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS. Trong hệ thống lý luận đó đã làm rõ được khái niệm về phòng ngừa tình hình tội phạm này cũng như xác định được các dấu hiệu pháp lý thuộc về mặt khách thể, khách quan, chủ thể, chủ quan của loại tội phạm này, đồng thời hệ thống lý luận đó cũng phân tích làm rõ được mục đích, ý nghĩa, chủ thể, các nguyên tắc và nội dung các biện pháp phòng ngừa tình hình tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS.

Toàn bộ những vấn đề lý luận cơ bản này là cơ sở để nghiên cứu, khảo sát, đánh giá thực trạng phòng ngừa tình hình tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS trên địa bàn TP.HCM giai đoạn 2013 – 2017 một cách hệ thống, khoa học để thu được những kiến thức phục vụ phòng ngừa tình hình tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS sản trên địa bàn TP.HCM.

Chương 2

THỰC TRẠNG PHÒNG NGỪA TÌNH HÌNH TỘI SỬ DỤNG MÁY TÍNH, MẠNG VIỄN THÔNG, MẠNG INTERNET HOẶC THIẾT BỊ SỐ THỰC HIỆN HÀNH VI CHIẾM ĐOẠT TÀI SẢN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

2.1. Thực trạng nhận thức về phòng ngừa tình hình tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

2.1.1. Thực trạng nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền và các cơ quan chức năng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Nhận thức đầy đủ về phòng ngừa tình hình tội phạm nói chung và tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS nói riêng trên địa bàn TP.HCM, trong thời gian qua, các cấp ủy Đảng, chính quyền và lực lượng chức năng của TP.HCM đã chủ động nghiên cứu nắm bắt các văn bản chỉ đạo của trung ương và các Bộ ngành về công tác phòng, chống tội phạm và chỉ đạo triển khai áp dụng trong điều kiện thực tế. Thành ủy, UBND TP.HCM đã ban hành nhiều văn bản, kế hoạch thực hiện Chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm trên địa bàn như kế hoạch số 3852/KH-UBNDTP ngày 03/8/2012 của UBND Thành Phố về thực hiện chỉ thị số 09-CT/TW ngày 01/12/2011 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc trong tình hình mới”; Chương trình hành động số 04-CTr/TU ngày 31/12/2010 của Ban thường vụ Thành ủy về thực hiện Chỉ thị 48-CT/TW của Bộ chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới; Chỉ thị số 07/2015/CT-UBND ngày 08/04/2015 của UBND TP.HCM về triển khai nghị định số 06/2014/NĐ-CP về biện pháp vận động quần chúng bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội và các văn bản chuyên ngành về công nghệ thông tin như quyết định số 46/2015/QĐ-UBND ngày 14/09/2015 quy định về thời gian hoạt động của đại lý internet và điểm truy nhập internet công cộng trên địa bàn TP.HCM...

Trên cơ sở đó, Công an TP.HCM có nhận thức khá đầy đủ về phòng ngừa tội phạm, quán triệt, triển khai các biện pháp thiết thực trong phòng ngừa tội phạm nói chung cũng như phòng ngừa tình hình tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS trên địa bàn TP.HCM nói riêng. Cụ thể như Báo cáo số 652/BC-CATP-PV11 ngày 22/11/ 2013 của Công an TP.HCM về việc đối tượng sử dụng công nghệ cao lừa đảo chiếm đoạt tài sản của doanh nghiệp Việt Nam; Kế hoạch số 507/KH-CATP-PV11 ngày 29/5/2014 về đấu tranh phòng, chống tội phạm có tổ chức trên địa bàn Thành Phố. Thông báo số 44/TB-CATP-PV11 ngày 14/11/2014 của Công an TP.HCM về việc tăng cường công tác nắm tình hình, phát hiện xử lý tội phạm sử dụng thẻ tín dụng giả; Thông báo số 437/TB-CATP-PV11 ngày 14/04/2015 của Công an TP.HCM về việc cảnh báo các phương thức thủ đoạn trộm cắp tiền và thông tin tài khoản từ các máy rút tiền tự động ATM...

Các cơ quan công an, TAND, VKSND, Sở thông tin và truyền thông nhìn chung có nhận thức khá đầy đủ, đã quán triệt các chỉ đạo của trung ương, các quy phạm pháp luật về công tác phòng ngừa tình hình tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS. Từ năm 2013 đến 2017 đã ngăn chặn, xử lý 44 vụ án tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS, góp phần rằng đe phòng ngừa tình hình tội phạm này trên địa bàn TP.HCM.

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc nhận thức của một số cán bộ thuộc các ban ngành, đoàn thể, các cấp ủy Đảng, chính quyền về công tác phòng ngừa tình hình tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS trên địa bàn TP.HCM đôi khi chưa sâu sát, chưa cập nhật những thủ đoạn mới về tội phạm nên chưa có chỉ đạo, ngăn chặn kịp thời, chưa có các biện pháp phòng ngừa, cũng như tham mưu xây dựng các quy định của pháp luật nhằm ngăn chặn những nguyên nhân, điều kiện để các đối tượng phạm tội lợi dụng hoạt động. Do đó tình hình tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS trên địa bàn TP.HCM vẫn diễn ra phức tạp, gây hậu quả nghiêm trọng cho xã hội.

2.1.2. Thực trạng nhận thức của các tổ chức đoàn thể và quần chúng nhân dân trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Các tổ chức đoàn thể và quần chúng nhân dân là lực lượng đông đảo trong xã hội, nếu họ nhận thức đúng, đầy đủ về công tác phòng ngừa tình hình tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS có ý nghĩa rất to lớn, họ sẽ tham gia tích cực vào công tác phòng ngừa tội phạm này.

Thực tiễn cho thấy, trong nhiều năm qua, Công an TP.HCM đã mở nhiều đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm trên địa bàn thành phố trong đó tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS đã được Các tổ chức đoàn thể và quần chúng nhân dân hưởng ứng, tham gia tích cực. Họ đã được phổ biến những kiến thức cơ bản, những hành vi, thủ đoạn về tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS và cách phòng ngừa tình hình tội phạm này do vậy trong những năm qua họ hỗ trợ cơ quan công an khám phá nhiều vụ án. Theo báo cáo hàng năm của Phòng CSKT - Công an TPHCM, từ năm 2013 đến năm 2017, lực lượng CSKT - Công an TPHCM đã tiếp nhận, xử lý 211 tố giác, tin báo, vụ việc về TPSDCNC, cụ thể: Nguồn tin báo từ cơ quan chuyên trách đấu tranh phòng, chống TPSDCNC (Cục C50 - Bộ Công an, Phòng PC50 - Công an Thành phố Hà Nội) là 43 tin (chiếm 20,38%); nguồn tin báo do các tổ chức, doanh nghiệp trình báo là 87 tin (chiếm 41,23%); tố giác tội phạm của công dân là 72 tin (chiếm 34,12%); phát hiện qua công tác trinh sát của lực lượng CSKT là 09 tin (chiếm 4,27%) [Bảng 2.5 - Phụ lục]. Kết quả điều tra xác minh đã ra Quyết định khởi tố vụ án 85 vụ / 211 tin (chiếm 40,28%) với 242 đối tượng, trong đó có 57 vụ án sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản với 159 đối tượng. tỉ lệ khám phá các tin báo về TPSDCNC nhìn chung còn thấp so với các loại tội phạm khác.

Tuy nhiên, bên cạnh những điểm đạt được nêu trên, việc nhận thức về phòng ngừa tình hình tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS trên địa bàn TP.HCM của các tổ chức đoàn thể và quần chúng nhân dân cũng còn những hạn chế nhất định như: chưa thấy hết hậu quả tác hại của tội phạm này

gây ra, chưa hiểu đầy đủ về vai trò, nghĩa vụ của mình trong việc phòng ngừa này... nên quá trình tham gia công tác đôi khi còn chưa thường xuyên, liên tục.

2.2. Thực trạng về tình hình tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2013 – 2017

2.2.1. Thực trạng (mức độ) của tình hình tội phạm

Theo số liệu do VKSND TP.HCM cung cấp, giai đoạn 2013 – 2017 [Bảng 2.1 - Phụ lục], tổng số vụ án TPSDCNC tại thành phố đã đưa ra xét xử là 48 vụ với 150 bị cáo trong đó có 44 vụ án sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS (chiếm 91,66%), với tổng số bị cáo 135 (chiếm 90%) Tổng tài sản thiệt hại Khoảng 90,381 tỷ đồng, qua đó có thể thấy tình hình tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS trên địa bàn TP.HCM chiếm tỉ lệ rất cao (chiếm 91,66%) so với TPSDCNC, và trung bình mỗi năm có 8,8 vụ đưa ra xét xử. Loại tội phạm này diễn ra hết sức phức tạp và đáng lo ngại, nhiều vụ với quy mô lớn, tính chuyên nghiệp với số bị cáo chiếm tỉ lệ cao (mỗi vụ có trung bình 03 bị cáo trở lên) và tổng trị giá gây thiệt hại là rất lớn gây bức xúc trong nhân dân.

2.2.2. Diễn biến của tình hình tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo từng năm

Qua [Bảng 2.2, 2.3 - Phụ lục] về cơ cấu tội phạm điều 226b so với TPSDCNC (điều 224, 225, 226, 226a, 226b) và diễn biến tội phạm điều 226b từ năm 2013 đến năm 2017 cho thấy tình hình tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS trên địa bàn TP.HCM qua các năm như sau:

- Năm 2013, Tổng số vụ TPSDCNC mà TAND TP.HCM xét xử là 06 vụ với 16 bị cáo. Tổng số vụ xét xử theo điều 226b là 06 vụ với 16 bị cáo, Như vậy tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS chiếm tỉ lệ 100% vụ án trong tổng số vụ án TPSDCNC.

- Năm 2014, Tổng số vụ TPSDCNC mà TAND TP.HCM xét xử là 10 vụ với

22 bị cáo. Tổng số vụ xét xử theo điều 226b là 10 vụ với 22 bị cáo. Như vậy tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS chiếm tỉ lệ 100% vụ án trong tổng số vụ án TPSPDCNC. Đáng lưu ý là số lượng vụ án và bị cáo tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS trong năm 2014 tăng 166,66% số vụ và tăng 137,5% số bị cáo so với năm 2013.

- Năm 2015, Tổng số vụ TPSPDCNC mà TAND TP.HCM đưa ra xét xử là 20 vụ với 33 bị cáo, Tổng số vụ xét xử theo điều 226b là 10 vụ với 33 bị cáo. Như vậy tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS chiếm tỉ lệ 100% vụ án TPSPDCNC. So với năm 2013 số lượng vụ án và bị cáo tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS tăng 333,33% số vụ và tăng 206,25% số bị cáo.

- Năm 2016, Tổng số vụ TPSPDCNC mà TAND TP.HCM đưa ra xét xử là 14 vụ với 55 bị cáo, Tổng số vụ xét xử theo điều 226b là 15 vụ với 55 bị cáo. Như vậy tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS chiếm tỉ lệ 100% vụ án TPSPDCNC. Qua số liệu năm 2016 cho thấy tình hình tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS có giảm so với 2015, nhưng so với năm 2013 thì tăng 223,33% số vụ, và tăng 343,75% số bị cáo.

- Năm 2017, Tổng số vụ TPSPDCNC mà TAND TP.HCM đưa ra xét xử là 08 vụ với 24 bị cáo, Tổng số vụ xét xử theo điều 226b là 04 vụ với 09 bị cáo. Như vậy tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS chiếm tỉ lệ 50% vụ án và 37,5% bị cáo trong tổng số TPSPDCNC. So với năm 2013 thì tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS chỉ chiếm 66,66% số vụ, chiếm 56,25% số bị cáo. Tuy nhiên, theo số liệu thống kê giải quyết các vụ án TPSPDCNC năm 2017 của TAND TP.HCM [Bảng 2.6 - Phụ lục] cho thấy, TAND TP.HCM phải giải quyết 14 vụ tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS với 44 bị cáo, nhưng TAND TP.HCM chỉ xét xử được 4 vụ với 9 bị cáo, Số lượng tồn chuyển xét xử 2018 là 2 vụ với 4 bị cáo và hoàn trả VKSND bổ sung hồ sơ để xét xử năm 2018 là 8 vụ với 31 bị cáo. Điều này cho thấy tình hình tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành

vi CĐTTS trong năm 2017 vẫn diễn ra hết sức phức tạp.

Qua phân tích theo từng năm cho thấy tình hình tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS trên địa bàn TP.HCM trong 05 năm gần đây tăng giảm không đều, nhưng xu hướng chung là tăng. Số lượng bị cáo và trị giá tài sản thiệt hại trong mỗi vụ ngày càng tăng cao. Tuy nhiên, đó chỉ là bề nổi số vụ án được phát hiện và đưa ra xét xử, còn tội phạm ẩn của loại tội phạm này là rất lớn do đa số đối tượng phạm tội là người có trình độ, hiểu biết về công nghệ thông tin do vậy chúng có thủ đoạn che dấu tội phạm rất tinh vi, có ứng dụng thành tựu của khoa học công nghệ vào thực hiện hành vi phạm tội nên công tác phát hiện, điều tra khám phá còn gặp nhiều khó khăn. Một số vụ án đã áp dụng đầy đủ các biện pháp điều tra nhưng không xác định được đối tượng thực hiện hành vi phạm tội. Điều này dẫn đến số vụ án phải tạm đình chỉ hoặc đình chỉ điều tra vẫn chiếm tỉ lệ khá cao trong tổng số vụ án loại tội phạm này.

2.2.3. Cơ cấu của tình hình tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

2.2.3.1 Cơ cấu xét về đặc điểm nhân thân

Kết quả nghiên cứu 135 bị cáo phạm tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS trên địa bàn TP.HCM được TAND TP.HCM đưa ra xét xử từ năm 2013 đến 2017, cho thấy các thông tin về đặc điểm nhân thân như sau [Bảng 2.7 - Phụ lục]:

- Về giới tính: 128 bị cáo là nam, chiếm tỉ lệ 94,81%; 07 bị cáo là nữ, chiếm tỉ lệ 5,19%.

- Về độ tuổi: từ 14 đến dưới 18 tuổi: 0/135 bị cáo chiếm tỉ lệ 0%, từ 18 - 30 tuổi: 81/135 bị cáo chiếm tỉ lệ 60%, từ 31 đến dưới 45 tuổi: 45/135 bị cáo chiếm tỉ lệ 33,33%, trên 45 tuổi: 9/135 bị cáo chiếm tỉ lệ 6,67%.

- Về trình độ học vấn: tất cả 135 bị cáo có trình độ trung học Phổ thông trở lên bị chiếm tỉ lệ 100%.

- Về trình độ tin học: 15 bị cáo chưa được đào tạo về tin học, chiếm 11,12%;

còn lại 120 bị cáo đã được đào tạo tin học từ trình độ chứng chỉ A, B trở lên chiếm tỉ lệ 88,88%.

- Về tiền án, tiền sự: 06 bị cáo đã có tiền án, tiền sự, chiếm tỉ lệ 4,45%; 129 bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, chiếm tỉ lệ 95,55%.

- Về nghề nghiệp: 89 bị cáo có nghề nghiệp ổn định, chiếm 65,92%; 46 bị cáo có nghề nghiệp không ổn định hoặc không có nghề nghiệp, chiếm tỉ lệ 34,08%.

- Về quốc tịch: có 92 bị cáo là người Việt nam, chiếm tỉ lệ 68,14%; 43 người mang quốc tịch nước ngoài chiếm tỉ lệ 31,86%. Theo thống kê thì trong những năm trước đây, bị cáo phạm tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS trên địa bàn TP.HCM chủ yếu là người nước ngoài hoặc Việt kiều, trong những năm gần đây, người Việt Nam phạm tội ngày càng cao cụ thể: bị cáo là người Việt nam năm 2013 chiếm tỉ lệ 6,25%; năm 2014 là 54,54%; năm 2015 là 66,66%, năm 2016 là 87,28%; năm 2017 là 100%.

Qua phân tích đặc điểm nhân thân của 135 bị cáo phạm tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS ở trên cho thấy: Đa số đối tượng phạm tội là nam giới, độ tuổi phạm tội nhiều nhất là từ 18 đến 30 tuổi (chiếm 60%). Hầu hết các đối tượng thực hiện hành vi phạm tội là những người có hiểu biết, có tri thức về công nghệ thông tin và lợi dụng sự hiểu biết này để thực hiện hành vi phạm tội. Đặc biệt là sự hình thành các băng, ổ nhóm tội phạm có tổ chức, có nhiều đối tượng tham gia. Đây là một trong những nét đặc trưng quan trọng cần lưu ý trong quá trình phòng, chống tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS.

2.2.3.2. Cơ cấu xét về phương thức thủ đoạn phạm tội.

- Nhóm các thủ đoạn trộm cắp và sử dụng trái phép thông tin thẻ ngân hàng để chiếm đoạt tài sản: Đây là nhóm bằng các thủ đoạn tinh vi trộm cắp thông tin thẻ ngân hàng sau đó sử dụng thông tin đó bí mật rút tiền chiếm đoạt. Tình hình nhóm tội phạm này diễn ra phức tạp, từ năm 2013 đến 2017, TAND TP.HCM đã đưa ra xét xử 23/44 vụ án chiếm tỉ lệ 52,27% trong số tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS. Một số thủ đoạn phổ biến hiện nay như:

+ Skimming: Khi khách hàng đưa thẻ cho nhân viên để thanh toán tiền, họ bí mật cào thẻ vào máy skimming (có kích thước chỉ bằng một bao diêm). Máy này có bộ nhớ, có chức năng mã hóa, ghi trộm được mọi thông tin của thẻ vào bộ nhớ.

+ Lấy thông tin từ máy ATM: gắn thiết bị Skimming vào phía ngoài khe nhận thẻ của các máy ATM để sao chép toàn bộ thông tin tài khoản cập nhật trong thẻ. Tương tự, với chiêu thức này, đối tượng sử dụng bàn phím giả camera siêu nhỏ để ghi hình lấy mật khẩu (password). Sau đó các đối tượng in thông tin lên thẻ từ giả và đến các máy ATM khác rút trộm tiền. Điển hình như vụ đối tượng Song Yuan Sheng - quốc tịch Trung Quốc bị Công an quận Tân Bình và bảo vệ Ngân hàng Viettinbank bắt quả tang khi đang cài đặt thiết bị trộm cắp thông tin thẻ ngân hàng tại máy ATM của Ngân hàng Viettinbank xảy ra vào tháng 12/2013.

+ Nhân viên của Ngân hàng lợi dụng nhiệm vụ được giao trộm cắp thông tin thẻ tín dụng. Điển hình như vụ Cao Lê Ngọc - nhân viên quản trị mạng Trung tâm điện toán - Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á, đã sử dụng tên truy cập (user) “ngoccl” do Ngân hàng Đông Á cấp để truy cập vào hệ thống máy chủ (server) phát hành thẻ của Ngân hàng Đông Á lấy cắp thông tin thẻ tín dụng của khách hàng. Sau đó, từ ngày 15/4/2014 đến ngày 24/4/2014, Ngọc đã sử dụng thông tin thẻ tín dụng đã trộm cắp để đặt mua hàng hóa là điện thoại di động Iphone và máy tính xách tay tại cửa hàng điện tử Zshop thông qua website bán hàng trực tuyến www.zshop.vn, chiếm đoạt của các chủ thẻ số tiền 102.471.095 đồng.

+ Cài phần mềm gián điệp (trojan horse, spyware), cài keylogger vào máy tính để lấy thông tin gõ bàn phím: lấy mọi thông tin cá nhân và thông tin thẻ khi khách hàng mua hàng qua mạng, chuyển về email của đối tượng. Điển hình như vụ Hồ Hồng Hoàng Thủy - sinh viên Trường Đại học Ngân hàng, đã cài đặt phần mềm Ardarmax Key logger vào máy laptop của cửa hàng Siêu thị tiện ích Home Fresh Mart tại quận 7, TP.HCM để ghi lại thao tác trên bàn phím, chụp ảnh màn hình máy tính người sử dụng. Từ đó, Thủy đã lấy cắp được thông tin mật khẩu tài khoản homefreshmart thuộc ví điện tử Payoo và email của cửa hàng sau đó Thủy sử dụng Internet đăng nhập vào ví điện tử homefreshmart để chiếm đoạt số tiền 17.600.000đ.

+ Thủ đoạn hacking (tấn công cơ sở dữ liệu): các đối tượng sử dụng một số phần mềm (tools) để phát hiện lỗi bảo mật của các website thương mại điện tử, thanh toán điện tử, website của Ngân hàng hoặc website cung cấp dịch vụ kết nối thanh toán trực tuyến (như Paypal.com)... để trộm cắp account và passwords của admin..., truy cập bất hợp pháp vào cơ sở dữ liệu để lấy thông tin khách hàng, thông tin thẻ tín dụng, tài khoản cá nhân, địa chỉ email.

+ Thủ đoạn phishing (gửi thư điện tử lừa đảo): các đối tượng tấn công (hack) vào các trang web bán hàng trực tuyến để lấy trộm thông tin hoặc mua thông tin các email bị hack của khách hàng có thể tín dụng, sau đó tạo và gửi các email giả danh ngân hàng hoặc một công ty hợp pháp với nội dung dưới dạng khẩn cấp liên quan đến tài khoản ngân hàng hoặc đưa ra lý do hợp lý về cảnh báo về an toàn của thẻ tín dụng của người nhận email. Đồng thời gửi kèm đường liên kết (link) dẫn đến website giả mạo của Ngân hàng, từ đó đối tượng dẫn dụ chủ thẻ phải cập nhật lại username, password, thông tin thẻ ngân hàng, thông tin cá nhân và gửi lại cho ngân hàng, nhưng thực chất là gửi vào email của hacker.

+ Thủ đoạn pharming: hacker sẽ lập một website giả mạo (fake website), có giao diện giống hệt website bị tấn công, Đồng thời hacker tấn công DNS server (hệ thống tên miền, máy chủ) và cài virus vào Domain server. Khi người dùng gõ địa chỉ Domain (tên miền) của website một ngân hàng (là website thật đã bị hacker tấn công), sẽ bị virus trên Domain server dịch thành một fake IP và chuyển hướng vào website giả mạo nói trên. Khi tiến hành giao dịch thanh toán trực tuyến, chủ thẻ tưởng đó là website thật nên khai báo thông tin thẻ tín dụng và gửi đi, thông tin này không đến Ngân hàng mà được gửi vào email của hacker. Với thủ đoạn phishing, nạn nhân phải bấm vào đường link trong email để truy cập vào website giả, còn đối với thủ đoạn pharming, ngay cả khi người dùng gõ đúng địa chỉ website của ngân hàng trên trình duyệt, virus trong máy tính của người sử dụng vẫn hướng họ đến địa chỉ website giả. Đó là do hacker sử dụng virus thay đổi địa chỉ IP thông qua lỗi phần mềm trên máy chủ của nhà cung cấp dịch vụ Internet.

+ Sử dụng thông tin thẻ ngân hàng trộm cắp để thanh toán tiền mua hàng hóa,

dịch vụ trực tuyến qua mạng internet. Một số vụ điển hình như: Vụ Nguyễn Thái Thông - sinh viên Học viện Công nghệ thông tin NIIT-INET tại TP.HCM cùng đồng bọn sử dụng thông tin thẻ tín dụng bị trộm cắp (“CC chùa”) đặt mua 163 vé máy bay của Vietnam Airlines gây thiệt hại 327.104.000 đồng. Số vé máy bay đặt mua được, Thông và đồng bọn bán lại cho Công ty TNHH Dona Décor (có đăng ký làm đại lý vé máy bay của Vietnam Airlines) trụ sở tại thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa để bán lại cho khách hàng hoặc rao bán cho khách hàng vắng lai trên trang web 5giay.vn thu lợi bất chính tổng số tiền là 136.604.000đ.

+ Sử dụng thông tin thẻ tín dụng trộm cắp để thực hiện giao dịch chuyển tiền trong tài khoản của người bị hại sang tài khoản khác, tài khoản tiền điện tử; trả tiền đánh bạc, cá độ bóng đá; chuyển thành tiền ảo hoặc thanh toán tiền hàng hóa trong game online. Điển hình như vụ Nguyễn Minh Khoa - nhân viên Nhà hàng Thiên Phúc tại quận 1, TP.HCM, đã lợi dụng việc khách hàng đưa thẻ tín dụng để thanh toán hóa đơn, Khoa đã tìm chỗ vắng người, sử dụng điện thoại di động chụp lại hai mặt trước và sau thẻ, lấy cắp thông tin trên thẻ tín dụng của khách. Sau đó, trong thời gian từ ngày 20/3/2014 đến 16/4/2014, Khoa đã sử dụng thông tin thẻ tín dụng trộm cắp để thanh toán trực tuyến nộp tiền vào tài khoản game online, chiếm đoạt của các chủ thẻ số tiền 61.600.000đ.

+ Sử dụng thông tin thẻ ngân hàng trộm cắp để sản xuất thẻ ngân hàng giả để sử dụng mua, thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ tại các trung tâm thương mại, cửa hàng, khách sạn hoặc rút tiền mặt tại máy ATM. Đặc biệt số đối tượng phạm tội là người nước ngoài hoặc thuê các đối tượng là người Việt Nam sử dụng thẻ giả để mua các loại hàng hóa hoặc rút tiền để chiếm đoạt. Điển hình các như: Vụ Looi HawShyan (23 tuổi), Khoo Boon Loke (26 tuổi), đều mang quốc tịch Malaysia và Cổ Kim Thạch (41 tuổi, ngụ quận 5) mang các thiết bị làm giả thẻ visa, master card và ATM của ngân hàng vào Việt Nam để sản xuất sản xuất 85 thẻ ngân hàng giả các loại sau đó sử dụng 85 thẻ giả này đi lưu hành tại TP.HCM. Tổng cộng các đối tượng trên thực hiện 40 lần giao dịch thanh toán và rút tiền, chiếm đoạt số tiền trên 499 triệu đồng. Ngày 09/12/2013, TAND TP.HCM đã mở phiên tòa xét xử, tuyên

phạt Looi HawShyan 7 năm tù, Khoo Boon Loke 5 năm tù, Cổ Kim Thạch 3 năm tù cùng về tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS; Mới đây nhất là vụ Leong Sanvoon (30 tuổi, quốc tịch Malaysia) đến cửa hàng Dior nằm trên đường Đồng Khởi (quận 1, TPHCM) mua quần áo. Tại đây, đối tượng chọn mua những bộ trang phục có giá trị cao (hơn 30 triệu đồng) và đưa thẻ giả để thanh toán. Trong lúc quét thẻ, nhân viên cửa hàng phát hiện đối tượng có biểu hiện không bình thường nên đã điện báo công an. Tại trụ sở công an, đối tượng khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

- Nhóm thủ đoạn liên quan đến truy cập bất hợp pháp vào tài khoản của cơ quan, tổ chức, cá nhân nhằm chiếm đoạt tài sản: Với thủ đoạn này, từ năm 2013 đến 2017, TAND TP.HCM đã đưa ra xét xử 4/44 vụ án, chiếm tỉ lệ 9,09% trong số tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS. Thiệt hại do nhóm thủ đoạn này gây ra rất lớn. Một số thủ đoạn phổ biến hiện nay như :

+ Các đối tượng hacker truy cập bất hợp pháp vào tài khoản ngân hàng của cá nhân, tổ chức. Sau đó, thực hiện các giao dịch chuyển tiền sang tài khoản khác. Điển hình như vụ hacker đăng nhập trộm cắp thông tin tài khoản của bà Katayama Emiko - tổ chức phi Chính phủ Châu Á Nhật Bản tại Ngân hàng ANZ - Chi nhánh TP.HCM để đánh cắp số tiền 260.083.000 đồng và 949,77 USD. Sau đó chuyển vào tài khoản của các đối tượng Phạm Thị Sa và Maria Cecilia Lopez là những người được các đối tượng người Nigeria thuê đứng tên mở tài khoản để chuyển tiền chiếm đoạt vào, sau đó rút ra đưa lại cho bọn chúng.

+ Thủ đoạn chiếm đoạt và sử dụng các tài khoản trên mạng Internet như thư điện tử, tài khoản mạng xã hội yahoo messenger, facebook, zalo... của cá nhân hoặc tổ chức, sau đó soạn tin nhắn gửi đến người thân, bạn bè của chủ tài khoản bị chiếm đoạt đề nghị giúp đỡ bằng việc gửi tiền vào một tài khoản nào đó hoặc nhờ mua và nhắn tin mã thẻ cào nạp tiền điện thoại để chiếm đoạt. Nhiều trường hợp đối tượng đề nghị hợp tác kinh doanh thẻ cào điện thoại bán cho nước ngoài thu được lợi nhuận cao, sau khi nhận được mã số thẻ cào thì chúng chiếm đoạt.

+ Thủ đoạn sử dụng các phần mềm virus chiếm quyền sử dụng email hoặc tạo

lập địa chỉ email giả gửi thư điện tử yêu cầu đối tác chuyển tiền thanh toán các hợp đồng mua bán vào tài khoản ngân hàng khác do chúng lập ra để chiếm đoạt. Điển hình như: vụ Cletus Chimaobi Hillary và Okonkwo Mathias Ugochukwa - quốc tịch Nigeria đã sử dụng phần mềm bẻ khóa xâm nhập email của Tập đoàn Hoa Sen, đánh cắp thông tin hợp đồng mua bán với khách hàng là Công ty KHP Roofing (Malaysia), sau đó tạo lập địa chỉ email giả mạo (gần giống với email của Tập đoàn Hoa Sen) và gửi thư điện tử yêu cầu Công ty KHP Roofing chuyển tiền thanh toán vào tài khoản Ngân hàng khác do chúng lập ra để chiếm đoạt số tiền 115.000USD.

- Thủ đoạn lừa đảo trong thương mại điện tử, huy động vốn đa cấp qua mạng: từ năm 2013 đến 2017, TAND TP.HCM đã đưa ra xét xử 5/44 vụ án, chiếm tỉ lệ 11,36% trong số tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS. Điển hình như vụ: Công ty Tâm Mặt trời (trụ sở tại TP.HCM) tạo ra các gian hàng ảo giống như sàn giao dịch thương mại điện tử để lừa bán hơn 23.348 gian hàng ảo nhằm chiếm đoạt tài sản thu được số tiền hơn 121 tỷ đồng. Qua kết quả điều tra còn xác định, từ tháng 1/2010 đến tháng 10/2012 các bị cáo đã chiếm đoạt hơn 8,7 tỷ đồng để chia nhau sử dụng vào mục đích cá nhân. Ngày 25/7/2017, TAND TP.HCM mở phiên tòa, xét xử Nguyễn Hoàng Vũ - tổng giám đốc, 9 năm tù; Lê Văn Đình - phó chủ tịch Hội đồng quản trị, 8 năm tù; Đỗ Văn Hiền - chủ tịch Hội đồng quản trị, 7 năm tù và Thiên Sanh Trí - Phó tổng giám đốc 4,9 năm tù cùng về tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS.

- Thủ đoạn lừa đảo bán hàng qua mạng Internet để CĐTTS: từ năm 2013 đến 2017, TAND TP.HCM đã đưa ra xét xử 12/44 vụ án, chiếm tỉ lệ 27,27% trong số tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS. Điển hình gần đây là vụ Nguyễn Văn Đô và đồng bọn đã sử dụng mạng internet đăng bài viết trên mạng facebook để bán điện thoại iphone, làm bằng cấp giả, giấy tờ nhà đất giả... Khi có khách hàng có nhu cầu mua điện thoại hoặc làm bằng cấp giả, giấy tờ nhà đất giả sẽ liên hệ nhóm đối tượng thông qua số điện thoại đăng trong bài viết. Các đối tượng yêu cầu khách hàng chuyển khoản 30 – 50% tiền cọc thông qua tài khoản chỉ định sau đó chúng rút tiền để chiếm đoạt và cắt đứt liên lạc với khách

hàng. Tổng trị giá Đô và đồng bọn đã chiếm đoạt trên 100 triệu đồng. Ngày 18/12/2017 TAND TP.HCM đã đưa vụ án ra xét xử và đã tuyên phạt Đô và đồng bọn, mỗi bị cáo 4 năm tù về tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS.

- Thủ đoạn trộm cước viễn thông: trước đây hành vi trộm cước viễn thông quốc tế là loại án xảy ra nhiều, từ năm 2004 đến 2013 đã xảy ra 15 vụ gây thiệt cho nhà nước khoảng 46 tỷ đồng, thủ đoạn của loại tội phạm này là sử dụng đường truyền internet, chuyển tín hiệu quốc tế vào trong nước, dùng các thiết bị viễn thông tách tín hiệu thành tín hiệu thoại và hòa mạng viễn thông trong nước để hưởng chênh lệch giá cước. Tuy nhiên từ năm 2013 đến 2017, các cơ quan chức năng trên địa bàn TP.HCM chưa phát hiện xử lý vụ nào.

2.2.3.3. Cơ cấu xét về công cụ, phương tiện thực hiện tội phạm

Qua thực tiễn các vụ án tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS cho thấy tội phạm này thường sử dụng sự tiến bộ của công nghệ thông tin mà cụ thể là MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS làm công cụ, phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội. Công cụ, phương tiện phạm tội này đã khiến cho loại tội phạm này trở thành tội phạm không biên giới, thực hiện được những hành vi phạm tội mà tội phạm truyền thống không thể làm được, xâm phạm quyền lợi của người bị hại ở các quốc gia khác nhau, như đang ở Việt Nam nhưng có thể chiếm đoạt được tiền của một người nào đó đang ở nước ngoài hoặc ngược lại và rất khó xác định được chính xác thời gian và địa điểm thực hiện hành vi phạm tội. Một số vụ án thu giữ được công cụ, phương tiện phạm tội là do các đối tượng nước ngoài làm ra, cung cấp như thẻ ngân hàng giả, passport giả, các phần mềm, thiết bị công nghệ cao... Qua nghiên cứu 44 vụ án mà TAND TP.HCM xét xử tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS, xét về công cụ phương tiện thì có 4/44 vụ sử dụng MMT chiếm tỉ lệ 9,09%; 9 vụ sử dụng TBS chiếm tỉ lệ 20,45%; 31/44 vụ sử dụng mạng internet chiếm tỉ lệ 70,45%; 0/44 vụ sử dụng MVT, chiếm tỉ lệ 0,0%.

2.2.4. Hậu quả thiệt hại do tội phạm gây ra

Tình hình tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS trên địa bàn TP.HCM đã gây ra thiệt hại lớn cho cơ quan, tổ chức, chức và cá nhân và cho xã hội. Từ năm 2013 đến năm 2017 đã xét xử 44 vụ án với tổng trị giá thiệt hại khoảng 90,381 tỷ đồng. Cụ thể: năm 2013 xét xử 6 vụ án, gây thiệt hại 14,018 tỷ đồng, chiếm tỉ lệ 15,50%; năm 2014 xét xử 10 vụ án, gây thiệt hại 7,484 tỷ đồng chiếm tỉ lệ 8,28%; năm 2015 xét xử 20 vụ án, gây thiệt hại 20,391 tỷ đồng, chiếm tỉ lệ 22,56%; năm 2016 xét xử 14 vụ án, gây thiệt hại 27,373 tỷ đồng, chiếm tỉ lệ 30,28%; năm 2017 xét xử 04 vụ án, gây thiệt hại 21,115 tỷ đồng, chiếm tỉ lệ 23,38% [Bảng 2.4 - Phụ lục]. Như vậy, mức độ thiệt hại cho xã hội ở mức cao, các năm sau mặc dù số vụ có giảm nhưng tỉ lệ thiệt hại còn cao hơn các năm trước rất nhiều và chưa có xu hướng giảm.

2.3. Thực trạng về tổ chức các chủ thể phòng ngừa tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

2.3.1. Thực trạng về tổ chức lực lượng Cảnh sát kinh tế Công an Thành phố Hồ Chí Minh

Lực lượng CSKT Công an TP.HCM là lực lượng trực tiếp làm nhiệm vụ đấu tranh phòng, chống tội phạm sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS trên địa bàn TP.HCM. Theo thống kê, Lực lượng CSKT Công an TP.HCM được tổ chức thành 02 cấp gồm Phòng CSKT và 24 Đội CSKT Công an quận, huyện. Tính đến tháng 12/2017, lực lượng CSKT Công an TP.HCM có 709 đồng chí, trong đó có 628 nam (chiếm 88,58%), 81 nữ (chiếm 11,42%); có 109 điều tra viên (15,38%), 71 cán bộ điều tra (10,01%), 470 trinh sát viên (66,29%), 59 cán bộ tham mưu - tổng hợp (8,32%) [Bảng 2.8 - Phụ lục]. Tổ chức lực lượng và phân công nhiệm vụ cụ thể như sau:

- Về tổ chức của Phòng Cảnh sát kinh tế Công an TP.HCM hiện nay gồm 10 Đội. Tổng quân số là 217 đồng chí (chiếm 30,6% lực lượng CSKT Công an TP.HCM), trong đó Đội 10 là đội có chức năng phòng ngừa, đấu tranh chống

TPSDCNC có quân số 15 đ/c (chiếm 2,11% lực lượng CSKT Công an TP.HCM).

- Về tổ chức Lực lượng CSKT Công an 24 quận huyện: Tổng quân số hiện nay là 492 đồng chí (chiếm 69,4% lực lượng CSKT Công an TP.HCM).

- Về độ tuổi: lực lượng CSKT Công an TP.HCM có 709 đồng chí, trong đó Dưới 30 tuổi: 211 đồng chí, chiếm tỉ lệ 29,76%; Từ 30 đến 40 tuổi: 237 đồng chí, chiếm tỉ lệ 33,43%; Từ 41 đến 50 tuổi: 151 đồng chí, chiếm tỉ lệ 21,30%; Trên 50 tuổi: 110 đồng chí, chiếm tỉ lệ 15,51%.

- Trình độ học vấn: Trình độ trên đại học: 29 đồng chí, chiếm tỉ lệ 4,10%; Trình độ đại học: 409 đồng chí, chiếm tỉ lệ 57,69%; Trình độ cao đẳng: 64 đồng chí, chiếm tỉ lệ 9,02%; Trình độ trung cấp: 198 đồng chí, chiếm tỉ lệ 27,92%; Trình độ THPT: 09 đồng chí, chiếm tỉ lệ 1,27%.

- Trình độ nghiệp vụ Công an: Sau Đại học Công an: 14 đồng chí, chiếm 1,98%; Đại học Công an: 285 đồng chí, chiếm 40,20%; Trung cấp Công an: 175 đồng chí, chiếm 24,68%; Sơ cấp, bồi dưỡng nghiệp vụ Công an: 202 đồng chí, chiếm 28,49%; Chưa qua bồi dưỡng nghiệp vụ Công an: 33 đồng chí, chiếm 4,65%.

Như vậy, lực lượng CSKT Công an TP.HCM được tổ chức tương đối khoa học, hợp lý, kết hợp được sức mạnh của cả lực lượng điều tra viên, cán bộ điều tra và trinh sát trong đấu tranh chống tội phạm, điều tra vụ án. Tuy nhiên, thống kê cũng cho thấy lực lượng điều tra viên, cán bộ điều tra nói riêng còn quá mỏng, trình độ nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học của cán bộ, chiến sỹ còn thấp, chủ yếu chỉ có chứng chỉ A, B do vậy chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn đấu tranh phòng chống tội phạm, trong đó có tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS.

2.3.2. Thực trạng về tổ chức lực lượng Cục cảnh sát phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao (C50) - Bộ Công an (phía nam)

Cục C50 - Bộ Công an được thành lập tháng 2/2010, có chức năng chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn lực lượng cảnh sát phòng chống TPSDCNC trong cả nước, tiến hành các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, điều tra xử lý TPSDCNC.

Tại TP.HCM, C50 có thành lập Phòng 6 thực hiện chức năng nhiệm vụ như một cục C50 quản lý địa bàn từ Đà Nẵng vào phía nam trong đó có TP.HCM. Cục

C50 cử 01 Đ/c Cục Phó trực tiếp phụ trách. Tổng quân số Phòng 6 là 20 đồng chí, trong đó có 01 đồng chí trưởng phòng, 02 đ/c phó phòng và 17 đồng chí trinh sát.

- Về giới tính: Cục C50 phía Nam có: Nam là 20 đồng chí (chiếm 95,23% quân số), nữ 01 đồng chí (chiếm 4,77 % quân số).

- Về độ tuổi: Từ 25 đến 40 tuổi: 18 đồng chí, chiếm 85,71%; Từ 41 đến 50 tuổi: 02 đồng chí, chiếm 9,52%; từ 51 tuổi trở lên: 01 đồng chí, chiếm 4,77%.

- Trình độ học vấn: Trình độ trên đại học: 3 đồng chí, chiếm tỉ lệ 14,28%; Trình độ đại học: 18 đồng chí, chiếm tỉ lệ 85,72%;

- Trình độ nghiệp vụ chuyên môn: Sau Đại học Công an: 03 đồng chí, chiếm 14,28%; Đại học Công an: 05 đồng chí, chiếm 23,80%; Đại học ngành ngoài chuyên ngành công nghệ thông tin và học bồi dưỡng nghiệp vụ Công an: 13 đồng chí, chiếm 61,92%;

Với thực trạng tổ chức của cục C50 - Bộ Công an (phía nam) và chức năng nhiệm vụ quản lý địa bàn từ Đà Nẵng vào phía nam cho thấy, địa bàn quá rộng, quân số quá mỏng không có lực lượng điều tra viên, cán bộ điều tra nên cũng gặp rất nhiều khó khăn trong phòng ngừa, đấu tranh chống TPSPDCNC nói chung cũng như tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS trên địa bàn TP.HCM nói riêng.

2.3.3. Thực trạng về tổ chức lực lượng Sở Thông tin và truyền thông

Tổ chức bộ máy của Sở Thông tin và Truyền thông TP.HCM hiện nay gồm: Ban Giám đốc; 08 phòng gồm: Văn phòng Sở; Thanh tra Sở; Phòng Kế hoạch – Tổng hợp; Phòng Công nghệ thông tin; Phòng Bưu chính- Viễn thông; Phòng Báo chí; Phòng Xuất bản, in và phát hành; Phòng Thông tin điện tử; Phòng Pháp chế và 2 đơn vị trực thuộc Sở gồm: Trung tâm Công nghệ thông tin-Truyền thông; Trường Trung cấp Thông tin và Truyền thông. Tổng số biên chế hiện nay của Sở Thông tin và Truyền thông có 114 người trong đó mỗi phòng có từ 8 đến 17 biên chế, riêng phòng thanh tra có 7 biên chế.

- Về độ tuổi: dưới 30 tuổi: 15 người, chiếm tỉ lệ 13,15%; Từ 31 đến 40 tuổi: 62 người, chiếm tỉ lệ 54,38%; Từ 41 đến 50 tuổi: 36 người, chiếm tỉ lệ 31,57%; từ

51 tuổi trở lên: 01 người, chiếm tỉ lệ 0,90%.

- Trình độ học vấn: Trình độ phó giáo sư tiến sĩ: 02 người, chiếm tỉ lệ 1,75%; Trình độ thạc sĩ : 28 người, chiếm tỉ lệ 24,56%; Trình độ đại học: 83 người, chiếm tỉ lệ 72,80%; Trung cấp: 01 người, chiếm tỉ lệ 0,90%.

- Về chức danh: Chuyên viên cao cấp: 3 người, chiếm tỉ lệ 2,63%; Chuyên viên chính: 4 người, chiếm tỉ lệ 3,50%; Chuyên viên : 78 người, chiếm tỉ lệ 71,92%; Thanh tra viên chính: 02 người, chiếm tỉ lệ 2,75%; Thanh tra viên : 03 người, chiếm tỉ lệ 14,28%; Viên chức 24 người, chiếm tỉ lệ 21,05%.

Sở Thông tin và Truyền thông là đơn vị trực thuộc UBND TP.HCM. Đơn vị thực hiện chức năng quản lý nhà nước trong lĩnh vực được phân công trong đó có chức năng phòng, chống tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS. Qua khảo sát về tổ chức, năng lực chuyên môn của Sở thông tin và Truyền thông TP.HCM nhận thấy có sự phân bổ khá hợp lý trình độ chuyên môn cao có thể đáp ứng được công tác phòng ngừa tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS trên địa bàn TP.HCM.

2.3.4. Thực trạng về tổ chức lực lượng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

Nhân sự VKSND TP.HCM: Tính đến tháng 12/2017, toàn TP.HCM có tổng số 524 Kiểm sát viên. Trong đó, riêng VKSND TP.HCM có 174 Kiểm sát viên chiếm tỉ lệ 33,20%. Tại 24 VKSND quận huyện có 350 Kiểm sát viên, chiếm tỉ lệ 66,80%. bao gồm:

- Về tổ chức: Cấp Thành phố, hiện nay VKSND TP.HCM có 14 phòng nghiệp vụ, trong đó có 4 phòng nghiệp vụ kiểm sát điều tra án hình sự. Mỗi phòng có từ 12 đến 26 Kiểm sát viên. phòng thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra án kinh tế - chức vụ (phòng 3) có 11 Kiểm sát viên trung cấp và 2 Kiểm sát viên sơ cấp.

- Về trình độ văn hóa: Trong số 524 Kiểm sát viên của TP.HCM, có 60 Kiểm sát viên có trình độ sau đại học, chiếm tỉ lệ 11,45%; 464 Kiểm sát viên có trình độ đại học, chiếm tỉ lệ 88,55%; Riêng phòng 3 có 4 thạc sĩ.

- Về trình độ chuyên môn : trong số 524 Kiểm sát viên của TP.HCM, có 210

Kiểm sát viên trung cấp, chiếm tỉ lệ 40,07%; 314 Kiểm sát viên sơ cấp, chiếm tỉ lệ 59,92%; Hiện nay còn thiếu 38 Kiểm sát viên trung cấp, 55 Kiểm sát viên sơ cấp.

Qua khảo sát về tổ chức, năng lực chuyên môn của VKSND TP.HCM như trên nhận thấy có sự phân bổ khá hợp lý trình độ chuyên môn cao. Tuy nhiên, hiện nay số lượng kiểm sát viên còn thiếu, phòng thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra án kinh tế - chức vụ có số lượng kiểm sát viên khá ít trong khi số vụ án về kinh tế, chức vụ xảy ra hàng năm trên địa bàn TP.HCM khá cao nên cũng gây nhiều khó khăn trong công tác phòng, chống tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS.

2.3.5. Thực trạng về tổ chức lực lượng Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

Nhân sự TAND TP.HCM: Tính đến tháng 12/2017, toàn TP.HCM có tổng số 611 thẩm phán. Trong đó, riêng tòa án thành phố có 131 thẩm phán chiếm tỉ lệ 21,44%; TAND Tại 24 quận huyện có 480 thẩm phán, chiếm tỉ lệ 78,56%.

- Về tổ chức: Cấp thành phố, tòa án được tổ chức thành các tòa chuyên trách: Tòa kinh tế, tòa dân sự, tòa hình sự... Việc xét xử sơ thẩm các vụ án kinh tế thuộc nhiệm vụ của tòa hình sự.

- Về trình độ văn hóa: Trong số 611 thẩm phán, có 3 tiến sĩ chiếm tỉ lệ 0,49%; 120 thạc sĩ chiếm tỉ lệ 19,63%; 488 cử nhân chuyên ngành luật chiếm tỉ lệ 79,86%.. Ngoài ra tại 2 cấp tòa án có 561 thư ký, trong đó 513 có trình độ đại học, 18 trình độ sau đại học.

- Về trình độ chuyên môn: Trong số 611 thẩm phán, cấp thành phố có 2 thẩm phán cao cấp, chiếm tỉ lệ 0,32%; có 183 thẩm phán trung cấp, chiếm tỉ lệ 29,95% (trong đó cấp thành phố có 128 thẩm phán trung cấp, chiếm tỉ lệ 20,94%); có 426 thẩm phán sơ cấp, chiếm tỉ lệ 29,95% (trong đó cấp thành phố có 01 thẩm phán trung cấp, chiếm tỉ lệ 0,16%).

Về cơ cấu tổ chức Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cơ bản đầy đủ theo quy định của pháp luật; trình độ học vấn của các thẩm phán và thư ký phiên tòa khá cao, tuy nhiên số thẩm phán chưa có nhiều kinh nghiệm chiếm tỉ lệ còn khá cao

nên cũng ảnh hưởng đến hiệu quả xét xử nói chung và tham gia công tác phòng ngừa tình hình tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS nói riêng.

2.4. Thực trạng các biện pháp phòng ngừa tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

2.4.1. Các biện pháp phòng ngừa chung

2.4.1.1. Biện pháp kinh tế - xã hội

TP.HCM là trung tâm kinh tế chính trị lớn của nước ta. với tổng diện tích 2.095,6 km². Với sự phát triển của các khu công nghiệp, khu chế xuất, các khu kinh tế mở đã khiến cho việc di cư vào thành phố ngày càng nhiều, hiện nay dân số TP.HCM là 8.224.000 người (chiếm 8,82% dân số Việt Nam), tuy nhiên nếu tính những người cư trú không đăng ký thì dân số thực tế của thành phố là 14 triệu người. Đảng ủy, UBND TP.HCM luôn chú trọng đến vấn đề giải quyết việc làm cho người dân lao động. Từ năm 2013 đến 2017, hàng năm thành phố đã giải quyết việc làm cho khoảng 300.000 lao động, giảm tỉ lệ thất nghiệp xuống khoảng 4%, hỗ trợ trên 400.000 thẻ bảo hiểm y tế cho các hộ nghèo nhằm trợ giúp người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Triển khai thực hiện các chế độ chính sách cho người có công, người lao động, hàng năm giải quyết khoảng trên 100.000 người hưởng trợ cấp thất nghiệp, xây dựng nhà tình thương, tình nghĩa, chống dốt, hỗ trợ tiền điện, hỗ trợ sinh viên nghèo, tặng quà... với số tiền trên 400 tỷ đồng/năm, Hỗ trợ người nghèo vay vốn học nghề, giải quyết vốn làm ăn, phát triển sản xuất kinh doanh nhỏ... phấn đấu đến năm 2020 tiêu chí của hộ nghèo thu nhập đạt 12 triệu đồng/ người. Qua đó đã góp phần làm giảm và từng bước loại trừ nguyên nhân, điều kiện của tình hình tội phạm nói chung và tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS nói riêng.

Tuy nhiên, việc triển khai các biện pháp kinh tế - xã hội còn thiếu đồng bộ, tình trạng phân hóa giàu nghèo, thất nghiệp, tình trạng nghèo đói của một số bộ phận dân cư vẫn tồn tại. Các tệ nạn xã hội vẫn diễn ra phức tạp đặc biệt là tình trạng

một số bộ phận thanh thiếu niên có lối sống buông thả, thích hưởng thụ, tha hóa về đạo đức, không muốn làm việc, nên lợi dụng sơ hở của người dân, sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS.

Nguyên nhân của những tồn tại trên là do biện pháp kinh tế - xã hội chưa giải quyết được vấn đề phát triển kinh tế với giải quyết tốt các vấn đề xã hội. Chính quyền địa phương chưa giải quyết tốt công ăn việc làm cho người thất nghiệp để có cuộc sống ổn định. Mặt khác, do ảnh hưởng của nền kinh tế thị trường, hoạt động kinh doanh của một số doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn đi vào phá sản, từ đó kéo theo tình trạng công nhân thất nghiệp ngày càng nhiều, một số người có công việc tạm bợ bấp bênh dễ đi vào con đường vi phạm pháp luật.

2.4.1.2. Các biện pháp văn hóa - giáo dục

- Biện pháp văn hóa: Từ năm 2013 đến 2017, các cấp ủy Đảng, chính quyền, nhân dân thành phố luôn trú trọng tới hoạt động văn hóa tinh thần cho người dân thành phố, từng bước phát triển về nội dung và phương thức hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, giải trí. Tổ chức tuyên truyền cổ động các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Tập trung đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa lành mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, xây dựng nếp sống văn minh đô thị. Thành phố có trên 40 cơ quan báo, đài và các phương tiện thông tin đại chúng đã đăng tải trên 3.000 tin về công tác phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội, phát sóng trên 500 chuyên mục “Vì an ninh tổ quốc”..., đã góp phần giáo dục, tuyên truyền các chủ trương chính sách của Đảng pháp luật của nhà nước và các giá trị về văn hóa, truyền thống tốt đẹp của dân tộc đến với người dân góp phần giúp nhân dân thành phố thực hiện tốt cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”.

Tuy nhiên, kết quả phát triển văn hóa của thành phố vẫn còn chưa tương xứng, chưa đáp ứng yêu cầu nâng cao đời sống tinh thần của người dân, tình trạng suy thoái về đạo đức, lối sống của một bộ phận thanh thiếu niên, môi trường học đường, cuộc sống gia đình, quan hệ cộng đồng còn có những diễn biến theo chiều hướng tiêu cực, bất lợi. Tình trạng bạo lực gia đình, bạo hành phụ nữ, trẻ em và nhiều tệ

nạn xã hội khác có chiều hướng gia tăng, trong đó có tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” ở một số nơi còn mang tính hình thức.

Nguyên nhân của những tồn tại trên là do kinh tế - xã hội phát triển ngày càng cao và sự bùng nổ thông tin nên một số gia đình chiều chuộng con cái tạo nên sự đua đòi trong các em. Hiện tượng du nhập phim ảnh, games bạo lực, văn hóa phẩm đồi trụy tràn lan trên mạng, trên thị trường không kiểm soát được, việc giáo dục chưa đúng đắn từ gia đình, nhà trường và xã hội là những nguyên nhân của tình trạng bạo lực gia đình, bạo hành phụ nữ, trẻ em và nhiều tệ nạn xã hội khác.

- Biện pháp giáo dục: Các cấp ủy Đảng, chính quyền, nhân dân thành phố luôn xác định rõ phát triển giáo dục là quốc sách hàng đầu. TP.HCM có hệ thống giáo dục – đào tạo từ mầm non đến đại học và dạy nghề lớn nhất cả nước, gồm 939 trường mầm non; 938 trường từ tiểu học đến trung học phổ thông; 50 trường Đại học. Ngoài ra, trên địa bàn Thành phố còn có 29 trường giáo dục thường xuyên, 66 trường giáo dục công nghệ, 50 trung tâm kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp... Từ năm 2013 đến 2017, nhằm nâng cao trình độ lực lượng lao động, giải quyết nhu cầu việc làm cho người dân, mỗi năm, thành phố đào tạo học nghề cho trên 15.700 người và tỉ lệ người lao động được đào tạo đạt 80% trong tổng số lao động đang làm việc. Công tác kiểm tra giám sát, chấn chỉnh, khắc phục những tồn tại hạn chế trong công tác dạy nghề cho lao động ngày càng chú trọng. Quy mô mạng lưới trường học được phát triển, đến năm 2020 thành phố phấn đấu đạt 300 phòng học/10.000 dân trong độ tuổi đi học (từ 3 đến 18 tuổi). Hàng năm Thành phố tổ chức khoảng 1.300 lớp đào tạo bổ sung kiến thức cho đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục nhằm nâng cao trình độ quản lý, chuyên môn nghiệp vụ. Các ban ngành đoàn thể trên địa bàn thành phố cũng đã phối hợp với nhà trường thực hiện hàng trăm cuộc giáo dục tuyên truyền pháp luật đến từng học sinh, sinh viên, lồng ghép đưa nội dung phòng ngừa tình hình tội phạm nói chung và tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS vào chương trình giáo dục tại các trường học nhằm nâng cao hiệu quả của công tác phòng ngừa.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được thì vấn đề giáo dục ở TP.HCM còn có những tồn tại và hạn chế nhất định đó là chất lượng giáo dục, đào tạo ở các cấp học, ngành học, giữa các địa phương chưa đồng đều, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển chung của cả thành phố, kết quả đào tạo công nhân kỹ thuật theo tiêu chuẩn khu vực, quốc tế còn thấp. Năng lực chuyên môn của một số bộ phận giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục vẫn còn chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới phương pháp giảng dạy và phương pháp quản lý giáo dục. Việc tiếp cận các phương tiện, trang thiết bị dạy học, phương pháp dạy học hiện đại của giáo viên còn hạn chế.

Nguyên nhân của những tồn tại trên là do việc phát triển giáo dục chưa mang tính đồng bộ, phương pháp, cách thức giáo dục, đào tạo ở một số nơi còn nhiều bất cập trong thời gian dài nên ảnh hưởng đến việc hình thành quan điểm sống, hình thành lối sống chỉ biết hưởng thụ, chạy theo đồng tiền. Điều kiện đầu tư cho giáo dục còn khó khăn, công tác lập quy hoạch phát triển giáo dục còn chậm, công tác quản lý chuyên ngành, quản lý cơ sở giáo dục và đào tạo chưa có chiều sâu, công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục, nhà giáo còn hạn chế.

2.4.1.3. Các biện pháp về tuyên truyền phổ biến pháp luật, ý thức phòng ngừa tội phạm

Các cấp ủy Đảng, chính quyền thành phố đã thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật nâng cao ý thức phòng ngừa tội phạm đến mọi người dân, mọi lứa tuổi để họ chấp hành và tuân thủ pháp luật. Từ năm 2013 đến 2017, các ban ngành đoàn thể đã in ấn, phát hành miễn phí nhiều tài liệu tuyên truyền về pháp luật, cảnh báo tình hình tội phạm cho người dân, tổ chức trên 100 cuộc diễn đàn, giao lưu, đối thoại trực tiếp giữa cơ quan ban ngành và quần chúng nhân dân nhằm tuyên truyền tình hình tội phạm, phương thức, thủ đoạn của các tổ chức lừa đảo hiện nay, từ đó giải đáp các thắc mắc, đưa ra các nội dung cảnh báo để người dân cảnh giác, phòng ngừa, tránh bị lôi kéo, tham gia vào con đường phạm tội. Trong các cuộc họp tổ dân phố, các buổi sinh hoạt chính trị, các ban ngành địa phương đã lồng ghép tổ chức trên 4.300 cuộc tuyên truyền phổ biến ý pháp luật phòng ngừa tội phạm nói chung trong đó có phòng ngừa tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS.

Tuy nhiên công tác tuyên truyền còn chưa được quan tâm đúng mức, chưa thường xuyên, nội dung còn nghèo nàn chưa sâu sát, chưa phản ánh đầy đủ tình hình về tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS. Lực lượng tuyên truyền còn ít, trình độ hiểu biết về ngành công nghệ thông tin còn hạn chế. Sự phối hợp giữa các đơn vị liên quan trong việc tuyên truyền còn chưa tốt, chưa kịp thời đưa thông tin về những phương thức thủ đoạn mới của tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS, chưa kịp thời đề nghị biểu dương, nhân rộng điển hình tiên tiến trong phòng ngừa tội phạm này.

Nguyên nhân của những tồn tại trên là do thiếu sự phối hợp chặt chẽ của các cơ quan chức năng trong công tác vận động quần chúng, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về phòng, chống tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS; nội dung, hình thức tuyên truyền chưa phong phú đa dạng, thiếu chiều sâu. Báo chí, phương tiện thông tin đại chúng chưa phản ánh kịp thời, đầy đủ thực trạng của tình hình tội phạm, các chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước về phòng, chống tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS để các cấp, các ngành và quần chúng nhân dân nhận thức sâu sắc hậu quả, tác hại của chúng, từ đó họ tự giác tham gia tích cực vào phong trào phòng, chống tội phạm này.

2.4.1.4. Các biện pháp về mặt lãnh đạo, quản lý

Thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng chống tội phạm trong tình hình mới” và Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 24/02/2011 của Thủ tướng Chính phủ gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống tội phạm. Ban Thường vụ Thành ủy đã ra Chỉ thị số 09-CT/TU ngày 09/01/2013 về triển khai thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TW, đồng thời triển khai thực hiện nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/07/2014 của Bộ Chính trị “Về đẩy mạnh và phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế”, Các cấp ủy Đảng, chính quyền thành phố đã lãnh đạo, chỉ đạo công tác đảm bảo an ninh, bảo mật thông tin, bảo vệ chính trị nội bộ, quản lý chặt chẽ hoạt động truy cập internet. UBND

TP.HCM cũng đã ra quyết định số 6802/QĐ-UBND ngày 28/12/2016 về đề án quản lý nội dung thông tin trên mạng internet giai đoạn 2016 – 2020 và chỉ đạo các cơ quan chức năng thực hiện tốt công tác này.

Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đã tổ chức thực hiện tốt công tác phối hợp trong đấu tranh phòng, chống tội phạm. Hội đồng nhân dân các cấp đã chủ động, ban hành hoàn thiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tội phạm nói chung trong đó có tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS làm cơ sở để cá nhân, cơ quan, tổ chức làm tốt công tác phòng ngừa tội phạm. UBND các cấp đã tiến hành chỉ đạo các cơ quan chức năng, có nhiều biện pháp quản lý, giám sát chặt chẽ tại nơi cư trú đối với các đối tượng có tiền án, tiền sự, những người đang thi hành án phạt tù nhưng cho hưởng án treo. Các cơ quan chức năng trên địa bàn thành phố đã tiến hành phối hợp kiểm tra giám sát các hoạt động kinh doanh dịch vụ, các tụ điểm dễ phát sinh tội phạm.

Tuy nhiên, công tác quản lý lãnh đạo của các cơ quan chức năng đôi khi chưa sâu sát, khi phát hiện sai phạm, xử lý chưa triệt để, công tác đảm bảo an ninh, bảo mật thông tin, bảo vệ chính trị nội bộ ở một số đơn vị hời hợt, chưa theo kịp. Công tác quản lý địa bàn ở các địa phương đôi khi còn lỏng, các việc phối hợp thực hiện công tác kiểm tra, giám sát có sự phân công chưa hợp lý nên có một số bộ phận còn làm việc cầm chừng, chưa quyết tâm thực hiện triệt để các nhiệm vụ được giao.

Nguyên nhân của những tồn tại trên là do việc phối hợp giữa cơ quan chuyên trách bảo vệ pháp luật như công an, VKSND, TAND ở TP.HCM còn chưa chặt chẽ, đồng bộ, chưa tạo ra được một chiến lược tổng thể trong phòng ngừa tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS. Chưa có sự ràng buộc chặt chẽ trong quan hệ phối hợp giữa cơ quan bảo vệ pháp luật, giữa cơ quan tư pháp với ban ngành đoàn thể trong phòng ngừa tình hình tội phạm này. Việc phân cấp quản lý địa bàn, các khu vực chưa được quy định cụ thể nên có hiện tượng chồng chéo và bỏ trống địa bàn.

2.4.2. Các biện pháp phòng ngừa riêng

Trong thời gian qua, các cấp ủy Đảng, chính quyền TP.HCM luôn quan tâm tới hoạt động phòng ngừa tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực

hiện hành vi CĐTTS. Công tác này được giao cho các đơn vị chủ yếu là Lực lượng CSKT, VKSND, TAND và Sở thông tin truyền thông.

Lực lượng CSKT công an TP.HCM đã thực hiện các vai trò nòng cốt, chủ công của mình trong việc tham mưu cho Bộ công an, Công an TP.HCM, UBND thành phố và UBND quận huyện tiến hành các giải pháp phòng ngừa tình hình tội phạm về kinh tế trong đó có tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS. Thủ trưởng cơ quan CSĐT đã có văn bản số 434 ngày 04/05/2014 chỉ đạo Công an 24 Quận huyện thực hiện công tác điều tra, tuyên truyền về TPSDCNC tới người dân trên đại bàn thành phố. Hàng năm đều có tổng kết đánh giá kết quả đạt được trong phòng, chống TPSDCNC, đưa ra các giải pháp, kiến nghị các cơ quan chức năng phục vụ cho công tác phòng chống TPSDCNC đạt hiệu quả. Các biện pháp nghiệp vụ cơ bản, điều tra cơ bản của ngành công an cũng đã được vận dụng một cách triệt để hỗ trợ cho công tác nắm và quản lý địa bàn. Công tác điều tra cũng được tập trung, lực lượng điều tra cũng đã có nhiều nỗ lực, trao dồi kiến thức nghiệp vụ chuyên môn để điều tra xử lý đúng người đúng tội đúng pháp luật. Từ năm 2013 đến 2017 lực lượng CSKT đã phát hiện điều tra khởi tố 57 vụ án sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS

Các lực lượng cảnh sát khu vực, dân phòng cùng với lực lượng CSKT quận huyện thường xuyên bám sát địa bàn phối hợp với các tổ dân phố, đoàn thanh niên, hội phụ nữ, mặt trận tổ quốc tổ chức tuyên truyền ý thức pháp luật, nâng cao tình thần pháp luật của người dân. Công tác tiếp nhận và xử lý tin báo tố giác tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS trên địa bàn TP.HCM đã được thực hiện theo đúng quy định.

Các lực lượng VKSND, TAND, Sở thông tin và truyền thông TP.HCM cũng đã thể hiện vai trò của mình tuyên truyền tình hình, phương thức, thủ đoạn, tính chất, hoạt động của các tổ chức lừa đảo, đồng thời, nêu rõ các nội dung cảnh báo, đến các tầng lớp nhân thông qua các chương trình hành động của từng đơn vị. Từ năm 2013 đến năm 2017, Sở thông tin và truyền thông TP.HCM đã chỉ đạo báo, đài, phương tiện thông tin đại chúng đưa trên 100 tin tuyên truyền về phương thức,

thủ đoạn TPSDCNC cũng như các cảnh báo để người dân phòng ngừa. VKSND cùng TAND TP.HCM đã xây dựng 7 vụ án điểm sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS để đưa ra xét xử lưu động, công khai nhằm nâng cao giáo dục cho người dân trong phòng, chống tội phạm này.

Bên cạnh những kết quả đạt được, Công tác phòng, chống tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS trên địa bàn TP.HCM còn một số hạn chế như: công tác điều tra cơ bản đôi khi chưa được cập nhật thông tin kịp thời, lực lượng CSKT còn mỏng và phải giải quyết rất nhiều vụ việc nên chưa thể chuẩn bị chu đáo và tiến hành thường xuyên biện pháp vận động quần chúng, nội dung, hình thức vận động còn đơn điệu...Phương tiện kỹ thuật phục vụ công tác đấu tranh với tội phạm này còn hạn chế. Công tác tiếp nhận và xử lý tin báo tố giác tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS trên địa bàn TP.HCM vẫn chưa nhanh chóng, kịp thời. Công tác điều tra loại tội phạm này còn gặp nhiều khó khăn trong công tác phối hợp nhất là phối hợp quốc tế, quan hệ phối hợp giữa như Cơ quan công an, VKSND, TAND, Sở thông tin và truyền thông còn chưa chặt chẽ, đồng bộ, chưa đi vào chiều sâu còn mang tính hình thức.

Nguyên nhân của những tồn tại trên là do Lực lượng chuyên trách đấu tranh phòng, chống TPSDCNC chưa đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn, chưa thường xuyên được bồi dưỡng kiến thức chuyên ngành công nghệ thông tin, ngân hàng, công tác nắm tình hình còn yếu. Một số cơ quan, đơn vị trong và ngoài ngành chưa nhiệt tình giúp đỡ, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan phục vụ hoạt động điều tra. Công tác hợp tác quốc tế trong đấu tranh loại tội phạm này giữa các nước còn gặp nhiều khó khăn về hành lang pháp lý, về cơ chế phối hợp. Nguồn kinh phí phục vụ cho hoạt động điều tra vụ án sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS còn nhiều thiếu thốn. Trình độ nghiệp vụ chuyên môn cũng như trình độ công nghệ thông tin của lực lượng công an địa phương khi tiếp nhận tin báo tố giác tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS còn hạn chế do chưa hiểu biết rõ ràng về loại tội phạm này nên lúng túng, né tránh, dẫn đến trầm trể cho công tác điều tra xử lý, bỏ lọt tội phạm.

Kết luận chương 2

Chương 2 của luận văn đã làm rõ thực trạng phòng ngừa tình hình tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS trên địa bàn TP.HCM thông qua việc phân tích thực trạng nhận thức của các chủ thể tham gia phòng ngừa, đồng thời chương 2 của luận văn cũng đã phân tích làm rõ thực tiễn công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm này trong giai đoạn 2013 - 2017, Thực trạng về tổ chức các chủ thể phòng ngừa thực hiện phòng ngừa loại tội phạm này trên địa bàn TP.HCM, đánh giá những kết quả đã đạt được, những tồn tại hạn chế và nguyên nhân vướng mắc của nó trong thực tiễn. Đây là cơ sở để đưa ra Dự báo tình hình tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS trên địa bàn TP.HCM trong thời gian tới, đồng thời đưa ra những giải pháp hoàn thiện, nâng cao nhận thức phòng ngừa tình hình tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS trên địa bàn TP.HCM ở chương 3 của luận văn.

Chương 3

DỰ BÁO TÌNH HÌNH VÀ GIẢI PHÁP PHÒNG NGỪA TÌNH HÌNH TỘI SỬ DỤNG MẠNG MÁY TÍNH, MẠNG VIỄN THÔNG, MẠNG INTERNET HOẶC THIẾT BỊ SỐ THỰC HIỆN HÀNH VI CHIẾM ĐOẠT TÀI SẢN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

3.1. Dự báo tình hình tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản trên địa bàn Thành Phố Hồ Chí Minh

3.1.1. Cơ sở dự báo

Trong những năm qua, Các cơ quan lập pháp đã không ngừng xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, nhà nước đã ban hành các văn bản pháp luật quy định về tuyên truyền, phổ biến về giáo dục pháp luật, đồng thời cũng ban hành nhiều chủ trương, chỉ thị, nghị quyết về phát triển hạ tầng công nghệ thông tin quốc gia. Điều này cũng ảnh hưởng đến tình hình tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS trên địa bàn TP.HCM cũng như công tác phòng, chống tội phạm này.

Tình hình kinh tế - xã hội tại TP.HCM càng ngày càng phát triển năng động theo xu hướng hội nhập quốc tế cùng với sự phát triển mạnh mẽ của các thành tựu khoa học kỹ thuật trên thế giới, đặc biệt là lĩnh vực khoa học công nghệ, thông tin điện tử đã ảnh hưởng mọi mặt đời sống xã hội. Sự du nhập các văn hóa phẩm đồi trụy, tình trạng cờ bạc, tình trạng bạo lực, lối sống thực dụng chạy theo đồng tiền, hưởng thụ.... đã ảnh hưởng rất lớn đến môi trường sinh sống. Sự phân hóa giàu nghèo ngày một mở rộng, một bộ phận nhân dân không có việc làm ổn định đó là những nguyên nhân tạo điều kiện cho tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS trên địa bàn TP.HCM phát triển.

Với sự phát triển về số lượng thuê bao và số lượng người dùng viễn thông - internet tại TP.HCM cùng với sự phát triển vượt bậc của các dịch vụ ngân hàng điện tử hiện đại, dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt, các dịch vụ thương mại điện tử khác [Bảng 2.10 - phụ lục] đã mang lại những tiềm ẩn nhiều nguy cơ, điều kiện

thuận lợi để tội phạm sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS lợi dụng hoạt động.

Các lực lượng chức năng thực hiện công tác phòng, chống tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS trên địa bàn TP.HCM được phân bổ khá hợp lý, tuy nhiên biên chế của một số lực lượng còn thiếu, trình độ không đồng đều, số cán bộ hiểu biết về chuyên ngành công nghệ thông tin còn ít, chế độ đãi ngộ đối với cán bộ còn hạn chế nên cũng ảnh hưởng đến hiệu quả công tác của cán bộ chức năng trong công tác phòng, chống tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS trên địa bàn TP.HCM.

Công tác triển khai áp dụng các biện pháp phòng ngừa tình hình tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS trên địa bàn TP.HCM trong thời gian qua cũng đã mang lại nhiều kết quả. Tuy nhiên, việc áp dụng các biện pháp phòng ngừa chung, phòng ngừa nghiệp vụ cũng như phòng ngừa thông qua hoạt động điều tra, truy tố, xét xử cũng tồn tại những hạn chế, khó khăn nhất định, chưa thể khắc phục được ngay trong thời gian ngắn, các hoạt động của các cơ quan chức năng... cũng còn những yếu kém nên sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến công tác phòng ngừa tình hình tội phạm này. Vấn đề này cũng là những nguyên nhân điều kiện phát sinh tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS cũng như diễn biến tình hình tội này trong tương lai.

Qua phân tích thực trạng tình hình tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS trên địa bàn TP.HCM giai đoạn 2013 – 2017 tại chương 2 cho thấy sự hình thành các băng, ổ nhóm tội phạm có tổ chức, có nhiều đối tượng tham gia. Đây cũng là cơ sở quan trọng để dự báo tình hình tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS trên địa bàn TP.HCM trong thời gian tới.

3.1.2. Nội dung dự báo

- Tình hình tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS trên địa bàn TP.HCM dự báo tiếp tục diễn biến phức tạp và nguy hiểm hơn. Số vụ sẽ tiếp tục gia tăng, tính chất mức độ ngày càng nghiêm trọng, số đối

tượng phạm tội có tổ chức ngày càng nhiều, trị giá tài sản phạm tội ngày càng lớn.

- Lĩnh vực tài chính, ngân hàng là lĩnh vực bị tội phạm sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS xâm hại nhiều nhất. Trong lĩnh vực kinh doanh bán hàng trên mạng bị tội phạm sử dụng quảng cáo bán hàng giá rẻ sau đó không giao hàng hoặc giao hàng không đúng chất lượng để chiếm đoạt tài sản vẫn diễn ra phổ biến và tiếp tục gia tăng. Lĩnh vực huy động vốn đầu tư, kinh doanh trên vẫn diễn biến phức tạp. Trong lĩnh vực viễn thông, hành vi trộm cắp cước viễn thông sẽ giảm do các phương thức thủ đoạn dễ bị phát hiện và cơ sở pháp lý đã đầy đủ để xử lý hành vi phạm tội này.

- Về đặc điểm nhân thân người phạm tội trong thời gian tới chủ yếu là người Việt Nam ở lứa tuổi từ 18 đến 30 tuổi, có trình độ, am hiểu sâu sắc công nghệ thông tin, số vụ án được thực hiện dưới hình thức đồng phạm và có tổ chức sẽ gia tăng trong thời gian tới. Đặc biệt là xu thế hình thành các băng, ổ nhóm loại tội phạm này hoạt động mang tính quốc tế, có sự cấu kết giữa đối tượng trong và ngoài nước.

- Phương thức, thủ đoạn phạm tội của tội phạm này rất tinh vi đa dạng, thường xuyên thay đổi phương thức, thủ đoạn phạm tội. Cụ thể:

+ Các hành vi chiếm đoạt tài sản liên quan đến thẻ, tài khoản ngân hàng tiếp tục là xu hướng chủ đạo, Hành vi tấn công vào lĩnh vực ngân hàng tại Việt Nam có xu hướng sẽ gia tăng cả về số lượng và mức độ tinh vi, hình thành đường dây mua bán, sử dụng trái phép thông tin thẻ tín dụng của người nước ngoài để thanh toán trực tuyến tại Việt Nam hoặc mua bán hàng hóa trên các trang web bán hàng trực tuyến của nước ngoài, chiếm đoạt tiền của nhiều Ngân hàng thông qua hệ thống máy ATM, máy POS...

+ Việc đánh cắp thông tin tài khoản, thẻ tín dụng của khách hàng thông qua khai thác lỗ hổng bảo mật, giao dịch trên thiết bị di động thông minh (smartphone) sẽ tiếp tục bị tấn công nhằm chiếm đoạt tiền trong tài khoản của khách hàng...

+ Hành vi lập trang web mua bán hàng hóa trực tuyến, bán sản phẩm ảo để lừa đảo chiếm đoạt tài sản có chiều hướng tăng; kinh doanh đa cấp, huy động tài chính qua mạng do người ở nước ngoài cầm đầu sẽ tiếp tục diễn ra thường xuyên.

+ Các đối tượng phạm tội xâm nhập lấy cắp dữ liệu hoặc bị đối tượng chiếm quyền điều khiển tài khoản để thực hiện các hành vi phạm tội vẫn tiếp tục xảy ra. Dự báo bọn tội phạm sẽ sử dụng phương thức thủ đoạn tấn công (hack) email của doanh nghiệp, cá nhân lấy cắp thông tin để thực hiện hành vi CĐTTS sẽ tiếp tục gia tăng, diễn biến phức tạp và gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.

+ Việc tấn công các trang mạng xã hội (Facebook, Zalo, Twitter...) sẽ tiếp tục gia tăng với các mức độ tinh vi hơn. Chúng sử dụng tài khoản đã đánh cắp để lừa đảo lấy tiền. nạn nhân của những cuộc tấn công này là những người nhẹ dạ, không đề phòng các thủ đoạn lừa đảo của tội phạm.

+ Trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, các đối tượng sử dụng các phần mềm truy cập trái phép mạng viễn thông để trộm cắp cước phí viễn thông có chiều hướng giảm do dễ bị phát hiện. Tình trạng lừa đảo trên đầu số dịch vụ giá trị gia tăng gửi tin nhắn “rác” để lừa đảo người nhận được nhắn tin, gọi điện lại đến đầu số giá trị gia tăng với cước phí rất đắt để lừa đảo sẽ tiếp tục xảy ra.

- Do tình hình tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS trên địa bàn TP.HCM trong thời gian tới tiếp tục tăng, các thủ đoạn phạm tội ngày càng tinh vi, nên số lượng người bị hại là cá nhân, tổ chức hoặc là các công ty tài chính, chứng khoán, ngân hàng, trang mua sắm trực tuyến, các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ nội dung cũng sẽ tăng trong thời gian tới.

- Hoạt động phòng ngừa tình hình tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS trong thời gian tới tiếp tục được sự quan tâm, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền trên địa bàn thành phố nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị. Lực lượng chuyên trách phòng chống tội phạm này cũng được quan tâm phát triển để đáp ứng yêu cầu công tác. Thành phố tiếp tục đầu tư về trang thiết bị, phương tiện, công nghệ cũng như tăng cường lực lượng nhằm nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS, đảm bảo an sinh xã hội và thực hiện tốt nhiệm vụ mà Đại Hội Đảng lần thứ XII đề ra.

3.2. Tăng cường nhận thức trong phòng ngừa tình hình tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

3.2.1. Đối với các cấp ủy Đảng, chính quyền và các cơ quan chức năng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Đảng bộ thành phố, Hội đồng nhân dân, UBND, các sở ban ngành, cơ quan, doanh nghiệp... cần được nâng cao nhận thức, mục đích, ý nghĩa, các nguyên tắc, nội dung về phòng ngừa tình hình tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS trên địa bàn TP.HCM, đánh giá được những tác động tích cực, tiêu cực của nền kinh tế thị trường để từ đó xây dựng tốt chương trình kế hoạch phòng ngừa tình hình tội này. Trong mỗi chương trình kế hoạch cần xác định rõ mục tiêu, yêu cầu, nội dung, lựa chọn các biện pháp phù hợp, xác định rõ trách nhiệm tham gia của các lực lượng và mối quan hệ phối hợp của các lực lượng, từ đó phát hiện những tồn tại những sơ hở thiếu sót trong công tác quản lý để có hướng khắc phục kịp thời. Tổ chức các hội nghị, tọa đàm giữa các cơ quan quản lý nhà nước và các cơ quan tư pháp để thống nhất nhận thức, đề ra các chủ trương, biện pháp nhằm đấu tranh, phòng ngừa tình hình tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS trên địa bàn TP.HCM một cách hiệu quả.

Cơ quan điều tra, VKSND, TAND trên địa bàn TP.HCM có trách nhiệm khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, tìm ra được nguyên nhân và điều kiện dẫn đến thực hiện tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS, từ đó đúc kết tổng hợp các nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm này tại địa phương để tham mưu cho Đảng và nhà nước hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật, làm cơ sở pháp lý vững chắc cho công tác đấu tranh với tội phạm này, đồng thời giúp cho Đảng và nhà nước hoạch định các chính sách, đánh giá đúng đắn những tác động tiêu cực của nền kinh tế thị trường, các chính sách phát triển văn hóa xã hội, đề ra các chương trình đấu tranh phòng, chống tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS trên địa bàn TP.HCM đạt hiệu quả cao.

3.2.3. Đối với các tổ chức đoàn thể và quần chúng nhân dân lao động

Quần chúng nhân dân lao động cần thường xuyên theo dõi các phiên tòa lưu động xét xử tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS để nâng cao nhận thức đúng đắn về nguyên nhân, điều kiện, phương thức thủ đoạn của tội phạm này từ đó tự ý thức, tự phòng ngừa cho chính bản thân mình. Các tổ chức đoàn thể thông qua các đợt sinh hoạt tại khu phố, sinh hoạt tại địa phương tuyên truyền về thủ đoạn hoạt động tội phạm này một cách chi tiết đồng thời phân tích nguyên nhân và điều kiện, hậu quả tác hại của loại tội phạm này giúp cho người dân có nhận thức đúng đắn về nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm này. Phát huy sức mạnh của truyền thông, mạng xã hội, mạng viễn thông trong thời đại kỹ thuật số, để tiếp tục tuyên truyền thông qua mạng xã hội, chia sẻ những bài viết, phóng sự về tội phạm có liên quan, góp phần thông tin đến người dân nâng cao ý thức cảnh giác, tự bảo vệ tài sản, tự phòng ngừa cho chính bản thân mình. Đồng thời phát động mạnh mẽ hơn nữa phong trào quần chúng bảo vệ an ninh trật tự trên địa bàn, huy động mọi lực lượng để triển khai nội dung tuyên truyền bằng mọi hình thức, thông qua Hội phụ nữ, cựu chiến binh phường, xã; đăng bảng tin tại trụ sở khu phố; in thông tin, thông báo phương thức thủ đoạn tội phạm đến từng nhà, từng người dân trên địa bàn Thành phố.

3.3. Tăng cường phòng ngừa tình hình tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

3.3.1. Các giải pháp phòng ngừa chung

3.3.1.1. Các giải pháp về kinh tế - Xã hội

Giải pháp về kinh tế - xã hội là một trong những giải pháp cơ bản lâu dài được tiến hành một cách thường xuyên, liên tục, nhằm không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân, hạn chế nguồn gốc phát sinh của nhiều loại tội phạm trong đó có tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS, từ đó hạn chế và đẩy lùi những nhân tố tiêu cực là nguyên nhân và điều kiện phát sinh các loại tội phạm. Để thực hiện giải pháp này đạt hiệu quả, trong thời gian tới, các cấp chính quyền tại TP.HCM cần chú trọng các nội dung sau đây:

Thứ nhất, thực hiện Quyết định số 2631/QĐ-TTg ngày 31/12/2013 của Thủ tướng chính phủ về phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội TP.HCM đến năm 2020, tầm nhìn đến 2025, các cấp chính quyền tại TP.HCM cần phải quan tâm đẩy mạnh phát triển kinh tế, phát triển công nghệ thông tin và truyền thông trở thành cơ sở hạ tầng cho các ngành kinh tế - xã hội, một ngành kinh tế chủ lực góp phần thúc đẩy và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, hiệu quả và năng lực quản lý nhà nước. Bên cạnh đó Thành phố cần phải có chương trình, kế hoạch bảo đảm ATTT trong hoạt động kinh tế - xã hội.

Thứ hai, tạo điều kiện cho người dân có việc làm, giảm dần tỉ lệ thất nghiệp, mục tiêu đến năm 2020 tạo ra 125.000 chỗ làm việc mới và đến năm 2025 là 130.000 chỗ và tỉ lệ thất nghiệp giảm dưới 4%. Xây dựng các chính sách ưu đãi về vốn vay để người dân có điều kiện kinh doanh, lao động để sinh sống. Thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm giải quyết việc làm cho những người có trình độ học vấn thấp và cần chú ý tới những người đã chấp hành xong hình phạt tù, tái hòa nhập cộng đồng, cần giúp họ có việc làm nhanh chóng ổn định cuộc sống, tự nuôi sống bản thân, mặt khác để họ có cơ hội đoạn tuyệt với quá khứ tội lỗi của mình, làm cho họ thấy được sự quan tâm của Nhà nước, của xã hội đối với họ, đảm bảo công bằng xã hội từ đó sẽ giúp cho những đối tượng có nguy cơ phạm tội sẽ điều chỉnh hành vi của họ một cách chuẩn mực hơn, đúng pháp luật hơn.

Thứ ba, nâng cao năng lực quản lý của các cơ quan hành chính Nhà nước trên địa bàn Thành phố, đẩy mạnh các biện pháp ngăn ngừa và xóa bỏ các tệ nạn xã hội nhằm hạn chế nguyên nhân và điều kiện dẫn đến hành vi phạm tội. Bởi nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội trong nhiều trường hợp lại không phải xuất phát vì khó khăn về kinh tế mà xuất phát từ các tệ nạn xã hội như ma túy, mại dâm, cờ bạc,... Khi không còn tiền thì những con người này rất dễ dẫn đến việc phạm các tội có tính chất chiếm đoạt bằng nhiều hình thức, trong đó có hình thức sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS.

Thứ tư, tiếp tục phát triển các khu công nghiệp, công nghệ cao; bố trí sản xuất vào các khu, cụm công nghiệp đã được quy hoạch, phát triển các ngành công

ng nghiệp hỗ trợ phục vụ phát triển công nghiệp cơ khí, điện tử tin học... để tạo nhiều việc làm, tạo thu nhập ổn định cho người dân đồng thời tăng cường các trường dạy nghề, nâng cao trình độ tay nghề đáp ứng nhu cầu về nhân lực của việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế. Bên cạnh đó, cần đẩy mạnh công tác hướng nghiệp để người dân lựa chọn ngành nghề phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội trên địa bàn Thành phố.

Thứ năm, thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, chương trình xóa đói giảm nghèo, tăng hộ khá, tạo công ăn việc làm, có chính sách đối với sinh viên tốt nghiệp ra trường, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân giảm nguy cơ tiềm ẩn từ nguyên nhân, điều kiện kinh tế làm phát sinh tình hình tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS trên địa bàn TP.HCM.

Thứ sáu, tăng cường công tác quản lý cư trú, nhất là người dân từ các tỉnh thành khác đến, không nơi ở ổn định, không có việc làm ổn định, số đối tượng sau cai nghiện, số đối tượng tù tha, đặc xá tái hòa nhập cộng đồng... từ đó có những chính sách, các biện pháp hỗ trợ, quan tâm, giúp đỡ, định hướng nghề nghiệp, tránh việc họ không có nghề nghiệp nảy sinh ý định phạm tội.

3.3.1.2. Các biện pháp văn hóa - giáo dục

- Các biện pháp về văn hóa: Đây là nhiệm vụ quan trọng của Đảng bộ thành phố, Hội đồng nhân dân, UBND và các sở ban ngành đoàn thể. Để hạn chế và dần đi đến loại bỏ tình trạng tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS trên địa bàn TP.HCM khỏi đời sống xã hội cần phải tạo một môi trường văn hóa lành mạnh, văn minh, phát huy truyền thống văn hóa của dân tộc để hình thành nên nhân cách tốt ở họ đồng thời tạo điều kiện cho người dân lựa chọn nhiều hoạt động văn hóa nghệ thuật, thể dục, thể thao, có nhiều sân chơi lành mạnh. Để làm tốt công tác này cần thực hiện các biện pháp sau:

Thứ nhất, tiếp tục đầu tư, thực hiện nhiều sản phẩm văn hóa có giá trị tư tưởng nghệ thuật, có giá trị trong giáo dục truyền thống yêu nước, lòng tự hào và tự tôn của dân tộc; Giữ gìn phát huy bản sắc và truyền thống tốt đẹp của dân tộc, cần tránh những luồng tư tưởng văn hóa ngoại lai, phương tây không phù hợp với văn hóa, thuần phong mỹ tục của người Việt Nam....Phát triển các khu du lịch, sinh thái, các khu vui chơi, giải trí thể dục thể thao để người dân đến thưởng thức giải trí.

Thứ hai, tiếp tục thực hiện tốt các phong trào do Đảng và nhà nước phát động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” trong đó các ban ngành đoàn thể tại TP.HCM cần tập trung chỉ đạo thực hiện tốt quyết định số 1396/QĐ-UB ngày 29/03/2017 của chủ tịch UBND TPHCM về ban hành các tiêu chuẩn văn hóa giai đoạn 2017 – 2021. Thực hiện tốt các phong trào “toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư”.

Thứ ba, thực hiện tốt bảy chương trình đột phá mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ 10 (nhiệm kỳ 2015 - 2020) đã đề ra. Bám sát mục tiêu, các chỉ tiêu để đề ra những giải pháp thực hiện cụ thể trong cơ quan, đơn vị, đồng thời đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, tạo sự đoàn kết, đồng thuận trong toàn xã hội, cùng hướng tới mục tiêu xây dựng thành phố phát triển, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, đưa thành phố thật sự trở thành đô thị đáng sống.

- Các biện pháp về giáo dục : Phát triển ngành giáo dục là quốc sách hàng đầu nhằm nâng cao dân trí phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Đây là nhiệm vụ của Đảng, Nhà nước và của toàn dân. Để làm tốt công tác này TP.HCM cần tập trung các biện pháp sau:

Thứ nhất, nhà trường cần xây dựng đội ngũ giáo viên không những giỏi về chuyên môn nghiệp vụ mà có phẩm chất đạo đức, có tâm, có tầm, yêu thương, tận tụy vì học sinh, cảm hóa, giúp đỡ học sinh hư, cá biệt, giáo dục các em không đi vào con đường phạm tội. Ngoài việc dạy kiến thức cần quan tâm nhiều hơn nữa đến việc giáo dục đạo đức, kỹ năng sống bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng, có thể xây dựng nhiều hoạt động ngoại khóa để hướng các em học sinh, sinh viên đến những hoạt động có ý nghĩa, mang tính cộng đồng. Quan tâm đến sự phát triển nhân cách con người mà đặc biệt là thế hệ trẻ.

Thứ hai, mở rộng cơ sở đào tạo để tất cả các em học sinh, sinh viên, các em trong độ tuổi đến trường có khó khăn về đời sống, về phương tiện đi lại có thể tham gia học tập. Xóa bỏ các hiện tượng tiêu cực trong môi trường nhà trường như: tình trạng chạy trường, chạy lớp... sẽ có tác động xấu đến các em học sinh, tạo ra tư tưởng coi trọng đồng tiền, có tiền là có tất cả và phải kiếm thật nhiều tiền bằng mọi giá, mọi cách.

Thứ ba, tạo ra cơ chế phối hợp chặt chẽ, thường xuyên giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục học sinh. Sự phối hợp chặt chẽ này giúp cho nhà trường và gia đình luôn nắm bắt tình hình việc học tập trên lớp của con em mình, tránh các hiện tượng nghiện game online hay tham gia vào các nhóm tội phạm trên mạng, thành viên của các trang mạng phản động...kịp thời phát hiện những biểu hiện đặc biệt trong tâm tư, cư xử của các em, từ đó kịp thời có giải pháp phù hợp.

Thứ tư, từng gia đình cần quan tâm hơn nữa trong phát triển nhân cách của các thành viên trong gia đình, cần phải có kế hoạch giám sát và định hướng cho con cái cách tiếp cận và sử dụng công nghệ thông tin như thế nào cho bổ ích, cho đúng pháp luật, tránh vi phạm pháp luật. Cần thường xuyên theo dõi, kịp thời phát hiện và ngăn chặn những biểu hiện, hành vi không lành mạnh do ảnh hưởng từ những nội dung độc hại trên mạng. Đồng thời, cần chọn lọc kênh thông tin lành mạnh, bổ ích để hướng dẫn cho con em xem, đọc và chơi.

Thứ năm, phát triển những truyền thống tốt đẹp của gia đình tạo nên một gia đình có truyền thống, có nề nếp gia phong để con cháu phấn đấu xứng đáng với truyền thống của gia đình. Cha mẹ cũng cần quan tâm, phải hiểu về sự phát triển của con cái cũng như đặc điểm tâm lý để có hình thức giáo dục con cái đúng đắn, tránh việc đối xử thô bạo, tàn nhẫn với con cái.

Thứ sáu, ngoài chương trình giáo dục đạo đức, pháp luật theo qui định của Bộ giáo dục- Đào tạo, các trường nên có chương trình giảng dạy về đạo đức và pháp luật, về ATTT cho học sinh, sinh viên, tăng cường các buổi hoạt động ngoại khóa, mở các lớp đào tạo kỹ năng sống khi tham gia trên môi trường mạng; cảnh báo những nguy cơ mà học sinh, sinh viên sẽ gặp phải khi làm cư dân mạng. Thành lập các khoa, chuyên ngành đào tạo, nghiên cứu công nghệ thông tin.

Thứ bảy, các trường học trên địa bàn TP.HCM cần thường xuyên phối hợp với các ban ngành đoàn thể tổ chức những buổi tọa đàm, sinh hoạt chuyên đề tuyên truyền cho đoàn viên, sinh viên, học sinh hiểu, tôn trọng, chấp hành tốt pháp luật, kết hợp với tuyên truyền trong giới sinh viên, học sinh về những kỹ năng an toàn trên mạng, các hành vi phạm tội trên mạng để các em né tránh, không tham gia.

3.3.1.3. Các biện pháp về tuyên truyền phổ biến pháp luật, ý thức phòng ngừa tội phạm

Các cơ quan Đảng, nhà nước, đoàn thể, các tổ chức xã hội trên địa bàn TP. HCM cần phải tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, phổ biến pháp luật, giáo dục ý thức cảnh giác cho người dân thông qua các nội dung sau:

Thứ nhất, tuyên truyền vận động quần chúng nhân dân thực hiện chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm 2016 – 2025 và định hướng đến năm 2030, và quyết định số 623/QĐ-TTg ngày 14/4/2016 của Thủ tướng chính phủ: Tuyên truyền nâng cao nhận thức pháp luật và ý thức chấp hành pháp luật của các tầng lớp nhân dân trên các phương tiện thông tin đại chúng, kết hợp vận động trực tiếp của mặt trận tổ quốc và các đoàn thể, nhân dân....

Thứ hai, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục cho các nhà lãnh đạo, quản lý, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên, người lao động, Sinh viên, học sinh về pháp luật liên quan đến công nghệ thông tin, nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm, ý thức cảnh giác trước các thủ đoạn của tội phạm sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS trên địa bàn TP.HCM ngay trong cơ quan, đơn vị của mình.

Thứ ba, thường xuyên tuyên truyền, phổ biến những phương thức thủ đoạn của tội phạm sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS, kể cả các thủ đoạn đã xảy ra ở nước ngoài để người dân nhận biết, tự mình áp dụng các biện pháp phòng ngừa. Trên các trang báo điện tử, đài truyền hình, phát thanh..cần đăng tải các bài viết liên quan đến tội phạm sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS; xây dựng web site tuyên truyền; thông tin cảnh báo trên các trang mạng xã hội hoặc mở các cuộc hội thảo trực tuyến, mở tổng đài giải đáp các thắc mắc, cung cấp thông tin và tố giác tội phạm trên mạng.

Thứ tư, phải tích cực vận động quần chúng nhân dân bằng nhiều hình thức để người dân thật sự trở thành những tuyên truyền viên tích cực, những cư dân mạng sống có trách nhiệm biết bảo vệ mình và những người xung quanh chống lại cái ác, bảo vệ cái thiện.

3.3.1.4. Các biện pháp về mặt lãnh đạo, quản lý, điều hành của chính quyền các cấp.

Thành ủy tiếp tục chỉ đạo cấp ủy các cấp thực hiện tốt chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng chống tội phạm trong tình hình mới”; Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 24/02/2011 của Thủ tướng Chính phủ gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống tội phạm; Chỉ thị số 09-CT/TU ngày 09/01/2013 của Ban Thường vụ Thành ủy về triển khai thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TW; Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/07/2014 của Bộ Chính trị “Về đẩy mạnh và phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế”. Tăng cường chỉ đạo thường xuyên công tác đảm bảo an ninh, bảo mật thông tin gắn với bảo vệ chính trị nội bộ, quản lý chặt chẽ hoạt động truy cập internet tại đơn vị, thành lập tổ an ninh mạng trong cơ quan Đảng, Đoàn thể, huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị tham gia vào công tác này.

UBND. TPHCM tăng cường hơn nữa công tác quản lý, chỉ đạo điều hành thực hiện các quy định của Đảng, pháp luật của nhà nước về phòng, chống tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTS trên địa bàn TP.HCM; phối hợp chặt chẽ với mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đấu tranh phòng, chống tội phạm này; Chỉ đạo các sở, ban ngành trên địa bàn thành phố tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về phòng, chống tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTS trên địa bàn thành phố.

Tiếp tục thực hiện quyết định số 6802/QĐ-UBND ngày 28/12/2016 của UBND TP.HCM về đề án quản lý nội dung thông tin trên mạng internet giai đoạn 2016 – 2020, Sở thông tin và truyền thông cần có kế hoạch cụ thể nhằm quản lý tốt mạng internet nói riêng, và lĩnh vực CNTT nói chung, bảo vệ tốt an ninh mạng và bí mật Nhà nước trong các Sở, Ban, Ngành của thành phố tránh bị đột nhập phá hoại hay lấy cắp, sửa đổi dữ liệu, đề xuất các giải pháp thành lập Trung tâm ứng cứu dữ liệu và giải quyết sự cố máy tính của Thành phố. Tiếp tục có kế hoạch phối hợp cùng Ban tuyên giáo thành ủy, Ban nội chính thành ủy, Công an TP.HCM, Viện

nghiên cứu phát triển thành phố và các đơn vị có liên quan tiếp tục triển khai thực hiện đề án này giai đoạn 2018 – 2020.

3.3.2. Các giải pháp phòng ngừa riêng

Bên cạnh những giải pháp phòng ngừa chung mang tính chiến lược và lâu dài, tác giả xin đưa ra một số giải pháp phòng ngừa riêng có tính đặc thù riêng biệt nhằm giảm thiểu và loại trừ các nguyên nhân, điều kiện trực tiếp của tình hình tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS trên địa bàn TP.HCM như sau:

3.3.2.1. Tăng cường thực hiện các giải pháp phòng ngừa tình hình tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của lực lượng công an Thành phố Hồ Chí Minh

Công an TP.HCM được giao nhiệm vụ trực tiếp đấu tranh và phòng ngừa tình hình tội phạm nói chung, giữ gìn an ninh chính trị, TTATXH trên địa bàn thành phố, trong đó lực lượng CSKT được giao nhiệm vụ trực tiếp đấu tranh, phòng ngừa tội phạm về kinh tế trong đó có tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS. Để công tác đấu tranh, phòng, chống tội phạm này đạt hiệu quả, lực lượng CSKT công an TP.HCM cần làm tốt các công việc sau:

Thứ nhất, cần phải xây dựng lực lượng chuyên trách đấu tranh phòng, chống TPSDCNC có đủ quân số, đủ số lượng Điều tra viên, có trình độ, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu công tác. Cần ưu tiên tuyển chọn sinh viên chuyên ngành công nghệ thông tin - viễn thông của các trường ngoài hệ thống CAND để bổ sung cho lực lượng chuyên trách phòng, chống TPSDCNC. Tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị nghiệp vụ, thiết bị và phần mềm chuyên dụng, đảm bảo kinh phí để phục vụ có hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống TPSDCNC nói chung và hoạt động điều tra tội phạm sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS nói riêng.

Thứ hai, chú trọng công tác tiếp nhận và xử lý thông tin ban đầu về tội phạm sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS từ đó sẽ nhanh chóng phát hiện nguyên nhân, điều kiện phát sinh, phát hiện tội phạm ở giai đoạn

chuẩn bị, khi vừa mới xảy ra từ đó có biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn thích hợp, hạn chế, triệt tiêu nguyên nhân, điều kiện phạm tội không để tội phạm xảy ra, truy bắt đối tượng phạm tội, không để chúng tiếp tục gây án, giảm thiểu hậu quả của tội phạm.

Thứ ba, tuyển chọn những chuyên gia giỏi về công nghệ thông tin có phẩm chất chính trị đạo đức tốt và làm việc trong các đơn vị đấu tranh phòng, chống TPSPDCNC hoặc làm cộng tác viên hỗ trợ cho cơ quan Công an về nghiệp vụ, công tác chuyên ngành về công nghệ..., phối hợp với cơ quan Công an khi có yêu cầu, giúp Công an nhanh chóng phát hiện, điều tra TPSPDCNC đạt kết quả cao nhất.

Thứ tư, thực hiện tốt công tác nghiệp vụ cơ bản của ngành công an, Tập trung xác định các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, các lĩnh vực trọng điểm phức tạp mà các đối tượng có thể lợi dụng sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS đồng thời xác định những đối tượng, nhóm tổ chức, nhóm hacker thường tiếp xúc với công nghệ cao, nghiên cứu phần mềm, kinh doanh đa cấp... có khả năng phạm tội tiến hành lập hồ sơ theo dõi nhằm kịp thời cập nhật tình hình tội phạm, phát hiện các công cụ, kỹ thuật, phương thức, thủ đoạn tấn công mới của tội phạm sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS nhằm kịp thời ngăn chặn nguyên nhân, điều kiện phát sinh tội phạm này hoặc đấu tranh xử lý tội phạm này đạt hiệu quả. Quá trình điều tra tội phạm này cần làm tốt việc thu thập tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của đối tượng, vì vốn loại tội phạm này thu thập tài liệu, chứng cứ là rất khó khăn. Theo đánh giá của các chuyên gia về tội phạm công nghệ cao trên thế giới tỉ lệ phát hiện, điều tra loại tội phạm này rất thấp so với thực tế, số vụ chưa phát hiện gấp nhiều lần số vụ mà ta đã phát hiện.

Thứ năm, xây dựng quy chế phối hợp giữa lực lượng Công an với các cơ quan, ban ngành của TP.HCM, xây dựng cơ chế trao đổi, cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ cho công tác nghiệp vụ cơ bản, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác phòng ngừa và đấu tranh TPSPDCNC nói chung tội phạm sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS trên địa bàn TP.HCM nói riêng.

Thứ sáu, tăng cường công tác phối hợp với các đơn vị ngoài ngành công an: Thanh tra Bộ, Sở thông tin và truyền thông; Trung tâm internet Việt Nam (VNNIC),

các công ty an ninh mạng như BKAV, BKIS, CMC, Kaspersky, các ngân hàng trên địa bàn thành phố... để thu thập chứng cứ phục vụ công tác điều tra đồng qua đó cùng trao đổi thông tin kinh nghiệm, những phương thức thủ đoạn mới của TPSCNC để nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa, phát hiện tội phạm. Phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước về CNTT và truyền thông, các tổ chức ứng cứu sự cố máy tính (VNCERT, BKIS...) nhằm kiểm soát ngăn chặn kịp thời các trang web bị nghi vấn lừa đảo nhằm hạn chế thiệt hại.

Thứ bảy, công an 24 Quận, huyện tiếp tục tuyên truyền sâu rộng đến các Chi nhánh, Phòng giao dịch các ngân hàng trên địa bàn của quận, huyện. Qua đó yêu cầu ngân hàng quát triệt đến các giao dịch viên, cảnh báo cho khách hàng về phương thức thủ đoạn của tội phạm trộm cắp thông tin thẻ ngân hàng, tội phạm lừa đảo để chuyển tiền, hoặc chuyển tiền để nhận hàng “quà tặng” từ nước ngoài... Khi thấy đối tượng có biểu hiện nghi vấn rút tiền chiếm đoạt nhân viên giao dịch bí mật báo ngay cho Công an Quận, Huyện để tiến hành kiểm tra xử lý.

Thứ tám, lực lượng Cảnh sát kinh tế cùng phối hợp với Công an khu vực, Công an xã 24 Quận, huyện qua các đợt sinh hoạt tại khu phố, tuyên truyền đến các tầng lớp nhân dân về thủ đoạn hoạt động của các đối tượng sử dụng điện thoại giả danh công an, sử dụng mạng xã hội Facebook, Zalo..., giả mạo thư điện tử - email để chiếm đoạt tài sản. Tăng cường quản lý hành chính về trật tự an toàn xã hội nhất là quản lý tốt việc nhập cư của một bộ phận người lao động từ các địa phương khác và từ các quốc gia khác vào TP.HCM.

Thứ chín, tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính trong công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự, nhất là trên lĩnh vực quản lý nhân khẩu, hộ khẩu, quản lý người nước ngoài, quản lý xuất, nhập cảnh; Quản lý chặt chẽ các đối tượng có tiền án, tiền sự, các đối tượng có nhân thân xấu hoặc có những biểu hiện, nguy cơ thực hiện hành vi sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS để có biện pháp tác động phòng ngừa phù hợp. Đẩy mạnh công tác quản lý những ngành nghề kinh doanh có điều kiện mà khả năng tội phạm liên quan đến công nghệ cao làm nơi trú ẩn như khách sạn, nhà trọ, phòng game, điểm internet... và thường xuyên thực hiện việc kiểm tra hành chính đối với các địa điểm này.

3.3.2.2. Tăng cường thực hiện các giải pháp phòng ngừa tình hình tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

Với chức năng thực hành quyền công tố, kiểm sát việc tuân theo pháp luật. Trong đấu tranh phòng ngừa tội phạm, VKSND TP.HCM có vai trò rất quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả phòng ngừa tình hình tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS trên địa bàn TP.HCM. Để phát huy vai trò này, VKSND TP.HCM cần tiến hành một số biện pháp sau:

Thứ nhất, tăng cường kiểm sát việc giải quyết tin báo, tố giác tội phạm, đảm bảo xử lý tin báo, tố giác tội phạm phải kịp thời, đúng pháp luật, tránh bỏ sót, bỏ lọt tội phạm. Chỉ đạo điều tra chặt chẽ, nắm vững hồ sơ ngay từ ban đầu, chủ động cùng điều tra viên đưa ra hướng điều tra thích hợp đối với tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS trên địa bàn TP.HCM.

Thứ hai, tăng cường xây dựng kiện toàn bộ máy tổ chức của ngành, giáo dục phẩm chất đạo đức người cán bộ kiểm sát, xây dựng đội ngũ cán bộ, kiểm sát viên “Vững về chính trị, giỏi về nghiệp vụ, tinh thông về pháp luật, công tâm và bản lĩnh, kỷ cương và trách nhiệm”, bồi dưỡng nghiệp vụ cho kiểm sát viên chuyên trách, và trình độ chuyên môn về công nghệ thông tin, mạng vi tính...để trong quá trình thực hành quyền công tố đảm bảo truy tố đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Thứ ba, phối hợp chặt chẽ với Cơ quan CSĐT, TAND và các cơ quan ban ngành hữu quan xử lý kịp thời nghiêm minh đối với tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS trên địa bàn TP.HCM, tránh bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội. Đặc biệt xây dựng các vụ án điển hình là những tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS với phương thức thủ đoạn phạm tội mới, được dư luận xã hội quan tâm để xét xử lưu động, công khai nhằm nâng cao tác dụng giáo dục cho nhân dân, phục vụ tốt yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm và yêu cầu chính trị tại địa phương.

3.3.2.3. Tăng cường thực hiện các giải pháp phòng ngừa tình hình tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

TAND TP.HCM trong hoạt động xét xử tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS cần tiến hành một cách nghiêm minh và nghiêm khắc hơn nhằm phát huy tính giáo dục, phòng ngừa, đồng thời chỉ ra được những nguyên nhân và điều kiện của tội phạm để có những kiến nghị xác đáng. Do vậy TAND TP.HCM cần làm tốt những nội dung sau:

Thứ nhất, thực hiện tốt công tác xét xử một cách nghiêm minh, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, đảm bảo cho những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của họ. Tăng cường đẩy mạnh việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho thẩm phán, cán bộ tòa án về phẩm chất chính trị, pháp luật, nghiệp vụ xét xử, có trình độ về công nghệ thông tin, đào tạo đội ngũ thẩm phán chuyên xét xử tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS.

Thứ hai, chủ động phối hợp với CQĐT, VKSND và các cơ quan hữu quan mở các phiên tòa xét xử lưu động án hình sự tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS để tuyên truyền nâng cao nhận thức cảnh giác cho người dân, nâng cao ý thức phòng ngừa tình hình tội phạm này.

Thứ ba, thực hiện tốt công tác thi hành án hình sự, đồng thời phối hợp với VKSND, cơ quan thi hành án hình sự các cấp nhằm bảo đảm bản án, quyết định hình sự của Tòa án về tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS đã có hiệu lực pháp luật, thu hồi tài sản đáp ứng được yêu cầu phòng ngừa tội phạm.

3.3.2.4. Tăng cường thực hiện các giải pháp phòng ngừa tình hình tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của Sở thông tin truyền thông Thành phố Hồ Chí Minh

Để thực hiện nhiệm vụ phòng ngừa tình hình tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS trên địa bàn TP.HCM, Sở thông tin và truyền thông TP.HCM cần làm tốt các biện pháp sau:

Thứ nhất, nhằm thực hiện quyết định số 6179/QĐ-UBND ngày 23/11/2017 của UBND TP.HCM về phê duyệt đề án “xây dựng TP.HCM trở thành đô thị thông

minh giai đoạn 2017 – 2020, tầm nhìn đến 2025”, Sở thông tin và truyền thông TP.HCM cần triển khai đào tạo nhân lực đồng bộ, tập huấn nâng cao chất lượng nguồn nhân lực công nghệ thông tin – truyền thông cho những năm tiếp theo nhằm nâng cao nhận thức về công tác đảm bảo ATTT trên địa bàn thành phố; nâng cao kỹ năng nghiệp vụ bảo mật mạng, an toàn và ANTT cho đội ngũ chuyên trách và cán bộ phụ trách ANTT của các đơn vị trên địa bàn thành phố.

Thứ hai, tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm soát thông tin trên mạng internet, tăng cường trách nhiệm của các nhà cung cấp dịch vụ mạng và những đại lý kinh doanh internet. Liên kết các hiệp hội ATTT, các trung tâm an ninh mạng, ứng cứu dữ liệu trong cả nước, tạo ra một lực lượng đủ mạnh chống các cuộc tấn công của giới hacker nước ngoài.

Thứ ba, khuyến cáo và hướng dẫn các đơn vị trên địa bàn thành phố thành lập bộ phận ANTT trong các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội, doanh nghiệp kinh doanh có hoạt động liên quan đến mạng internet để bảo vệ dữ liệu, sự an toàn của hệ thống các cơ quan, tổ chức.

Thứ tư, xây dựng quy chế phối hợp giữa các sở - ban - ngành, đoàn thể cũng như với doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin trên địa bàn thành phố nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nội dung thông tin trên internet trên cơ sở phân công rõ trách nhiệm, nhiệm vụ của từng cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp nhằm thống nhất đồng bộ trong thực hiện quản lý thông tin trên internet.

Thứ năm, ứng dụng công nghệ thông tin tổng hợp, phân tích, đánh giá và xử lý nội dung thông tin đang lan truyền trên mạng internet có dấu hiệu vi phạm pháp luật. Từng bước tiến đến thành lập trung tâm phân tích và cảnh báo sớm các vấn đề có liên quan đến vấn đề vi phạm pháp luật trên mạng internet.

Thứ sáu, tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục ý thức pháp luật qua các kênh truyền thông, mạng xã hội, mạng viễn thông bằng những bài viết, phóng sự về tội phạm có liên quan, góp phần thông tin đến người dân nâng cao ý thức cảnh giác, tự bảo vệ tài sản. Chỉ đạo các Cơ quan báo chí (Báo viết, Đài truyền hình, Đài phát thanh), các Doanh nghiệp lĩnh vực viễn thông di động thường xuyên đưa tin đầy đủ

về phương thức, thủ đoạn hoạt động của các tổ chức lừa đảo, tội phạm sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CDTS trên địa bàn TP.HCM, đưa ra các nội dung cảnh báo để nhân dân phòng, tránh.

3.3.2.5. Tăng cường các giải pháp đối với các chủ thể để không trở thành người bị hại của tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản tại địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

- Tăng cường giải pháp đối với chủ thể là các ngân hàng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh: Để không trở thành người bị hại của tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CDTS, cũng như bảo vệ cho khách hàng của mình, hệ thống ngân hàng cần tập trung triển khai một số giải pháp sau:

Thứ nhất, đảm bảo an toàn hoạt động ngân hàng điện tử với các công nghệ bảo mật tiên tiến như xác thực sinh trắc học, công nghệ 3D secure; công nghệ chống tấn công, công nghệ phát hiện giao dịch gian lận, hệ thống bảo mật ba lớp... Bên cạnh đó thường xuyên rà soát, kiểm tra tình hình bảo mật, an ninh để sớm phát hiện các lỗ hổng bảo mật, mã độc... có nguy cơ làm lộ, lọt thông tin khách hàng.

Thứ hai, triển khai áp dụng các biện pháp đảm bảo an toàn hoạt động thanh toán thẻ như trang bị POS không dây có tính năng định vị qua GPS; Thanh loại ngay các đơn vị thanh toán thẻ, sử dụng POS không phù hợp; Rà soát toàn bộ các quy trình nghiệp vụ, hạ tầng công nghệ, dịch vụ phụ trợ liên quan để tránh những lỗ hổng mà TPSCNC nói chung và tội phạm sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CDTS có thể sử dụng.

Thứ ba, đối với các máy ATM, cần tiến hành lắp đặt phần mềm và thiết bị Anti – Skimming (theo dõi, ngăn chặn thiết bị công nghệ sao chép dữ liệu của kẻ gian), cần lắp miếng che bàn phím máy ATM; Công khai rộng rãi số điện thoại nóng tại các buồng máy ATM, trên web ngân hàng... để khách hàng kịp thời điện báo ngân hàng phong tỏa khi phát hiện có trộm, sự cố phát sinh đối với tài khoản; lắp thêm các camera trong buồng ATM và hạn chế thời gian hoạt động về đêm.

Thứ tư, tăng cường các biện pháp bảo vệ dữ liệu khách hàng và đảm bảo hoạt động liên tục của hệ thống thông tin trong ngân hàng. Các ngân hàng có thể lựa chọn giải pháp thuê ngoài dịch vụ bảo mật, tăng cường chất lượng dịch vụ bảo mật.

Thứ năm, luôn chủ động và tích cực đào tạo, huấn luyện nâng cao trình độ chuyên môn, công nghệ, mạng máy tính... cho cán bộ nhân viên để có những kỹ năng xử lý rủi ro; Tăng cường trách nhiệm của từng cá nhân trong ngân hàng tham gia phòng ngừa, phát hiện kịp thời, tố giác TPSPDCNC trong đó có tội phạm sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS.

Thứ sáu, tăng cường công tác tuyên truyền khách hàng nâng cao ý thức và trách nhiệm phòng, chống tội phạm sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS; Cảnh báo khách hàng cần cẩn trọng trong việc cung cấp thông tin cá nhân, mật khẩu hoặc số OTP khi thực hiện các giao dịch thanh toán hoặc thực hiện bất kỳ yêu cầu thay đổi thông tin trên mạng xã hội, forum, website, email, điện thoại...

- Tăng cường giải pháp bảo vệ tài sản đối với chủ thể sử dụng môi trường mạng internet trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Thứ nhất, khi sử dụng máy vi tính hoặc thiết bị khác kết nối internet cần phải đảm bảo sử dụng phần mềm có bản quyền; Sử dụng giải pháp bức tường lửa (fierewall) cả phần cứng và phần mềm, chú ý mua những phần mềm bức tường lửa có bản quyền và mới nhất của những công ty bảo mật hàng đầu trên thế giới như Bkav, Kaspersky, Personal Firewall, ZoneAlarm, để cài đặt ở máy tính của mình, thiết lập chế độ tự động cập nhật phiên bản vá lỗ hổng của các phần mềm.

Thứ hai, các cơ quan, doanh nghiệp, cá nhân nên cài đặt các phần mềm chống gián điệp (anti spyware software). Thường xuyên thực hiện giải pháp phòng chống virus bằng cách cài đặt phần mềm và sử dụng chương trình bảo mật nhằm bảo vệ những thông tin, dữ liệu quan trọng và giảm thiểu nguy cơ tấn công qua mạng internet xâm hại đến hệ thống máy tính, dữ liệu của mình.

Thứ ba, xây dựng hàng rào bảo vệ bằng mật khẩu và mã hóa các dữ liệu thông tin, tài liệu đảm bảo có tính an toàn cao. Biện pháp này thường được áp dụng đối với những thông tin tài liệu có tầm quan trọng đối với cá nhân, ngân hàng..., liên quan đến sự tồn tại và phát triển của một cơ quan tổ chức.

Thứ tư, sử dụng các công cụ kỹ thuật để ngăn chặn các vụ truy cập trái phép, lây lan virus, lấy cắp dữ liệu... phòng ngừa, bảo vệ cho các server, website, cơ sở dữ

liệu, bằng các thiết bị an ninh mạng (phần cứng), các phần mềm chống virus, trojan horse, spyware, spam, ... đảm bảo trình duyệt web được thiết lập chế độ cảnh báo an ninh cao nhất; truy cập trực tiếp trang web cần tìm từ thanh địa chỉ, không kích chuột vào các liên kết từ thư điện tử hoặc các tin nhắn trực tuyến; kích hoạt dịch vụ xác nhận chủ thẻ của nhà cung cấp thẻ Visa hoặc Master Card; không gửi các thông tin mã số thẻ, mã PIN trên internet.

Thứ năm, xây dựng các phần mềm quản trị hệ thống, phân quyền cho người sử dụng cơ sở dữ liệu phù hợp, có biện pháp bảo đảm an ninh mạng, không để bị tấn công từ bên ngoài lẫn bên trong.

Thứ sáu, giáo dục ý thức bảo vệ ANTT cho cán bộ, nhân viên. Chú ý lựa chọn những cán bộ biết về công nghệ thông tin trong ngân hàng, chứng khoán, thương mại điện tử và làm công tác bảo mật... phải có đạo đức tốt, lối sống lành mạnh.

- Tăng cường các giải pháp đối với các chủ thẻ sử dụng thẻ thanh toán ATM, Visa, Master... của ngân hàng: Việc chủ thẻ được trang bị thông tin, kiến thức và kỹ năng để xác định các rủi ro có thể phát sinh là cách hiệu quả nhất để bảo vệ sự an toàn cho thông tin cũng như tài khoản cá nhân của chủ thẻ. chủ thẻ cần thực hiện các giải pháp sau:

Thứ nhất, phải tuyệt đối giữ bí mật thông tin thẻ, không tiết lộ mật mã hay cho người khác mượn thẻ ATM hoặc có thể đổi mật mã thẻ thường xuyên. Chủ thẻ không đặt mật mã bằng các thông tin có sẵn trong ví như ngày sinh, số CMND, số điện thoại, biển số xe ... để tránh tình trạng khi mất ví, thẻ sẽ bị kẻ gian lợi dụng.

Thứ hai, cần quan sát kỹ trước khi thực hiện giao dịch tại máy ATM để phát hiện những dấu hiệu đáng nghi như bị gắn camera quay lén hoặc thiết bị lấy cắp thông tin thẻ. Khi thanh toán tại EDC/POS cần quan sát kỹ, tránh việc thẻ bị quẹt trên thiết bị lạ. Chủ thẻ không nên giao thẻ cho nhân viên bán hàng quẹt tại vị trí khó quan sát. Trong trường hợp bị mất thẻ, chủ thẻ cần kịp thời báo ngay với ngân hàng để khóa tài khoản, hạn chế rủi ro bị người khác lợi dụng rút tiền.

Thứ ba, chủ thẻ nên đăng ký dịch vụ SMS banking để chủ động quản lý tài khoản thẻ. Khi nhận được tin nhắn trừ tiền bất thường, chủ thẻ cần liên hệ ngay tới ngân hàng để nhận được sự hỗ trợ cần thiết.

Thứ tư, quá trình thanh toán trực tuyến, chủ thẻ phải sử dụng phần mềm phòng chống virus trên máy tính, điện thoại. Nếu muốn vào các cổng thanh toán trực tuyến, chủ thẻ phải gõ địa chỉ trực tiếp vào trình duyệt, không nên bấm vào đường link được gửi qua email. Đồng thời, chủ thẻ chỉ thanh toán online ở những website uy tín, không nên thanh toán ATM ở những website ít đảm bảo về độ bảo mật và an toàn của giao dịch.

3.3.2.6. Tăng cường hợp tác quốc tế trong phòng ngừa tình hình tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Trong lĩnh vực hợp tác quốc tế phòng, chống TPSDCNC nói chung và tội phạm sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS nói riêng luôn khó khăn và phức tạp, do vậy để đạt hiệu quả cần thực hiện một số giải pháp sau:

- *Thứ nhất*, hoàn thiện và tăng cường ký kết, thực hiện hiệu quả các hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự trong lĩnh vực phòng, chống TPSDCNC. Cục Pháp chế và Cải cách hành chính, tư pháp cần rà soát xác định những hiệp định nào chưa có thỏa thuận tương trợ tư pháp về hình sự trong lĩnh vực TPSDCNC, cần kiến nghị, đàm phán và bổ sung.

- *Thứ hai*, nâng cao năng lực nhận thức về vai trò hợp tác quốc tế và xây dựng, thực hiện các tình huống điều tra trong hợp tác quốc tế điều tra TPSDCNC. Trong thực tế có nhiều tình huống đòi hỏi phải có sự hợp tác giữa cơ quan chức năng của nhiều quốc gia mới có khả năng điều tra, làm rõ các vụ án về TPSDCNC. Phải có một nhận thức thống nhất giữa các cơ quan pháp luật ở các quốc gia khác nhau về TPSDCNC phải tìm được tiếng nói chung giữa các quốc gia về tội phạm này và cụ thể hóa vào hệ thống luật hình sự của tất cả các nước.

- *Thứ ba*, thiết lập được một cơ chế pháp lý cho mối quan hệ phối hợp giữa các lực lượng chuyên trách về phòng chống TPSDCNC của các quốc gia. xây dựng các điều ước quốc tế song phương hoặc đa phương về phòng chống TPSDCNC là một nội dung hợp tác hết sức quan trọng và cần thiết. Các yêu cầu hợp tác quốc tế phải được thực hiện một cách nhanh chóng. Giữa lực lượng Cảnh sát các nước cần

có sự hỗ trợ, trao đổi về kỹ thuật, chiến thuật, kinh nghiệm cũng như các nguồn lực khác để không ngừng nâng cao năng lực hoạt động của lực lượng chuyên trách từng quốc gia.

Kết luận chương 3

Căn cứ trên kết quả nghiên cứu của chương 2 về thực trạng nhận thức về phòng ngừa tình hình tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS trên địa bàn TP.HCM và thực trạng các biện pháp phòng ngừa tình hình tội phạm này giai đoạn 2013 - 2017, những tồn tại hạn chế và nguyên nhân của nó. Chương 3 của luận văn đã đưa ra một số dự báo về tình hình tội phạm, từ đó đề ra các giải pháp phòng ngừa riêng tương ứng cho các vấn đề ở chương 2 nhằm tăng cường phòng ngừa tình hình tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS trên địa bàn TP.HCM có hiệu quả trong thời gian tới, bao gồm tăng cường các giải pháp phòng ngừa chung, các giải pháp phòng ngừa riêng. Tuy nhiên, do tính chất không giới hạn về mặt địa giới hành chính của loại tội phạm này nên trong các giải pháp phòng ngừa riêng, tác giả đưa ra giải pháp tăng cường hợp tác quốc tế trong phòng ngừa tình hình tội phạm này.

KẾT LUẬN

Cùng với sự phát triển kinh tế, tình hình tội phạm nói chung và tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS trên địa bàn TP.HCM diễn biến ra ngày càng phức tạp và nghiêm trọng, nó đã và đang gây ra ảnh hưởng rất xấu đến trật tự an toàn xã hội. Chính vì vậy, công tác phòng ngừa tình hình tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS trên địa bàn TP.HCM là yêu cầu cấp thiết hiện nay, hiệu quả của công tác này là góp phần quan trọng bảo vệ quyền sở hữu, bảo vệ trật tự an toàn xã hội, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của đất nước và góp phần đảm bảo nền kinh tế - xã hội của TP.HCM phát triển.

Trong quá trình nghiên cứu luận văn, tác giả đã trình bày tại chương 1 về những vấn đề lý luận chung về phòng ngừa tình hình tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS; tại chương 2 về thực trạng phòng ngừa tình hình tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS, rút ra những hạn chế tồn tại và nguyên nhân của nó, đó từ đó làm cơ sở cho chương 3 nhằm tăng cường phòng ngừa tình hình tội sử dụng MMT, MVT, mạng internet hoặc TBS thực hiện hành vi CĐTTS trên địa bàn TP.HCM một cách có hiệu quả trong thời gian tới.

Trong quá trình nghiên cứu và thực hiện đề tài, tác giả đã được sự quan tâm giúp đỡ của các cơ quan tổ tụng trên địa bàn cùng với sự giúp đỡ nhiệt tình của Thầy giáo hướng dẫn khoa học. Tuy nhiên trong quá trình nghiên cứu, tác giả cũng đã nỗ lực, cố gắng rất nhiều nhưng trong quá trình thực hiện cũng có sai sót nhất định. Do đó, rất mong nhận được sự đóng góp của Quý thầy cô, anh, chị và các bạn để luận văn được hoàn thiện hơn./.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chỉ đạo 138 của Chính phủ (1999), *Kế hoạch số 01/BCĐ 138/CP* ngày 10/12/1999 triển khai thực hiện Nghị quyết 09/CP ngày 31/7/1998 của Chính phủ và *Chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm*.
2. Ban Chỉ đạo 138 của Chính phủ (2012), *kế hoạch số 271/KH – BCĐ 138/CP* ngày 20/11/2012 về thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phòng chống tội phạm giai đoạn 2012- 2015.
3. Ban chỉ đạo chương trình quốc gia phòng chống tội phạm (2015), *Đề án II xây dựng và hoàn thiện pháp luật về phòng, chống tội phạm; tăng cường tuyên truyền giáo dục pháp luật và trách nhiệm công dân về bảo vệ an ninh trật tự*.
4. Ban Thường vụ Thành ủy (2010), *Chương trình hành động số 04-CTr/TU* ngày 31/12/2010 về thực hiện Chỉ thị 48-CT/TW của Bộ chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới.
5. Ban Thường vụ Thành ủy (2012), *Chương trình hành động số 26-CTr/TU* ngày 20/6/2012 của về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phong trào toàn dân bảo vệ ANTT trong tình hình mới.
6. Nguyễn Hòa Bình (2008), *Tội phạm sử dụng công nghệ cao ở Việt Nam, thực trạng và giải pháp phòng ngừa, đấu tranh của lực lượng cảnh sát, đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ, Vụ nghiên cứu chiến lược CAND*.
7. Bộ Chính trị (2010), *Chỉ thị số 48/NQ-TW* ngày 22/10/2010 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới.
8. Bộ chính trị (2002), *Nghị quyết số 08/NQ-TW* ngày 22/01/2002 về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác cải cách tư pháp trong thời gian tới.
9. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết số 49/NQ-TW* ngày 02/6/2005 về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.
10. Bộ Công an (1999), *Kế hoạch số 358/KH-BCA* ngày 12/4/1999 thực hiện Nghị quyết số 09/CP và chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm của Chính phủ.

11. Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Thông tin truyền thông, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao(2012), *Thông tư liên tịch số 10/2012/TTLT-BCA-BQP-BTP-BTTTT-VKSNDTC-TANDTC*, ngày 10 tháng 9 năm 2012 hướng dẫn áp dụng quy định của Bộ luật hình sự về một số tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin và viễn thông.

12. Bộ Thông tin và Truyền thông (2017), *Sách Trắng về Công nghệ thông tin và Truyền thông Việt Nam năm 2017*, Nxb Thông tin và truyền thông, Hà Nội.

13. Chính phủ (2014), *Nghị định số 25/2014/NĐ-CP ngày 07/04/2014 của chính phủ quy định về phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác có sử dụng công nghệ cao*.

14. Chính phủ (1998), *Nghị quyết số 09/CP ngày 31/7/1998 về tăng cường công tác phòng chống tội phạm trong tình hình mới*.

15. Công an nhân dân Việt Nam (2005), *Từ điển bách khoa*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.

16. Công an Thành phố Hồ Chí Minh (2013), *Báo cáo số 652/BC-CATP-PV11 ngày 22/11/2013 của Công an Thành phố Hồ Chí Minh về việc đối tượng sử dụng công nghệ cao lừa đảo chiếm đoạt tài sản của doanh nghiệp Việt Nam*.

17. Công an Thành phố Hồ Chí Minh (2014), *Kế hoạch số 507/KH-CATP-PV11 ngày 29/5/2014 về đấu tranh phòng, chống tội phạm có tổ chức trên địa bàn Thành Phố*.

18. Công an Thành phố Hồ Chí Minh (2014), *Thông báo số 44/TB-CATP-PV11 ngày 14/11/2014 của Công an Thành phố Hồ Chí Minh về việc tăng cường công tác nắm tình hình, phát hiện xử lý tội phạm sử dụng thẻ tín dụng giả*.

19. Công an Thành phố Hồ Chí Minh (2015), *Thông báo số 437/TB-CATP-PV11 ngày 14/4/2015 của Công an Thành phố Hồ Chí Minh về việc cảnh báo các phương thức thủ đoạn trộm cắp tiền và thông tin tài khoản từ các máy rút tiền tự động ATM*.

20. Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh (2010-2015), *Văn kiện đại hội*, Thành phố Hồ Chí Minh.

21. Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh (2016-2020), *Văn kiện đại hội*, Thành phố Hồ Chí Minh.

22. Trần Văn Hòa (2011), *Sách An toàn thông tin và công tác phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

23. Phan Đình Khánh - Nguyễn Văn Tùng (2013), *Đấu tranh, phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao tại Thành phố Hồ Chí Minh - thực trạng và giải pháp*, đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ, Sở Khoa học và Công nghệ - Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Hội Luật gia Thành phố Hồ Chí Minh.

24. Phạm Văn Lợi (2007), *Sách Tội phạm trong lĩnh vực Công nghệ thông tin*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.

25. Phòng Cảnh sát Kinh tế Công an Thành phố Hồ Chí Minh, *Báo cáo tổng kết các năm 2013 đến 2017*.

26. Đinh Văn Quế (2003), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự phần các tội xâm phạm sở hữu trong Bộ luật hình sự năm 1999*, Nxb Thành Phố Hồ Chí Minh.

27. Quốc hội (2009), *Bộ Luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung 2009*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

28. Quốc hội (2017), *Bộ Luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung 2017*, Nxb Chính trị Quốc gia sự thật, Hà Nội.

29. Quốc hội (2015), *Bộ Luật Tố tụng Hình sự 2015*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

30. Quốc hội (2013), *Hiến Pháp nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.

31. Quốc hội (2014), *Luật Công an nhân dân*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

32. Quốc hội (2008), *Luật Công nghệ cao năm 2008*, Nxb Lao động , Hà Nội.

33. Quốc hội (2005), *Luật giao dịch điện tử*, Nxb Lao động – xã hội, Hà Nội.

34. Quốc hội (2015), *Luật kế toán*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội.

35. Quốc hội (2003), *Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

36. Quốc hội (2011), *Luật Tổ chức Quốc Hội*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

37. Quốc hội (2014), *Luật Tổ chức Tòa án nhân dân*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

38. Quốc hội (2014), *Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
39. Quốc hội (2009), *Luật Viễn thông*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
40. Thủ tướng chính phủ (2015), *Quyết định số 2631/QĐ-TTg ngày 31/12/2013 về phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, tầm nhìn đến 2025*.
41. Thủ tướng chính phủ (2016), *Quyết định số 623/QĐ-TTg ngày 14/04/2016 về phê duyệt chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm giai đoạn 2016 – 2025 và định hướng đến năm 2030*.
42. Phạm Văn Tĩnh (2007), *Một số vấn đề lý luận về tình hình tội phạm ở Việt Nam*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
43. Phạm Văn Tĩnh (2009), *Khái niệm tình hình tội phạm với những hệ lụy của sự “dễ tính” trong khoa học*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, (số 11), tr.1-9.
44. Phạm Văn Tĩnh (2009), *Tội phạm học Việt Nam và phòng ngừa tội phạm*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, (số 4), tr. 28-39.
45. Phạm Văn Tĩnh (2013), *những vấn đề lý luận cơ bản của tội phạm học*, Giáo trình giảng dạy khoa luật, Học viện khoa học xã hội.
46. Phạm Văn Tĩnh, Nguyễn Văn Cảnh (2013), *Một số vấn đề tội phạm học Việt Nam*, Nxb Bộ Công an.
47. Trường Đại học Luật Hà Nội (2009), *Giáo trình Tội phạm học*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
48. Trường Đại học Luật Hà Nội (2015), *Giáo trình Tội phạm học*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
49. Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2015), *Giáo trình Tội phạm học*, Nxb Hồng Đức – Hội luật gia Việt Nam.
50. Ủy ban nhân dân Thành Phố (2012), *Kế hoạch số 3852/KH-UBNDTP ngày 03/8/2012 về thực hiện chỉ thị số 09-CT/TW ngày 01/12/2011 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phong trào toàn dân bảo vệ ANTT trong tình hình mới”*.

51. Viện nghiên cứu Nhà nước và Pháp luật (2000), *Tội phạm học Việt Nam – Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
52. Trịnh Tiến Việt (2008), *Khái niệm phòng ngừa tội phạm dưới góc độ tội phạm học*, Tạp chí khoa học Đại học quốc gia Hà Nội, (số 24), tr. 185-199.
53. Võ Khánh Vinh (2003), *Giáo trình tội phạm học*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
54. Võ Khánh Vinh (2004), *Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự*, Nxb Công an Nhân dân, Hà Nội.
55. Võ Khánh Vinh, Phạm Hồng Hải, Đào Trí Úc, Nguyễn Mạnh Kháng, Phạm Văn Tĩnh (2000), *Tội phạm học Việt Nam – Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
56. Nguyễn Xuân Yêm (2001), *Tội phạm học hiện đại và phòng ngừa tội phạm*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
57. Nguyễn Xuân Yêm (2005), *Phòng chống tội phạm ở Việt Nam trong thời kỳ đổi mới*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

PHỤ LỤC

Bảng 2.1: Mức độ tương quan tình hình TP Công nghệ cao và tình hình tội theo Điều 226b từ năm 2013 đến năm 2017

	Số vụ xét xử		Số bị cáo	
	TPSDCNC (Điều 224, 225, 226, 226a, 226b)	Điều 226b	TPSDCNC (Điều 224, 225, 226, 226a, 226b)	Điều 226b
Số lượng	48	44	150	135
Tỉ lệ %	100	91,66	100	90

(Nguồn: Tòa án nhân dân TP.Hồ Chí Minh từ năm 2013 - 2017)

Bảng 2.2: Cơ cấu tội phạm Điều 226b so với tội phạm công nghệ cao (Điều 224, 225, 226, 226a, 226b) từ năm 2013 đến năm 2017

Năm	Số vụ xét xử				Số bị cáo			
	TPSDCNC		TP Đ226B		TPSDCNC		TP Đ226B	
	Số vụ	Tỉ lệ (%)	Số vụ	Tỉ lệ (%)	Số BC	Tỉ lệ (%)	Số BC	Tỉ lệ (%)
2013	6	100	6	100	16	100	16	100
2014	10	100	10	100	22	100	22	100
2015	20	100	20	100	33	100	33	100
2016	14	100	14	100	55	100	55	100
2017	8	100	4	50	24	100	9	37,5
Tổng	48	100	44	91,66	150	100	135	90

(Nguồn: Thống kê của TAND Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2013 – 2017)

Bảng 2.3: Diễn biến tội phạm Điều 226b từ năm 2013 đến năm 2017

Năm	Số vụ	Tỉ lệ so với năm 2013	Số bị can	Tỉ lệ so với năm 2013	Giá trị tài sản vi phạm VND (tỷ đồng)
2013	6	100%	16	100%	14,018
2014	10	166,66%	22	137,5%	7,484
2015	20	333,33%	33	206,25%	20,391
2016	14	233,33%	55	343,75%	27,373
2017	4	66,66%	9	56,25%	21,115
Tổng	44		135		90,381

(Nguồn: Thống kê của TAND Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2013 – 2017)

Bảng 2.4: Tỉ lệ mức độ hậu quả tội phạm Điều 226b từ năm 2013 đến năm 2017

Năm	Số vụ	Trị giá tài sản vi phạm (Tỷ đồng)	Tỉ lệ %
Từ 2013 đến 2017	44	90,381	100%
2013	6	14,018	15,50%
2014	10	7,484	8,28%
2015	20	20,391	22,56%
2016	14	27,373	30,28%
2017	4	21,115	23,38

(Nguồn: Thống kê của TAND Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2013 – 2017)

Bảng 2.5: Thống kê công tác tiếp nhận xử lý tố giác, tin báo về TPSDCNC và điều 226b của Lực lượng Cảnh sát kinh tế công an TP.HCM từ 2013 đến 2017

	Tổng số tin báo, tố giác	Nguồn tin báo, tố giác về tội phạm sử dụng công nghệ cao				
		Cơ quan chuyên trách đấu tranh phòng, chống TPSDCNC (C50, PC50)	Các tổ chức, doanh nghiệp trình báo	Tố giác tội phạm của công dân	Công tác trình sát	Tội phạm theo điều 226b
Số tin báo	211	43	87	72	9	57
Tỉ lệ (%)	100	20,38	41,23	34,12	4,27	27,01

Nguồn: Báo cáo tổng kết của lực lượng Cảnh sát Kinh tế Công an TP.Hồ Chí Minh từ năm 2013 đến năm 2017

Bảng 2.6: Thống kê giải quyết các vụ án TPSDCNC (Điều 224, 225, 226, 226a, 226b) năm 2017

Điều luật áp dụng	Số Lượng phải giải quyết		Số Lượng đã xét xử		Số Lượng còn tồn chuyển xét xử 2018		Số Lượng hoàn trả VKSND xét xử 2018	
	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo
224	0	0	0	0	0	0	0	0
225	0	0	0	0	0	0	0	0
226	0	0	0	0	0	0	0	0
226a	6	21	4	15	2	4	2	6
226b	14	44	4	9	2	4	8	31
Tổng	20	65	8	24	4	8	10	37

(Nguồn: Thống kê của TAND Thành phố Hồ Chí Minh năm 2017)

Bảng 2.7: Đặc điểm nhân thân của bị cáo phạm tội Điều 226b trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

ĐẶC ĐIỂM NHÂN THÂN		SỐ ĐỐI TƯỢNG	TỶ LỆ %
Tổng số		135	100
Giới tính	Nam giới	128	94,81
	Nữ giới	7	5,19
Độ tuổi	Từ 14 đến dưới 18	0	0
	Từ 18 đến 30	81	60
	Từ 31 đến dưới 45	45	33,33
	Trên 45	9	6,67
Quốc tịch	Việt Nam	92	68,14
	Nước Ngoài	43	31,86
Trình độ văn hóa	Dưới trung học PT	0	0
	Trên trung học PT	135	100
Nghề nghiệp	Nghề nghiệp ổn định	89	65,92
	Không nghề nghiệp	46	34,08
Tiền án tiền sự	Có Tiền án tiền sự	6	4,45
	Không có tiền án tiền sự	129	95,55
Trình độ tin học	Chưa được đào tạo	15	11,12
	Đã được đào tạo	120	88,88

Nguồn: Thống kê của TAND TP.HCM từ năm 2013 - năm 2017

Bảng 2.8: Thống kê tình hình biên chế của lực lượng Cảnh sát kinh tế Công an Thành phố Hồ Chí Minh (tính đến tháng 12/2017)

Đơn vị		PC46	Đội CSKT 24 Quận, huyện	Tổng
Quân số		217	492	709
Đảng viên		161	368	529
Nữ		27	54	81
Tham mưu		32	27	59
Điều tra viên	Tổng số	34	75	109
	Điều tra viên cao cấp	10	3	13
	Điều tra viên trung cấp	09	22	31
	Điều tra viên sơ cấp	15	50	65
Cán bộ điều tra		17	54	71
Trình sát viên	Tổng số	134	336	470
	Trình sát viên cao cấp	1	0	1
	Trình sát viên trung cấp	29	21	50
	Trình sát viên sơ cấp	45	55	100
	Cán bộ trình sát	59	260	319
Cấp hàm	Cấp tá	78	146	224
	Cấp úy	132	233	365
	Hạ sỹ quan	3	103	106
	Tạm tuyển	2	10	12
	CNV LĐHĐ	2	0	02

(Nguồn: Báo cáo tổng kết năm lực lượng Cảnh sát kinh tế Công an TP.HCM)

Bảng 2.9: Thống kê độ tuổi, trình độ của lực lượng Cảnh sát kinh tế Công an Thành phố Hồ Chí Minh (tính đến tháng 12/2017)

Đơn vị		PC46	Đội CSKT 24 Quận, huyện	Tổng
Quân số		217	492	709
Độ tuổi	Dưới 30	78	133	211
	Từ 30 – 40	42	195	237
	Từ 41 – 50	52	99	151
	Trên 50	45	65	110
Trình độ học vấn	Sau Đại học	12	17	29
	Đại học	155	254	409
	Cao đẳng	33	31	64
	Trung cấp	15	183	198
	Sơ cấp	2	7	09
Trình độ nghiệp vụ Công an	Sau ĐH Công an	11	03	14
	ĐH Công an	115	170	285
	Trung cấp Công an	35	140	175
	Sơ cấp, BDNV Công an	44	158	202
	Chưa qua đào tạo CA	12	21	33
Trình độ lý luận chính trị	Cử nhân	2	2	4
	Cao cấp	18	28	46
	Trung cấp	85	155	240
	Sơ cấp	47	251	298

(Nguồn: Báo cáo tổng kết năm lực lượng Cảnh sát kinh tế Công an TP.HCM)

Bảng 2.10: Tình hình thanh toán không dùng tiền mặt tại Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2013 đến tháng 11/2017

Năm	Thẻ thanh toán		Đơn vị chấp nhận thẻ		Máy POS		Máy ATM đang hoạt động	
	Số lượng (triệu)	Tỉ lệ % so với năm 2013	Số lượng	Tỉ lệ % so với năm 2013	Số lượng	Tỉ lệ % so với năm 2013	Số lượng	Tỉ lệ % so với năm 2013
2013	8,300	100	12.900	100	23.950	100	3.877	100
2014	9,050	109,03	16.400	127,13	31.600	131,94	4.037	104,12
2015	9,900	119,27	17.480	135,50	33.600	140,29	4.180	107,81
2016	10,670	128,55	20.057	155,48	36.538	152,55	4.220	108,84
2017	11,330	136,01	21.900	169,76	38.152	159,29	4.300	110,91

Nguồn: Báo cáo tổng kết của Ngân hàng Nhà nước - Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh từ năm 2013 đến năm 2017